

I THÁNG I I NĂM I 968

BACH KHOA

T H O I - Đ A I

năm mười hai

VÕ PHIẾN *bắt trẻ đồng xanh* * ĐỒNG HỒ *nhân diện*
« Ô-y-hạng » *nghe về hại* « Tận tín thư » * VŨ BẢO *Tòa*
Bạch-Cung * NGUYỄN HIỂN LÊ *lò lửa Trung-Đông* ;
Bán đảo Ả-rập sau thế chiến thứ nhì * NGUYỄN VĂN
XUÂN *cúp hí trường* * TRẦN VĂN KHA *hãy đặt trí*
óc vào việc (dịch WILLIAM MOULTON MARSTON) *
HỒ LIÊN BIỆN *ngành xuất bản ở Nhật-bồn* *
HOÀNG NGỌC TUẤN *cô bé tuyệt vời trên Cao-*
nguyên * MƯỜNG MÁN *vườn cây* * NGUYỄN
SINH TỪ *đem trong trí nhớ* * TRẦN THỊ TUỆ MAI
trên quảng đường này • VŨ HOÀNG CHƯƠNG
thông-diệp Thế-vận * TỪ TRÌ *thời sự thế giới* * TRẦN
ĐẠI *kẻ tự nguyện « đi đày » 3 lần ở Côn-dào* * SINH
HOẠT *thời sự văn nghệ* *
thời sự khoa học * *một thăm*
kịch mới của gia đình Kennedy

284





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-Jô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 284 ngày 1 - 11 - 1968

VÕ PHIẾN <i>bắt trẻ đồng xanh</i>	3
ĐÔNG HỒ <i>nhân diễn «Ô-y-hạng» nghĩ về hại «Tận tín hu»</i>	9
VŨ BẢO <i>ngôi nhà của toàn thể công dân Hoa-kỳ : Tòa Bạch Cung</i>	17
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>lò lửa Trung Đông : Bán đảo Ả-rập sau thế chiến thứ nhì</i>	22
NGUYỄN VĂN XUÂN <i>cuộc hí trường</i>	27
TRẦN VĂN KHA <i>hãy đặt trí óc vào việc (dịch WILLIAM MOULTON MARSTON)</i>	32
HỒ LIÊN BIỆN <i>ngành xuất bản ở Nhật-bồn</i>	35
HOÀNG NCỌC TUẤN <i>cô bé tuyệt vời trên Cao-nguyên(truyện ngắn)</i>	39
MŨỜNG MÁN <i>vườn cây (truyện ngắn)</i>	48
NGUYỄN SINH TỪ <i>đem trong trí nhớ (truyện ngắn)</i>	57
TRẦN THỊ TUỆ MAI <i>trên quăng đường này (thơ)</i>	64
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>thông điệp Thế vận (thơ)</i>	65
TỪ TRÌ <i>thời sự chính trị</i>	66
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	70
TỪ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	72
TỪ TRÌ <i>một thảm kịch mới của gia-đình Kennedy</i>	76

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
 Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
 Điện-thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133, Võ-Tánh Saigon
GIÁ: 30 \$ Công sở Giá gấp đôi :
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

SÁCH BAO MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý-vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Quản tử** : Học thuyết, tư tưởng đường lối chính-trị của Quản - Di - Ngô (Quản-Trọng) do Phạm-Tất-Đắc biên dịch (bản-dịch cổ-văn chữ Hán trong Tứ-khố Toàn-thư của Trung-Quốc), nhà xuất-bản A.B.C ấn hành và gửi tặng. Quản-tử quyển I, trong Việt-Nam quốc-học tùng-thư, dày 260 trang, gồm những nét đại-cương và đường lối chính-trị, học-thuyết của Quản tử và 24 thiên. Giá 150đ.

— **Triết-học hiện-sinh** : Khảo-luận của Trần-Thái-Đĩnh (L.m) do Thời-Mới tái-bản lần thứ nhất và gửi tặng. Sách dày trên 390 trang gồm 11 chương, trình-bày tư-tưởng của các triết-gia hiện-sinh danh tiếng : từ Kierkegaard, Nietzsche, Husserl, Jaspers đến Gabriel Marcel, Sartre, Heidegger... Giá 180đ.

— **Năm mươi năm Cải lương** : (Hồi ký 50 năm mà hát, nhân Cải-lương đã 50 tuổi) của Vương-Hồng-Sên, trong tủ sách Nam-Chi, do Cơ-sở Phạm-quang Khai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 254 trang, gồm 2 chương lớn với phần Tổng luận và phần Phụ lục, trong đó tác giả ghi lại tất cả những tai nghe, mắt thấy về Cải lương tại Miền Nam trong 50 năm qua và những tài liệu sưu tập rất quý

giá. Sách lại kèm theo mấy chục hình các thể-hệ nghệ sĩ cải lương từ Năm Phỉ, Phùng Há đến các tài tử sân khấu hiện đại, in ngoại bản rất đẹp. Giá 300đ.

— **Lột xác** : Truyện dài của Duy Lam, do Thái độ xuất bản, trong tủ sách Văn nghệ xám, và gửi tặng : Sách dày 238 trang, bìa ngoài của Hiếu Đệ, bìa trong của Huy Tường. Giá 170đ

— **Tiếng chuông dưới đáy biển** : Truyện thiếu-nhi của Nguyễn-Trường-Sơn, do Anh-Huy xuất bản, trong tủ sách Tuổi-Hoja, và gửi tặng. Sách dày 186 trang, trình bày đẹp rất hợp với các em thiếu nhi. Giá 40đ.

— **Phổ ca** : Tập nhạc của Tôn-Thất-Lập, do Vận Động xuất-bản và gửi-tặng. Sách gồm 12 bản nhạc, có lời ca. trình bày sáng sủa trang-nhã, có kèm theo phụ bản của Đặng-Tấn-Tới. Giá 90đ.

— **Bút nghiên** : Tiểu thuyết của Chu Thiên do nhà xuất bản Đồ Chiểu ấn hành và gửi tặng. Sách dày 249 trang, thuộc loại « Truyện hay Tiền chiến » bìa của họa sĩ Thái Tuấn. Giá 130đ.

— **Sau đêm bố ráp** : Phóng sự xã-hội tiểu-thuyết-hóa của Bình-Nguyên-Lộc, do Thịnh-Ký xuất bản và tác-giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 27 của nhà văn Bình Nguyên Lộc, dày 308 trang. Giá 160đ.

CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI

Sổ Bách-Khoa kỷ niệm 12 năm và sổ Tết Kỷ Dậu sẽ xuất bản vào các ngày 15-1-69 và 1-2-69 như thường lệ. Vậy các bài về các sổ đặc biệt trên đây trân trọng xin quý bạn gửi đến trước ngày 15-12-1968 cho Tòa soạn kịp sắp xếp. Chân thành cảm tạ.

Bắt trẻ đồng xanh^{*}

Trong những ngày gần đây ai nấy chỉ những xôn xao về chuyện ngưng chiến. Bao lâu nữa nhỉ ? Làm gì bây giờ ?

Trong bao nhiêu năm trời, chúng ta đã quen với nếp sống chiến tranh đến nỗi hòa bình làm cho chúng ta bối rối. Nhưng thiết tưởng ngưng chiến không đáng làm chúng bận tâm đến thế. Chiến tranh này sắp kết thúc, bằng cách này hay cách khác, hoặc sớm hơn một ít hoặc chậm hơn một ít. Chuyện phải đến rồi sẽ đến, nó xảy đến ra sao dường như cũng đã được trù liệu.

Cái đáng bận tâm là những điều tiếp theo cuộc ngưng chiến ấy.

—Thì các vị lãnh đạo chúng ta đã tiên liệu rồi : đấu tranh chính trị chứ gì ? kinh tế hậu chiến chứ gì ?

Đấu tranh chính trị, nó hiển nhiên quá, nó sờ sờ ra đấy, tưởng như rõ mồn một. Nói rằng trong giai đoạn tới ta với cộng sản phải đấu tranh chính trị với nhau, nói thế gần như không phải là tiên liệu gì ráo. Đó là đối phó. Chuyện ấy đến ngay trước mắt rồi, ta buộc lòng phải đối phó tức khắc, thế thôi.

Nhưng nói thế còn là khá. Hầu hết mọi người khác chỉ chăm vào những cái gần hơn nữa: hàng mấy trăm ký giả mỗi tuần bu đến phòng họp báo của các phái đoàn Hoa kỳ và Bắc Việt để ghi lấy dăm ba câu tuyên bố loanh quanh, các bình luận gia khét tiếng của báo này báo kia đài này đài nọ bóp trán suy đoán xem lúc nào thì ngưng oanh tạc dưới vĩ tuyến 19 v.v .. Thiên hạ theo dõi ý kiến của họ.

Trong lúc ấy nhóm lãnh đạo ở Hà nội lặng lẽ lo liệu công việc mai sau : tức một cuộc chiến tranh khác. Một cuộc chiến tranh quân sự hẳn hoi. Và họ tiến hành thực hiện chuẩn bị, ngoài sự chú ý của dư luận : các bình luận gia có tiếng, khét hay không khét, gần như không mấy may quan tâm đến chuyện ấy.

Thế mà đó mới là chuyện đáng quan tâm. Thiết tưởng là chuyện đáng quan tâm hơn cả vào lúc này. Bởi vì nếu ta mù tịt về ý định của đối phương trong tương lai thì trong cuộc đối thoại thương thuyết với họ hiện thời ta biết làm sao đặt ra những điều kiện cần thiết ?

oOo

Cuộc bắn giết sắp tới giữa miền Nam và miền Bắc đã được cộng sản xếp đặt từ lúc này, cũng như cuộc bắn giết thế thảm mười năm qua được

* L.T.S. : Tên một cuốn sách dịch của cô Phùng-Khánh về truyện "The Catcher in the Rye" của Salinger do Thanh - Hiên xuất bản (1967).

họ xếp đặt từ trước tháng 7-1954, trước ngày đình chiến theo hiệp định Genève.

Thượng tuần tháng 7-68 một nhóm luật gia họp ở Grenoble buộc Hoa kỳ vào tội gây chiến tại Việt nam. Sau đó, nhóm luật gia tranh đấu chính trị Việt nam họp tại Sài Gòn cãi lại: Mặt trận giải phóng miền nam đã thành lập từ năm 1958 và ra mắt ngày 20-12-1960, còn người lính Mỹ đầu tiên chỉ mới tử trận trên lãnh thổ miền Nam ngày 22-12-1961.

Người của pháp luật, họ cãi lý với nhau, họ bắt bẻ nhau như thế. Không hiểu sao họ chỉ nói tới Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Trước họ, nhiều người đã đi ngược lên tới Mặt trận Tổ quốc, và xa hơn Mặt trận Tổ quốc: tới cái nghị quyết của đảng Lao động đã đẻ ra Mặt trận này.

Mặt trận này, Mặt trận nọ... đó là những bằng chứng đã có tên gọi. Chờ cho cộng sản đặt tên rõ ràng các hoạt động của họ mới chịu cho rằng họ hoạt động tức là nghĩ tẻ cho họ nhiều quá. Họ đâu có chậm chạp như vậy? Trước những hoạt động có tên gọi đã từng xảy ra nhiều hoạt động không tên gọi, và trước cả các hoạt động không tên là những toan tính xếp đặt kỹ càng

Khi họ nhận thấy không thanh toán cả nước Việt nam một lần, mà phải chấp nhận điều đình với Pháp để giữ lấy nửa nước, thì họ đã đặt ngay ra vấn đề: còn lại nửa nước kia, phải giải quyết ra sao? Và họ đặt kế hoạch « giải quyết », cùng lúc với kế hoạch điều đình. Nghĩa là vào năm 1954, chứ không phải năm 1958.

Thật vậy, hiệp định đình chiến vừa

ký kết, thì những điều khoản ngưng cuộc chiến tranh bấy giờ được họ thi hành đồng thời với những điều chuẩn bị cuộc chiến tranh sau. Đồng thời, không muộn hơn một ngày nào.

Lúc ấy chính quyền quốc gia lo đùm tùm kéo nhau vào Nam, và tổ chức cuộc di cư cho đồng bào miền Bắc. Di cư là đi cả nam lẫn nữ, cả già lẫn trẻ: công chức già thì vào theo nhà nước để lãnh lương hưu, các cụ cố thì theo con cháu vào để được nuôi nấng và chết giữa đám con cháu v.v...

Cũng lúc ấy, cộng sản lo liệu công việc của họ có lớp lang:

— Vũ khí, họ chôn giấu lại một số ở miền nam;

— Cán bộ và binh sĩ, họ chọn lựa một số cho ở lại: có hạng được bố trí để len lỏi vào các cơ quan quốc gia, có hạng trở về cuộc sống thường dân chờ thời cơ, có hạng đổi vùng để hoạt động, có hạng vừa lẩn trốn vừa bám lấy địa phương để hoạt động v.v...;

— Địa chủ, phú nông, trót bị ngược đãi tù tội, đều được tha thứ, giải thích, dỗ dành để xóa bỏ hận thù. Những thành phần không dỗ dành được thì họ thủ tiêu, vì xét nguy hiểm đối với tính mạng những cán bộ nằm vùng của họ;

— Tập kết theo nguyên tắc: Đưa ra Bắc hạng trai trẻ có thể làm việc đặc lực và sản xuất giỏi cùng hạng có uy tín có khả năng; bỏ lại Nam hạng lão nhược có thể làm một gánh nặng cho quốc gia. Cố ý gây phân ly chia cách, làm thế nào để mỗi gia đình đều có kẻ đi người ở;

— Gấp rút tạo thêm nhiều liên hệ giữa thành phần tập kết ra Bắc và dân chúng miền Nam: đặc biệt là tổ chức

những đám cưới cấp tốc khiến cho hàng chục vạn binh sĩ và cán bộ Việt cộng ra đi bỏ lại trong Nam bấy nhiêu cô vợ trẻ, có những cô chỉ ăn ở với chồng đôi ba hôm.

Bấy nhiêu cô vợ trẻ và gấp đôi gấp ba chừng ấy cha mẹ già cùng cô cậu chú bác v.v... là một lực lượng đáng kể. Bằng chính sách tập kết và gây liên hệ này, cộng sản cưỡng bức một số người về sau phải làm nội tuyến cho chúng.

Ngay từ đầu, tình cảm của những người này đã hướng về Bắc, theo bóng kẻ thân yêu. Thái độ và hoàn cảnh éo le của họ khiến nhà chức trách địa phương lo ngại, đề phòng. Do đó họ thành một khối người dần dần sống cách biệt, nếu không là đối lập với chính quyền miền Nam. Một vài trường hợp đối xử vụng về bị khai thác, một vài sự hiểu lầm bị xuyên tạc: thế là mâu thuẫn giữa hai bên trở thành trầm trọng. Rồi một ngày kia chuyện được tính trước sẽ xảy ra. Xin thử tưởng tượng: gia đình có đứa con hay người chồng ra Bắc năm 1954, hai năm sau, một đêm nào đó có kẻ lạ mặt lên vào nhà lén lút trao cho xem một lá thư và một tấm hình mới nhất của con hay của chồng từ Bắc mang vào, gia đình họ làm sao nổi tổ giác kẻ lạ mặt, dù biết họ đang gây loạn. Đã không tổ giác được, tất phải che giấu, nuôi dưỡng mối liên lạc. Từ việc này đến việc khác, gia đình họ dần dần đi sâu vào sự cộng tác với lộ chức bí mật của đối phương, chịu mệnh lệnh của họ, rồi cuộc gia nhập hẳn vào hàng ngũ họ.

Chính vì thế mà thư từ hình bóng của cán binh tập kết có giá trị đặc biệt quan trọng: những năm 1956, 57, 58 cán bộ từ ngoài Bắc xâm nhập vào hoạt động trong người họ bao giờ cũng mang theo

một số thư từ, hình bóng của cán binh tập kết. Đó là lợi khí hết sức đặc dụng giúp họ đặt các cơ sở quần chúng đầu tiên.

Gây được cơ sở quần chúng, vận động được sự đóng góp số lương thực tiền bạc cần thiết để nuôi quân rồi, bấy giờ các lực lượng vũ trang tại chỗ bắt đầu được thành lập, các lực lượng vũ trang ngoài Bắc kéo vào. Sau đó mới có cái Mặt trận giải phóng ra đời.

Như vậy, cuộc chiến hiện nay không hề khởi đầu từ những bất mãn chống một chế độ độc tài gia đình trị, không hề khởi đầu từ sau việc chính quyền Sài-gòn từ chối cuộc tổng tuyển cử 1956, không hề khởi đầu từ ngày khai sinh mặt trận nọ mặt trận kia.

Cuộc chiến này xuất hiện ngay từ những cuộc liên hoan chia tay giữa kẻ ở người đi trong thời hạn 300 ngày, những cuộc liên hoan có hát có múa, có bánh trái tiệc tùng... Nó xuất hiện ngay từ những đám cưới vội vã sau ngày đình chiến, những đám cưới lắm khi tổ chức tập thể, do trưởng cơ quan trưởng đơn vị chủ tọa. Nạn nhân đầu tiên của cuộc chiến này không phải là những kẻ ngã gục vào 1958, 1959, mà là những cô gái tức khắc biến thành góa phụ từ 1954.

Dân chúng miền Nam ai nấy đều biết những bận rộn tới tấp, những công việc bề bộn ngồn ngang mà nhà cầm quyền cộng sản hồi ấy phải làm cho kịp trước khi rút ra Bắc. Trong hoàn cảnh rộn ràng bấy giờ, nếu không vì lý do quan trọng, chắc chắn đảng và nhà nước cộng sản không đến nỗi quá sốt sắng lo cưới vợ cho cán binh như thế. Chắc chắn. Dù tìm trong thời kỳ lịch sử nào của bất cứ dân tộc nào, cũng

hiếm thấy một trường hợp chính phủ lo vợ túi bụi đến chừng ấy.

oOo

Cũng như hiện nay, trong giai đoạn ác liệt sau cùng của chiến cuộc tại miền Nam này, nếu không vì lý do quan trọng, đảng và nhà nước cộng sản nhất định không bao giờ khờ công gom góp thiếu nhi ở đây đưa ra Bắc, trải qua bao nhiêu gian nan khó nhọc, trong những điều kiện di chuyển nguy hiểm đến nỗi cả các binh sĩ khoẻ mạnh của họ cũng hao mòn suy kiệt dọc đường.

Đưa thiếu nhi miền Nam ra Bắc, không phải họ nhằm làm giảm nhẹ một gánh nặng nuôi dưỡng, giúp các ông tổng trưởng kinh tế hoặc xã hội của chúng ta. Mọi người đều rõ, tại Bắc-việt và Trung-cộng, người ta tiết giảm sinh sản rất gắt gao : họ hạn chế hôn nhân hạn chế luyện ái.

Đưa thiếu nhi miền Nam ra Bắc, cũng không phải cộng sản họ nhằm giúp ông tổng trưởng giáo dục của chúng ta một tay để giải quyết nạn thiếu trường ở trong này.

Trong giới quan sát nhiều kẻ bảo rằng Bắc việt kiệt quệ rồi, không đủ sức kéo dài chiến tranh nữa, họ bối rối lắm, luống cuống lắm. Dù không tin vào nhận định ấy, ít ra cũng phải chịu rằng lúc này họ bận trăm công nghìn việc, nếu chuyện bắt trẻ miền Nam không có một tầm quan trọng đặc biệt thì họ không hơi đâu nghĩ đến. Đảng này họ đang ra sức thực hiện một kế hoạch bắt trẻ trên một phạm vi hết sức rộng lớn : đồng loạt, người ta phát giác ra trẻ em bị bắt ở khắp nơi trên toàn

quốc Việt-nam cộng-hòa, từ Quảng-trị, Thừa-tiên, Pleiku, Kontum đến Mỹ-tho, Cà-mau, người ta gặp những toán trẻ em chuyển ra Bắc-Việt bằng phi cơ từ Cambốt, hoặc bị dẫn đi lữ lượt trên đường mòn Hồ chí Minh, nghĩa là bằng mọi phương tiện, một cách gấp gáp.

Họ bổ sung quân số đó chăng ? — Không đâu Trẻ bị bắt có hạng mới tám, chín tuổi. Trong những trường hợp khẩn cấp, họ có thể tạm sử dụng một số trẻ con bắt được ngay tại địa phương ; chứ thành lập những đơn vị con nít như thế để dùng ngay vào chiến cuộc này là chuyện điên rồ. Không phải bổ sung quân số đưa vào chiến cuộc đang kết thúc đâu, mà là họ đang tổ chức chiến cuộc kế tiếp mai sau đây.

Đem chút ít kinh nghiệm về lần trước để suy nghiệm về lần này, chúng ta thấy trước dăm ba điều họ sẽ làm sau khi thỏa ước ngưng chiến được ký kết :

— Họ sẽ bỏ lại miền Nam tất cả những thương phế binh, những cán bộ lâm nạn tàn tật v.v... Mang mỗi phần tử vô dụng như thế về Bắc là gây thêm một xúc động tâm lý trong quần chúng ngoài ấy; để hạng ấy ở lại họ tạo thêm gánh nặng cho kinh tế miền Nam ;

— Lúc cuộc « chiến tranh chính-trị » mà các nhà lãnh đạo miền Nam vẫn nói được bắt đầu, thì bao nhiêu ức vạn gia đình có con cháu ra Bắc (và những cô gái có chồng lính cưới vội vàng trước khi về Bắc nữa) hóa ra những thành phần mà chính quyền ta không sao lôi kéo tranh thủ nổi. Lòng họ hướng về những con tin ở ngoài Bắc, phân nửa sinh mạng họ do nhà đương

cuộc miền Bắc định đoạt. Thái độ của họ khiến nhà chức trách địa phương có thể phạm vào vài biện pháp kỳ thị vùng về : thể là phát sinh mâu thuẫn, bất mãn, chống đối v.v. . .

— Một ngày nào đó, những cán bộ từ Bắc lại lén lút xâm nhập, mang theo thư từ của con, của chồng họ : họ mừng như mở cò trong bụng. Họ bắt tay cộng tác với những cán bộ nọ, cùng nhau hoạt-động để tạo điều kiện cho chồng con họ sớm trở về ở ạt theo những đơn vị Nam xâm.v.v...

Cán binh gốc người miền Nam đưa ra Bắc, rồi lại phái trở vào có nhiều cái lợi : khi được lệnh vào Nam hoạt-động, họ mừng rỡ vì có cơ hội về quê ; họ ra đi lặng lẽ, không có bà con thân thuộc ở Bắc nên không gây xao xuyến gì trong dân chúng, vừa giữ được yếu tố bí mật vừa tránh được tác động tâm lý bất lợi ; họ lại được mong chờ đón đợi ở miền Nam ; và họ thông thạo am hiểu về dân tình cùng địa thế miền Nam.

Như thế, chủ trương bắt đám trẻ em ở miền đồng bằng Nam Việt, bắt ngát, phi nhiều, đem ra xứ Bắc đông người đất hẹp, nhà cầm quyền Hà-nội chính đang bắt đầu chiến cuộc mai sau ngay từ lúc này, lúc mà chúng ta còn đang xôn xao mong ước ngưng chỉ chiến cuộc hiện tại. Nói họ bắt đầu lúc này cũng chưa đúng : thực ra các tài liệu về « Vấn đề gửi các cháu ra miền Bắc » đã được phổ biến trong hàng ngũ Cộng sản từ tháng 4-68, và thúc dục thực hiện trước mùa mưa năm nay. Tháng 4-68, tức là liền ngay sau khi Tổng-thống Mỹ mở miệng thốt ra vài dấu hiệu tỏ ý xuống thang chiến tranh để đi tới điều đình.

Điều đình đề nghị ngưng, đối với Mỹ

và chúng ta là thở ra một hơi dài nhẹ nhõm. Điều đình đối với Cộng sản là bỏ cuộc nửa chừng, là đành không ăn được keo này. Thua keo này họ bày liền keo khác ngay, vì ngưng chiến thế này, theo họ là một sự dở dang, là chưa hoàn tất công việc. « Thế này rồi thôi luôn hả ? Nói thế mà nghe được ! Sao có thể quan niệm một cách giải quyết giản đơn, vô duyên đến thế ? »

Ý tưởng về ngưng chiến của chúng ta dính liền với một mơ ước xây dựng : bao nhiêu tỷ bạc cho miền Nam, bao nhiêu tỷ bạc cho miền Bắc, trao đổi kinh tế ra sao, trao đổi văn hóa thế nào.v.v.. Ý tưởng về ngưng chiến của cộng sản dính liền với một kế hoạch tấn công quân sự. Và những nạn nhân đầu tiên của trận chiến tranh tương lai là những đứa bé con và bố mẹ chúng đã chịu đau thương từ sáu tháng qua rồi. Trận chiến tranh tương lai đã chọn nạn nhân của nó trong đám trẻ thơ, đàn bà miền Nam, để biến họ thành con cô vợ góa. Xong rồi. Việc đã bắt đầu từ nửa năm nay rồi.

oOo

Trước một đối thủ như thế thái độ của những chính khách Việt-Mỹ hằng ngày dăm ngực dôm dộp, bần khoăn, tự trách mình cái lỗi không kết thúc được chiến cuộc, thái độ ấy ngây ngô đã đành. Thái độ của những người hơn hờ với một kế hoạch kinh tế hậu chiến nào đó, nghĩ cho cùng cũng mĩa mai, tội nghiệp : liệu rồi hưởng được mấy năm hòa bình trước mắt mà hí hửng tính chuyện xây dựng, mà mơ cảnh thịnh vượng? Rồi đến thái độ của những kẻ nhìn xa đề báo động về một cuộc chiến tranh chính trị t bảo rằng đối phương rồi đây chỉ có hoạt động chính trị, như vậy không khác gì

chỉ vào con cọp mà gọi là con chó. Gần như tự lừa mình, như giúp địch nguy trang.

Dù cho chỉ có chiến tranh chính trị với nhau, đổ ai, đổ đảng phái nào, liên minh nào, phong trào nào của chúng ta mà thuyết phục được mấy vạn ông bà cha mẹ có con cháu ở Bắc, mấy vạn góa phụ có chồng ở Bắc, thuyết phục được họ thành thực theo ta? Chỉ nắm lấy chừng ấy vạn người, cộng sản Bắc Việt đã có trong tay một lực lượng to lớn hơn mọi đoàn thể chính trị của chúng ta, lực lượng nằm ngay trong lòng quần chúng ta, hàng ngũ ta mà hoạt động. Ấy là chỉ so sánh về lượng. Mặt khác, trong số các đoàn viên phong trào quốc gia, các đảng viên quốc gia v. v...

hạng thực sự nhiệt thành vì lý tưởng liệu được bao nhiêu? và riêng trong hạng nhiệt thành có được bao nhiêu kẻ mà lòng thiết tha đối với lý tưởng có thể mạnh hơn lòng thiết tha đối với chồng con của những phần tử bị cộng sản lợi dụng kia?

Dù cho chỉ có đấu tranh chính trị với nhau thôi, chúng ta đã bất lợi như thế. Huống chi đó chỉ là hành vi tốt lành lương thiện mà ta gán cho đối phương. Còn họ..., nếu vạn nhất trong thời gian năm bảy năm sắp tới mà đất nước này thoát khỏi một trận chiến tranh nữa, thì đó là ý trời, không phải là ý của họ đâu.

Ý của họ, nó tàn nhẫn đến nỗi chúng ta không dự liệu tới, không tưởng tượng được. Đó là chỗ nhược của ta.

Năm 1954, sau chín năm ê chề mòn mỏi vì chiến tranh, thấy hòa bình ai

nấy nhẹ nhõm, nếu có kẻ nào lúc đó mà xếp đặt một cuộc tàn sát nữa, kẻ ấy tất gan đồng dạ sắt. — Thi Hồ chí Minh đã xếp đặt cuộc tàn sát ngay vào thời kỳ ấy.

Năm 1968, sau hăm ba năm chiến tranh thảm khốc, nghe nói hòa bình mọi người mừng rơn. Nghĩ tới hàng triệu người đã bỏ thân trong thời gian qua, ai cũng tưởng làm người Việt Nam mà có kẻ dám đề ý nghĩ mon men đến chiến tranh nữa, kẻ ấy thật mặt dày mày dạn, tán tận lương tâm. — Thi Hồ Chí Minh chính đang xếp đặt thêm một cuộc chiến tranh.

Vậy mà ông ta vẫn an nhiên hưởng sự trọng vọng của bao nhiêu người, kể cả người Việt nam! Cho hay cái sản phẩm quái dị của thể kỷ văn minh này là tuyên truyền chính trị, nó có một ma lực mê hoặc phi thường. Không phải thứ tuyên truyền yếu ớt vận dụng một cách khó khăn trong khung cảnh các nước tự do, mà là thứ tuyên truyền một chiều, qui mô, toàn diện, có thể huy động mọi hình thức văn chương nghệ thuật phục vụ cho nó, có thể sử dụng các quyền lợi kinh tế hỗ trợ cho nó như ở tại các quốc gia độc tài: Nga Xô, Trung Cộng, Bắc Việt, Đức quốc xã v.v...

(xin xem tiếp trang 78)

Đã phát hành :

SỢ LỬA

của Doãn Quốc Sỹ

Sách nhà xuất bản SÁNG TẠO

NHÂN ĐIỀN « Ô - Y - HẠNG »

NGHĨ VỀ HẠI « TẬN TÍN THƯ »

Thi thoại sống của ĐÔNG-HỒ

Kỳ thi vừa qua, có một ông thầy Việt-văn kể cho tôi nghe một câu chuyện về chữ nghĩa mà thầy đã gặp trong bài thi của cử-tử.

Thầy kể rằng :

Có một đề thi, cho thí sinh chú thích và bình giảng một bài thơ cổ. Bài thơ đó là bài thơ nôm Đường luật, thất ngôn bát cú, phá trắc.

Bài thơ như sau :

Ô - y làng nọ vừa ban tối
Vương Tạ lâu kia hãy hé rèm
Chớp cánh đã gần nơi sở cậ
Tận màn chi quản chỗ nghi hiềm
Lâu lo như tổ năm xưa cách
Bay liệng dường quen chốn cũ tìm
Lắm lét những lo không nóc đổ
Tơ bay hoa rụng nổi buồn thêm

Bài thơ này trích trong một tác-phẩm viết hồi đầu thế kỷ XVIII là *Truyện Song Tinh*, thể truyện diễn ca của Hào-lương-hầu Nguyễn-Hữu-Hào (.?.-1713)

Bài thơ này là bài thơ «Vịnh chim yến» của một nhân vật trong truyện là nàng Nhụy Châu, mượn lời vịnh yến để tỏ tình, ngỏ ý, gởi đến người yêu lý tưởng, một nhân vật khác, là chàng Song Tinh đang trọ học tại gia đình nàng.

Bài thơ này, cũng như hầu hết các bài thơ nôm cũ, cần phải dụng công suy nghĩ mới thông nghĩa được, bởi tại cách nói và dụng ngữ của thời xưa mà hiện tại chúng ta ít nghe nói, hay

là không hề nói như vậy nữa. Điều đó thì ai cũng đã rõ rồi, không cần đề cập đến.

Ở đây, muốn nói về một điển cổ, một văn liệu mà tác giả đã dùng ở hai câu đầu bài thơ :

Ô - y làng nọ vừa ban tối.
Vương Tạ lâu kia hãy hé rèm.

« Ô y hạng » mà gọi rằng là *điền*, cũng không thật đúng. Vì đây cũng không đích thực là một *điền tích*, ví như *điền* « Lá *thắm* chỉ hồng », *điền* « Con vua ngậm đá », *điền* « Tiên té lừa » vân vân...

Mà đây nên gọi là một *thi-liệu* như

thi-liệu « *Sông Tần một giải xanh xanh, lời thôi bờ liễu mấy cành Dương quan, chẳng hạn* ».

Thi-liệu, là mượn một câu tục ngữ, ca dao hay một câu thơ cũ có sẵn đã tả tác về một ý cảnh nào, nói về một sự kiện nào, nay đem xếp đặt lại, mở rộng thêm, hoặc gói ghém vào, cho người đọc biết rằng mình cũng nói về ý cảnh đó, về sự kiện đó. Ví dụ câu thơ Kiều :

*Tiếng gà điểm nguyệt, dẫu giày cầu
sương*

là mượn thi liệu câu thơ « *Tảo hành* »

*Kê thanh mao điểm nguyệt
Nhân tích bản kiều sương.*

Lại ví dụ như câu :

Chợ đông khi đất, phòng khi ế

Hương ngát rừng xanh dăm hững hờ
Đó là lời thơ nói về *cây quế*, nát nghĩa theo câu tục ngữ : *đất là quế, ế là củi*, và câu ca dao : *Tiệc cho cây quế giữa rừng... vân vân...*

Câu đầu và câu hai, trong bài thơ *Vịnh yến* này cũng như thế :

Ô-y làng nọ vừa ban tối

Vương Tạ lâu kia hãy hé rèm.

là mượn thi liệu trong bài thơ *Kim lăng hoai cổ* của Lưu Vũ-Tích đời Đường.

Bài thơ chữ Hán rằng :

Chu tước kiều biên dã thảo hoa

Ô-y-hạng khẩu tịch dương tà

Cự thì Vương Tạ đường tiền yến

Phi nhập tầm thường bách tính gia

Cho nhớ, bài thơ tuyệt cú này không-phải là bài thơ *Vịnh-yến*, mà là bài thơ *Hoai cổ*, than thở cho cảnh vật biến thiên, thế sự đổi dời.

Chu-tước-kiều, *Ô-y-hạng* đều là địa-danh, trong vùng đất Kim lăng. Tác-giả

đến Kim lăng, qua Chu tước kiều, vào Ô-y-hạng, nhìn thấy cảnh cỏ hoang hoa dại, đìu hiu bên cầu Chu tước, nhìn thấy cảnh chiều tà bóng nhạt, bảng lảng ngoài ngõ Ô-y, và nhìn thấy cảnh chim én sập sè bay liệng vào mọi nhà thường dân trăm họ. Tác giả không kết luận, rằng nhớ rằng buồn, rằng thương, rằng cảm. Mà đọc bài thơ, chúng ta ai lại chẳng ngậm ngùi cảm thấy một khí vị tiêu sái thê lương. một cảnh tượng đìu hiu ứa nhạt. Trước kia, cũng chốn này, biết bao tấp nập vui vầy, đường tạ đình chung, lầu đài ca quắn, bạn bè nô nức, tân khách dập diu, như mây như gấm. Đàn chim én rủ rê nhau, ríu rít nhau, trước mái lầu họ Vương họ Tạ, nhà sang họ quý, ngà ngọc vàng son.

Mà bây giờ thì, cũng có đàn chim yến, cũng bay cũng lượn, cũng bay dọc bay ngang, bay la bay lả đó ; nhưng nhà quan sang họ Vương họ Tạ đâu còn, mà đã thay vào đó những nhà thường dân bách tính. Trăm họ bác tạp, lẫn lộn sang hèn. Đâu phải chỉ có hai họ nhà Vương nhà Tạ, độc chiếm quan cả ngôi cao ; và vô ra đó, đâu phải chỉ toàn những « chàng áo đen » xung xoe kênh kiệu thuở nào xưa.

Lời thơ hàm súc, từ thơ thâm trầm như vậy, cho nên bài này, trong làng thơ, ai cũng ưa và ai cũng thuộc.

Vì ai cũng ưa, vì ai cũng thuộc, cho nên, làm thơ, muốn có chút thi liệu cho màu, ai cũng nhớ đến và không bỏ qua. Chính Nguyễn Du, trong Truyện Kiều cũng đã dùng thi hiệu này, khi chàng Kim Trọng trở về, nhìn cảnh hoang lương chốn vườn xưa Lãm thúy :

Sập sè én liệng lâu không.

Cỏ lan mặt đất, rêu phong dẫu giày.

Cũng yến lượn lâu không, cũng cỏ

lan mặt đất. Cũng là nói lại lời của Lưu - Vũ - Tích nói rồi, khi qua ngõ Ô -y, cầu Chu-tước, đất Kim-lăng.

Đến đầu thế kỷ XIX, Nguyễn Du mới nói. Mà trước hơn Đoàn trường tân thanh, một trăm năm, hồi đầu thế kỷ XVIII, Nguyễn-Hữu-Hào cũng đã nói đến rồi. Tức là câu thơ dẫn thượng :

Ô-y làng nọ vừa ban tối

Vương Tạ lâu kia hãy hé rèm

Đề cho đến hôm nay, hơn hai trăm năm sau, làm náo rộ Trường Đại-học Văn khoa, bởi « đàn chim yến thư sinh » bay lượn tranh nhau ngõ vào Cường đề :

*Cường-đề nhai biên phương thảo hoa
Cộng-hòa cựu lũy tịch dương tà
Hiện thì « bạch diện thư sinh » yến
Tranh nhập phi thường Đại học gia*

Bốn câu chuyết cổ hài văn trên đó, nếu muốn dịch ra thơ quốc âm cho vui, thời dịch rằng :

*Cường-đề ven đường thơm cỏ hoa
Cộng hòa thành cũ bóng dương tà
Có đàn «chim yến thư sinh» đến
Tranh lấy mùa xuân chiếm thủ khoa*

Thôi hãy gác lại, chuyện điền cổ, thi liệu dài dòng mà nói rõ hơn về định nghĩa Ô-y-hạng.

Đại loại các sách *Từ hải*, *Từ nguyên*, đều thích nghĩa rằng : Ô-y-hạng, tên đất, ở về phía đông-nam chợ Nam-kinh, phía nam sông Tần-hoài. Ngày xưa ở gần Chu tước kiều, ngày nay ở trong huyện thành Giang-ninh. Thời Tấn, hai họ Vương Đạo, Tạ An, đều làm nhà ở trong ngõ ấy. Các con em hai nhà quý tộc đó, đời gọi là « ô-y lang ».

Đó là giải thích của sách từ điển.

Còn các sách Đường-thi chú giải thì phụ hội thêm rằng : Nhân vì các con em họ Vương họ Tạ đều mặc áo đen, cho nên đời mới xưng là ô-y-hạng, và y-lang vân vân ... Lâu đài đình tạ của các họ quý tộc đó dựng trong rừng cây, đề nghinh tân hội hữu, cho khung cảnh thêm tịch mịch nên thơ, nhân đó, các loài chim yến thường bay đến làm tổ quanh nhà, cho nên đặt tên nhà đó là *Lai yến đường*.

Trên đó là về ô-y-hạng, thích nghĩa theo sách *Từ hải*, và các sách *Đường thi*.

Từ điển Đào-Duy-Anh, còn có từ ngữ đôi : ô-y.

Rằng ô-y, «tên riêng loài chim yến». Sách *Từ-nguyên* thì nói rõ hơn : Tục truyền có người nằm mộng thấy mình đi chơi đến nước gọi là Ô-y-quốc. Mộng tỉnh, thấy có hai con chim yến đậu trên đầu song nhà kêu hót líu lo, mới biết rằng mình đã mộng du đến nước *Yến-tử-quốc*.

Căn cứ theo các văn-liệu, thi-liệu trên, thì Ô-y-hạng tất cả đều chỉ về chim yến. Và không có nghĩa nào khác hơn nữa. Nhất là không có chút dính dáng gì gì đến con chim quạ. Điều mà đã có nhiều nơi lầm lẫn, và thường bị lầm lẫn.

Vì một sự lầm lẫn, chim yến thành chim quạ đó mà đề thi này đã làm cho « đàn chim yến văn khoa » riu rít ở chốn *Cường-đề nhai biên*, *Cộng-hòa cựu lũy*.

Thầy giám khảo chấm bài thi đó kể thêm rằng : Gần phân nửa bài của thí sinh đều bình giảng bài thơ cổ « Ô-y làng nọ vừa ban tối » là bài thơ nói về Con chim quạ. Một nhận định sai

lầm từ đầu, dẫn theo sau tất cả sai lầm khác, cho đến bài văn «bất thành văn» để khiến cho bao nhiêu ân hận, phũ phàng. Bút son chẳng điểm được cho hoa mai mà đành chờ đợi khuyên tròn cho hoa cúc :

*Sớm hoa mai, muộn hoa cúc
Giữa thu mùa đợi trăng tròn.*

oOo

Thầy giảm khảo than rằng : Những người thư sinh tuần tú đó, không phải là dốt cho đến đời không thông hiểu nổi những điều trên đó, vốn cũng là những thi-liệu, những văn-liệu, những điển cổ giản dị thông thường mà thôi. Để cho đến nỗi, chim yến biến thành chim quạ là vấp vào cái hại «tận tín thư».

oOo

Từng nghe có lời dặn những người đọc sách : «Tận tín thư, bất như vô thư» Nghĩa rằng : để hết niềm tin tưởng vào sách, thì thà rằng không có sách mà hơn. Là ý bảo rằng : Đọc sách, cũng cần phải kiểm điểm sát hạch lại, xem những điều tác giả viết ra trong sách đó, có quả thật đã thích đáng, đã chính xác rồi hay chưa. Và cùng đừng vội tin hết vào lời sách. Để phòng nếu lời sách, nghĩa sách hoặc có sai lầm, mà người đọc sách nhắm mắt tin theo vào đó, bị in trí một lần rồi khó gột. Về sau không cởi bỏ được, di hại không ít.

Thấy rằng Ô, cứ nghĩ đó là con quạ cũng như là ô-nhà, cũng như là ô-thước, cũng như là cầu ô, cũng như là bóng ô, cũng như là vầng ô, cũng như là nguyệt lạc ô đề, cũng như là nguyệt minh tinh hi ô-thước nam phi, cũng như là ô điều thâm tình vân vân...

Mà nên cần thận xét thêm rằng, tiếng Ô trong từ đôi ô-y, hay trong từ ba ô-y-

hạng, đã không còn có nghĩa là con chim quạ nào hết.

Tiếng Ô này, đã trở thành tiếng chỉ tính, chỉ màu sắc đen mà thôi.

Ngôn ngữ có nhiều tiếng chỉ màu sắc. Nguyên thủy, nó gọi lên bằng màu sắc của sự vật.

Ví dụ : Ô là màu đen, nhân vì Ô là con quạ, bởi lông con chim quạ màu đen.

Ví dụ : Hạc là màu trắng, nhân vì hạc là con chim hạc, bởi lông con chim hạc màu trắng.

Ví dụ : Bạc là màu trắng, nhân vì chất bạc màu trắng.

Ví dụ : mun và huyền là màu đen, nhân vì gỗ mun, và huyền-phách (một khoáng chất) màu đen : Đen như mun đen như huyền. Lại ví dụ : Những ngựa ô, ngựa kim, chó cò, chó mực, mèo mun, tóc huyền.

Gặp từ ngữ ô y trong ô y hạng mà cứ theo dõi mãi nghĩa ô thước, ô nha, ô đề thì chẳng khác nào, nếu có phải làm bài giải thích bình giảng bài lý «Con ngựa ô» mà làm thành bài lý «con chim quạ» nhân vì thấy trong đó cho tiếng ô. Thử nghe có thông được chút nào đâu.

Tiếng ô trong từ ngữ đôi ô-y, đã trở thành tiếng chỉ tính, chỉ màu sắc đen, y như nghĩa chữ hắc vậy thôi, không còn nghĩa con chim quạ nữa. Chẳng những chỉ có một từ ngữ ô-y, mà còn nhiều từ ngữ khác nữa ghép với tiếng ô, dùng để chỉ màu sắc đen : Ví dụ :

Ô đậu : là đậu đen.

Ô cốt kê : gà xương đen, tức gà ác.

Ô vân : tóc đen như mây của người giai nhân.

Sách *Từ hải*, *Từ nguyên* đều định nghĩa : « hắc sắc, giai viết ô »

oOo

Nói về di hại của bịnh « tận tín thư ».

Trước đã nghe gần phân nửa số bài ứng thí đều giải thích ô y là *chim quạ*. Sự lầm lẫn đó, không phải không có lý do của nó. Bởi vì Thầy giám khảo đã bắt gặp trong một số bài làm, muốn tỏ rằng mình thuộc sách, và muốn dẫn chứng cho chắc chắn rằng ô y là *chim quạ*, có mấy bài dẫn chứng câu thơ của thi sĩ Quách-Tấn trong bài thơ, nhan là: *Đêm thu nghe Quạ kêu* mà câu mở đầu rằng: *Từ Ô y hạng rử rê sang*.

Tên bài thơ là *Đêm thu nghe quạ kêu*, mà dùng thi liệu ô-y-hạng thì ô-y không phải là *chim quạ*, chớ còn là giống chim gì nữa vào đó mà rử rê sang. Lại có thí sinh còn tán thêm rằng: thi sĩ Quách Tấn đã dùng điển ô-y-hạng, để tả tiếng quạ kêu, rất nhập Đường, bởi vì câu thơ của họ Quách là do câu câu thơ Đường của Lưu-Vũ-Tích mà ra. Lại có người muốn tỏ ra thuộc nghĩa chữ, nghĩa sách rất phân minh, chú thích thêm: Ô là *chim quạ*. Y là *đen*, ô y là *chim quạ đen*.

Thôi đành chịu rằng không biết sách nào đã dạy!

Đến chỗ này, nên dở lại sách *Thi nhân Việt nam* của Hoài Thanh, trang 282. Nói về thơ Quách Tấn, bài *Đêm thu nghe quạ kêu*, trong thi phẩm *Mùa cổ điển*; chỗ câu *Từ Ô-y-hạng rử rê sang*, Hoài Thanh có chua thêm ở hạ tầng:

« Ô-y-hạng, nghĩa là xóm áo đen. . . xóm ấy có hai họ Vương, Tạ là hai họ lớn. con cháu thường mặc áo đen. Vậy chữ « Ô » ở đây (ở bài, thơ Quách Tấn) không có nghĩa là con quạ. Quách Tấn dùng điển sai.

nhưng điều ấy tưởng chẳng có quan hệ gì lắm, (chúng tôi chép lại nguyên văn và nhấn câu... nhưng điều ấy tưởng chẳng có quan hệ gì lắm.)

Đến đây chúng ta mới thấy rõ hơn, tại nạn « tận tín thư » Chúng ta tận tín, chúng ta gởi hết niềm tin ở người phê bình, và ở những tác giả sau đó nữa, đã để cho chúng ta lầm lẫn. Hoài Thanh đã biết rằng sai mà lại bảo rằng *không có gì quan hệ*. Lòng dễ dãi, và tính cầu thả đó, Hoài Thanh đâu có dè làm hại cho bao nhiêu kẻ « tận tín thư ».

Hai nhà tiền bối Quách Tấn và Hoài Thanh, trên cương vị riêng, tùy hứng của thi nhân, đâu có dè mà thi phẩm của mình, cũng như lời phê bình của mình, đến nay, trở thành sách giáo khoa cho người hậu học.

Người hậu-học bởi tận tín thư, nên không dè dặt, nên không nghi ngờ, nên dễ tin theo lời sách trước, mà không suy xét, không kiểm điểm, không xác định rằng thị rằng phi, rằng chân rằng giả.

oOo

Nhân bàn về điển cổ, tôi muốn nói sang đàng thêm một chút. Là về việc bình giảng một bài thơ, một bài văn, khi gặp trong đó, tác giả có dẫn điển cổ, hoặc có mượn văn liệu cũ.

Gặp trường hợp như vậy, chúng ta không nên đi xa, theo dõi quá đà những điển cổ đó, cho đến bỏ quên cả chủ đề bài làm.

Tác giả Nguyễn Hữu Hào trong *Truyện Song Tinh* dụng ý mượn thi liệu Đường thi *Kim lăng hoài cổ*, của Lưu-Vũ-Tích cũng là cách từ hoa để tả vịnh về con chim yến mà thôi. Chúng ta cũng chỉ nên hiểu biết và giải thích như vậy mà thôi, vừa đủ. Chúng ta không nên đi sâu

quá về bài thơ Đường, theo dõi quá đà vì những : *Chu tước kiều*, những *tịch dương tà*, những *Vương nọ Tạ kia*, những *nhân hoa dã thảo*. Bao những ý cảnh, những tình sự ấy đều không liên quan gì đến tâm sự, suy tư của nhân-vật trong truyện là nàng Nhụy Châu muốn gởi gắm cho chàng Song Tinh, điếm chánh yếu mà mình phải đề cập đến một cách thông minh, đề nắm vững chủ đề.

Ở đó mà lò dò đi từ nghĩa một đến nghĩa đôi nghĩa ba, đi từ nghĩa đen đến nghĩa bóng, nghĩa vế nghĩa vai, cứ cắt mãi nát vụn hết chữ nghĩa thánh hiền, dài dòng lê thê mất hết thì giờ, hao hết giấy mực của trường thi. Giật mình ngoảnh lại, thì đã lâm vào cảnh nhật mộ đồ viên, dầu cho muốn «đảo hành nghịch thi», cũng không kịp.

Hãy ví dụ một chút nữa cho rõ ràng hơn. Trong Truyện Kiều, chỗ Thúy Kiều tiên đưa chàng Thúc sinh, Nguyễn Du viết bốn câu đã bát ngát mệnh mông :

Tiên đưa một chén quan hà.

Xuân đình thoát đã dạo ra Cao đình

Sông Tản một giải xang xanh

Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương quan

Trong bốn câu, mà tác giả *Đoạn trường tân thanh* đã dùng bao nhiêu điển cố, mượn bao nhiêu thi liệu, tả về tình cảnh phân ly. Chúng ta đọc, cũng nên chỉ biết dụng ý của tác giả như vậy mà thôi. Chúng ta cũng bắt tất phải theo dõi : những *chén quan hà*, những *Xuân đình*, những *Cao đình*, những *Sông Tản*, những *Dương quan*, với những dòng sông xanh, bờ liễu lục. Bao nhiêu điển cố, bao nhiêu thi liệu, bên đông một chuyện, bên tây một cảnh, nơi đây một chữ, chỗ

nọ một câu, không có liên quan gì với nhau hết. Nhưng tất cả đều là từ hoa nói chung về một ý cảnh biệt ly, một tình sự tiễn tống, được rồi. Nếu cứ phải theo dõi cho hết các địa-diềm, địa-danh trong đó, chúng ta phải đi lan man, từ Dương-tử, Tản-xuyên đến Vị-thành, Dương-quan, đi từ trung bộ đến bắc bộ, đi hết cả địa dư nước Tàu, rồi lạc mất đường về Hà tỉnh.

Ngũ liễu tiên sinh bảo rằng : « Độc thư bất cầu thậm giải » là nghĩa như thế đó chẳng.

o o o

Đi đâu thì đi, cũng nhớ trở về Ô-y-hạng, bên đường Cường-đề. Đã nói đến thơ vịnh chim yến mà lầm ra vịnh chim quạ, thì không thể quên mà không nhắc đến thơ vịnh yến, của người tài nữ trên Ngọc xích lầu. Trong tiểu thuyết tứ tài tử *Bình Sơn Lân Yến*, kể chuyện nàng Sơn Đại vịnh chim bạch yến hộ cho cha, có hai câu mà cổ kim đều đồng thanh xưng tụng là tuyệt cú.

Thơ rằng :

Đạm khứ mạc từng nha tá sắc

Sầu lai ưng hứa tuyết thêm phi

Nghĩa rằng : Nếu có nhạt phai, cũng không theo mượn lấy màu sắc của loài chim Quạ. Nếu có gầy đi, thì đành nhờ Tuyết đắp thêm cho đầy đặn lại.

Ý rằng : chim bạch yến là loài chim trắng, nếu lông cánh có nhạt phai thì lông cánh của loài quạ, vốn là giống chim đen, thay vào đó có được đâu mà vay mượn.

Và chỉ ưng được chất bạch-tuyết, khối băng-trinh đắp vào người cho đầy đặn lại, một mai nếu có hao gầy.

Bởi chỉ có sắc tuyết với màu băng mới hòa đồng được, với sắc cánh màu lông, mới tương xứng được với thân thể tinh anh của loài chim bạch yến :

*Lông cánh nhạt, chỉ nhờ chim qua đời.
Thân hình gầy, đề tuyết đắp thêm tròn*
Chúng ta đã thấy chưa. Yến làm sao mà trở thành quạ được, bởi trắng đen đã rất phân minh. Phân minh đến thành tương phản nữa.

Nghĩ yến thành quạ, thật là một lỗi lầm.

oOo

Đến đây, tôi đã chấm dứt rồi.

Tôi chợt nhớ người bạn thơ mà tôi rất quý, và tôi đã rất mến phục từ lâu. Và cũng đã từ lâu, tôi rất khó nghĩ vì thi liệu Ô-y-hạng, trong bài "Đêm thu nghe quạ kêu". Tôi không hiểu sao mà người thi sĩ đất Bình-định cứ dành đề vậy mà không chịu chữa ba chữ đầu câu thơ nọ. Thi sĩ đã có ý yêu riêng gì ba chữ đó mà không bỏ. Tôi vẫn tôn trọng ý riêng đó. Nhưng mà tôi muốn làm tài khôn, đùa nhau một chút, cho người bạn thơ ghét tôi một chút cho vui. Nhưng mà xin đừng ghét thật.

Từ Ô-y-hạng rủ rê sang

Xin ai đừng đề như vậy nữa mà làm hại lũ thơ sinh :

Lắm-lét u-ơ không nóc đỗ

Cho đến đời :

Tơ bay hoa rụng nỗi buồn thêm !

Thôi cứ chữa phứt đi :

Từ bờ Ngân-hán rủ rê sang

Đêm thu nghe quạ kêu, mà dần dần thất tịch độ hà, và mượn thi liệu Ô-thước bắc cầu Ngân giang, thì đất biết bao nhiêu, và thích đáng biết chừng nào.

Đêm thu này, đêm thất tịch, lũ chim ô-thước, sau khi bắc xong nhịp cầu phương tiện, trên bến sông Ngân, cho Ả Chức với Chàng Ngưu, rồi không nề mỗi cánh, từ bên đó, rủ rê bay sang đây chắc. Hoàn thành được công trình âm đức cho lứa đôi, lưu đầy ly cách mà được trùng phùng, lũ chim «kỹ sư cầu cống» nọ reo mừng hoan hô với nhau rộn ràng những lời viên mãn :

Từ bờ Ngân-hán rủ rê sang

Bóng lẫn đêm thâu tiếng rộn ràng

Thôi chắc chắn như vậy rồi.

Chắc chắn là lũ quạ đó rồi, lũ quạ đen từ bờ sông Ngân hán đó kêu giữa đêm thu này rồi. Chớ quyết không phải là tiếng lũ chim yến ở ngõ Ô-y vờ nào đâu.

Đã chắc chắn rồi, yêu nhau mà hơn.

Đừng ngờ nhau nữa, đừng hờn nhau chi.

ĐÔNG HỒ

Đêm tháng bảy mưa ngâu

(17.VIII.68)

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện
số : 2.701, THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

כפר

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

TÒA BẠCH CUNG

● VŨ-BẢO

Trong ít ngày nữa dù ông Humphrey hay ông Nixon trúng cử Tổng Thống Hoa Kỳ thì một trong hai bà cũng sẽ phải lo cai quản một ngôi nhà với một nhịp sống phức tạp nhất thế giới : ngôi nhà đó là tòa Bạch Cung.

Chỉ mới nói đến kích thước ngôi nhà cũng đã thấy mệt : dài 210 thước, rộng 75 thước, 235 phòng trong đó có gần 100 phòng đặt bàn giấy, trên 7 mẫu vườn, hồ tắm nước nóng, phòng chiếu phim với những cuốn phim mới nhất, thư viện được thay đổi sách mỗi năm, bệnh xá tối tân, phòng phát hình vô tuyến trực tiếp. Ngoài ra còn 18 chiếc xe hơi, 4 trục thăng, 2 phản lực cơ, 2 du thuyền.

Tất cả những tiện nghi và dịch vụ đó mỗi năm tốn kém tới gần một tỷ bạc V.N. và đòi hỏi tới gần 100 gia nhân phục dịch.

Chính Tổng Thống đầu tiên của Hoa Kỳ George Washington đã chọn lựa địa điểm xây cất ngôi nhà này. Lại cũng chính ông ta đã chọn lựa đồ án xây cất do kiến trúc sư James Hoban họa kiêu. Công việc xây cất kéo dài đến 8 năm mà vẫn chưa xong. Cho tới khi George Washington mãn nhiệm kỳ trở về làm ruộng tại quê nhà, ông ta vẫn chưa được ngủ ở tòa Bạch Cung một đêm nào cả.

Vị Tổng Thống dọn đến Bạch Cung ở đầu tiên là ông John Adams. Khi ông về nhà mới vào mùa thu 1800 thì ngôi nhà cũng vẫn còn nhiều chỗ dang dở. Nhưng John Adams đã nóng lòng không chờ đợi cho xong hẳn vì ông ta chỉ còn 4 tháng nữa là hết nhiệm kỳ. Đêm đầu ở Bạch Cung ông ta viết thư cho vợ trong đó có đoạn như sau : «Tôi cầu xin Ông Trên ban những phép lành tốt đẹp nhất cho ngôi nhà này và cho những người sẽ tới ở đây. Mong sao dưới mái nhà này chỉ có những bậc hiền nhân chính trực đứng lo việc nước».

Câu đó sau này đã được khắc vào mặt lò sưởi của phòng ăn dành cho thượng khách.

Năm 1801, Tổng Thống Jefferson đến ở Bạch Cung. Ông ta sống có một mình vì bà ta mất từ 19 năm trước. Thỉnh - thoảng 2 cô con gái Martha và Maria, đã lập gia - đình, đem theo cả bầu đoàn phu tử về sống với cha trong ít ngày, và những ngày đó Tòa Bạch Cung rộn-vang tiếng trẻ đùa nghịch. Năm 1806, Martha cũng về chơi như thường lệ nhưng không biết tính ngày tháng ra sao mà đẻ luôn ngay ra ở Bạch Cung một đứa con trai. Đó là đứa con thứ 8 của Martha và cũng là đứa trẻ đầu tiên chào đời ở ngôi nhà lịch sử này.

Năm 1812, có chiến tranh giữa Hoa-kỳ và Anh-quốc. Lính Anh đốt bộ nhóm lửa đốt cháy Tòa Bạch Cung, vợ chồng Tổng thống Madison phải dọn ra tạm trú ở một căn nhà nhỏ khác.

Công việc tái thiết mất 3 năm và sau đó ngôi nhà mới thực đúng với tên gọi « Bạch Cung » vì sau khi trùng tu được quét một lớp sơn trắng bóng.

Mỗi một vị Tổng-thống tới Bạch-Cung lại sửa sang tô điểm ngôi nhà cho phù hợp với nếp sống, cá tính và ý thích của mình: Monroe thì xây cổng chính phía Nam, Jackson thêm vào một cổng chính phía Bắc Theodore Roosevelt cho cắt hai cánh phía tả và phía hữu để lấy thêm chỗ làm bàn giấy cho gia đình có thể sống riêng biệt hơn. Coolidge làm thêm 18 phòng và Truman thì bỏ ra gần 6 triệu Mỹ kim để coi hẳn một tầng lầu. Nhưng có lẽ đặc biệt nhất thì phải kể tới vợ chồng Tổng thống Adams, chẳng những đã không xây cất gì thêm mà lại còn dành riêng mấy phòng của Tòa Bạch ốc để hai ông bà nuôi tầm quay tơ chơi.

Gần đây, với bà Jacqueline Kennedy có thể nói là dinh Tổng thống Hoa-kỳ đầy đủ tất cả mọi tiện nghi, cần thiết và không cần thiết, và giá trị ngôi nhà theo sự ước lượng chính thức vào khoảng trên 25 triệu Mỹ kim (gần 5 tỷ bạc Việt nam).

Nhưng đối với người dân Hoa kỳ tòa Bạch ốc thật là vô giá. Trong ngôi nhà này có nhiều vị Tổng-thống Hoa-kỳ, có vị lỗi lạc, có vị tầm thường, tất cả đã có những quyết định hoặc đúng hoặc sai song đều là những quyết định đã nặn cho Hoa-kỳ bộ mặt ngày nay và đã đưa thế giới tới tình hình hiện thời.

Tất cả những nhà lãnh đạo tiếng tăm trên thế giới đều đã tới đây đàm đạo

với vị nguyên thủ Hoa-kỳ về các vấn đề chính trị quốc tế. Mỗi một biến chuyển quan trọng bên ngoài đều dội vào Tòa Bạch Cung, từ việc trong nước như cuộc tuần hành của người da đen tới việc ngoài nước như Trung cộng thử bom nguyên tử hay Tiệp-khắc bị Nga-sô xâm lăng — Người đi đường nhìn vào ngôi nhà số 1600 Đại lộ Pennsylvania, Hoa-thịnh-Đốn, chỉ ghi số xe ra vào hay ánh đèn trên mấy khuôn cửa sổ là có thể biết qua loa hôm nay thế giới có ngủ yên không hay là đang bị nóng đầu chóng mặt.

Một cuộc viếng thăm Bạch-Cung gần như là một cuộc tuần du vào lịch sử Hoa-kỳ. Trên tường có treo chân dung lớn của các vị Tổng thống và phu nhân và khách dừng chân trước mỗi bức chân dung lại có dịp ôn lại những giai thoại về mỗi gia đình đã từng sống trong tòa nhà này.

Người ta kể lại cho nhau nghe chuyện ông Lincoln mua cho con trai nhỏ, cậu Tad, một đôi dê, mỗi con mất 5 Mỹ kim. Chú nhỏ đã buộc dê vào một chiếc ghế làm một cái xe song mã và giữa lúc Tổng Thống đang tiếp quan khách tại phòng danh dự cậu ta đã điềm nhiên đánh xe hai dê đi ngang như một kẻ lữ hành băng qua sa mạc.

Nhiều vị Tổng Thống thích nuôi súc vật trong dinh nhưng không có ai mà lại chứa cả một vườn bách thú trong nhà như ông Theodore Roosevelt. Ông ta nuôi thỏ, lợn, chồn, nai, rắn, chuột, chó, mèo, vẹt, gấu và cả một con ngựa con tên là Algonquin. Cộng vào đó 6 đứa con của Tổng Thống, người ta đủ tưởng tượng căn nhà ồn ào như thế nào. Khi đứa con nhỏ Archie lên sỏi phải nằm riêng trên lầu thì 5 đứa kia, đã dúi được

ngựa Algonquin lên thang gác để làm bạn với em cho đỡ buồn.

Tổng Thống đầu tiên có xe hơi để dùng là ông Taft. Bà Taft rất ưa trồng hoa. Chính bà đã trồng những cây anh đào đầu tiên bên bờ sông Potomac. Việc này đã gợi ý cho ông Thị trưởng thành phố Đông-Kinh sau này gửi tặng Hoa-Thịnh-Đốn hàng ngàn cây anh đào để cho thủ đô Hoa-Kỳ màu sắc ngày nay.

Vị Tổng-Thống tiếp khách ăn cơm nhiều nhất có lẽ là ông Hoover. Ngay hôm làm lễ tuyên thệ nhậm chức, ông ta đã thiết một bữa tiệc cho 1800 thực khách. Những bữa tiệc trà thường là vài ngàn người dự. Có tháng ông ta tiếp tới 14 bữa và rất ít khi ông bà ta dùng cơm mà lại không có một vài người khách cùng ăn. Phải nói thêm là ông bà Hoover rất giàu và hầu hết các bữa tiệc đều đãi bằng tiền riêng.

Franklin Roowelt là người đầu tiên và người độc nhất ngồi trên một chiếc ghế đầy có bánh xe để tới tòa Bạch Cung nhận nhiệm vụ. Trước đó 12 năm ông ta bị bệnh tê liệt và đã thắng bại bệnh do một sức kiên-nghị phi thường. Tuy ốm đau như vậy, ông ta lại là vị Tổng-thống ở Bạch Cung lâu nhất, 12 năm 40 ngày và trong lịch sử Hoa-kỳ chỉ có ông ta là trúng cử Tổng-thống tới 4 lần.

Người đã có một quyết định nặng nề nhất trước lịch sử khi ngồi ở Tòa Bạch Cung là ông Harry Truman khi ông phải ra lệnh dùng tới bom nguyên tử để sớm chiến thắng Nhật-Bồn. Con gái ông ta Margaret Truman đã chọn một đời sống hết sức tự lập. Cô ta đã đi làm ca sĩ chứ không sống nhờ bố mẹ.

Năm 1952, người hùng của đệ nhị thế chiến, Đại tướng Eisenhower thắng cử và đó là vị quân nhân thứ 10 giữ chức dân sự cao nhất của lịch sử Hoa-kỳ. Trong 36 năm đời quân ngũ, ông ta đã bắt vợ xếp va li cho mình tới 30 lần vì luôn luôn thay đổi nhiệm sở. Khi rời Bạch cung sau 8 năm tại chức, bà ta phải viết "Lạ thực, chồng tôi và tôi không bao giờ ngờ có thể ở luôn một căn nhà lâu đến như vậy".

Rồi tới ông Kennedy là vị Tổng thống trẻ nhất của Hoa-kỳ và cũng là vị Tổng-thống đầu tiên theo đạo Công-giáo. Ông ta nhậm chức năm 43 tuổi và bà Jacqueline Kennedy khi đó 31 tuổi. Tuy vậy mà bà Kennedy lại không phải là bà Tổng-thống trẻ nhất. Bà Tyler vào Bạch-cung khi 34 tuổi và bà Cleveland lại còn trẻ hơn, làm đệ nhất phu nhân khi chưa đủ 22 tuổi,

Ông Kennedy còn là vị Tổng thống thứ 8 Hoa-kỳ, chết trong khi tại chức. Bảy ông kia là Harrison, Taylor, Lincoln, Garfield, Mckinley, Harding và Franklin Roosevelt.

Điều đáng buồn nữa là trong 8 ông đã có tới bốn ông ngã gục trước những viên đạn của sát nhân.

Lincoln đang ngồi xem hát thì bị John Booth hạ sát. Garfield bị trọng thương dưới mũi súng của Charles Guiteau, một tên cuồng tri muốn kiếm một chỗ làm mà chưa được, Garfield thôi thóp hàng tuần mới tắt thở. Mc. Kinley chết do đạn của tên Leon Czolgosz. Và đến ngày 22 tháng 11 năm 1963 là đến lượt John Kennedy bị bắn gục trên xe ở Dallas, cho tới bây giờ người ta cũng chưa hết tranh luận để tìm kiếm xem ai là hung thủ.

Hai giờ sau khi Kennedy chết Phó Tổng thống Johnson tuyên thệ đề thay thế người đã khuất. Và ông Johnson cũng là vị Phó Tổng thống thứ 8 vào Bạch cung do cái chết của Tổng-thống tiền nhiệm. Trong 8 người này, có 4 ông phó lu mờ chỉ kéo được hết nhiệm-kỳ của ông chánh đã mất, rồi cũng đi về luôn. Đó là các ông phó John Tyler, Millard Fillmore, Andreu Johnson, Chester Arthur. Dân chúng không tin nhiệm vì 4 ông này chẳng tỏ được cái gì xuất sắc.

Trái lại 4 ông phó khác bảnh hơn. Kéo hết nhiệm kỳ của ông chánh, các ông ta lại thắng cử luôn một hai nhiệm kỳ nữa : đó là các ông Theodore Roosevelt, Coolidge, Truman và Johnson.

Với 2 cô con gái của Tổng Thống Johnson, cô Luci lấy Patrick Nugent và cô Lynda lấy Charles Robb, tòa Bạch Cung đã biết tất cả 16 đám cưới.

Ba vị Tổng Thống đã lấy vợ trong khi tại chức. Nhưng chỉ có ông Cleveland là vị Tổng Thống độc nhất cưới vợ ở Bạch Cung. Hai vị kia, ông Tyler và ông Wilson, cùng có vợ trước mất trong khi tại chức, nên khi lấy vợ kể vì là rồ rá cập lại, đã kín đáo tổ chức đám cưới ở bên ngoài Bạch Cung.

Có lẽ tại âm thịnh hơn dương hay sao mà nhiều vị Tổng-Thống đã gả chồng cho con gái mà chỉ có một vị Tổng-Thống cưới vợ cho con trai ở tòa Bạch-ốc, đó là John Quincy Adams

Đứa trẻ đầu tiên con của một vị Tổng Thống được sinh ra đời ở tòa nhà này cũng là một đứa con gái : cô Esther, con của Tổng Thống Cleveland. Nhưng đứa trẻ đầu tiên chết ở tòa nhà đó lại là một đứa con trai ; con của Tổng

Thống Coolidge. Cậu ta đánh quần vợt ở sân sau, vấp té bị thương ở ngón chân, rồi bị nhiễm độc vào máu mà chết.

Tất cả những kỷ niệm vui buồn đó tất cả những giờ phút tươi sáng hay âm đạm kia đã dệt nên một hình ảnh của Tòa-Bạch-Cung hết sức đặc biệt đối với người dân Hoa Kỳ : Khi một anh thợ máy xe hơi ở Detroit hay một nữ giáo viên trường tiểu học ở Texas bầu một người làm Tổng-Thống đặt vào Bạch Cung, họ không những muốn ông ta giữ một địa vị cao nhất trong nước, họ còn đòi hỏi ông ta và gia đình đại-diện được cho mọi công dân và mọi gia đình.

Vì thế cho nên người Hoa kỳ nào cũng muốn viếng thăm xem cái gia đình số 1 kia ăn ở ra. Và quanh năm ngày tháng trời nắng cũng như trời mưa, người ta xếp hàng từng dãy dài ngoài cổng sắt để vào thăm viếng Tòa Bạch Cung, tính trung bình mỗi ngày trên dưới 5.000 người. Mỗi tuần lễ Tòa Bạch Cung mở cửa 5 ngày đón dân chúng. 8 giờ sáng đã bắt đầu có những buổi viếng thăm đặc biệt. Công chúng kéo vào từ 10 giờ sáng tới trưa, từ thứ ba cho tới thứ sáu, và tới 2 giờ chiều trong ngày thứ bảy. Tòa Bạch Cung đóng cửa ngày chủ nhật và ngày thứ hai, nhưng cũng hãy còn hàng trăm người đứng ngoài đợi, nhăm nhăm cầm máy ảnh chỉ chờ bắt chợt được Tổng Thống hay gia đình để bấm máy chụp lia lịa.

Chúng ta có thể tưởng tượng được hết những nỗi khó chịu của một gia đình ở trong một tòa nhà hằng năm có 2 triệu du khách vào ra thông thả. Ấy là chưa kể đến đội quân ký-giả bao vây để săn tin với những ống kính chụp xa chụp gần, với những câu hỏi khúc mắc trên đầu môi, với cái bút chì luôn luôn

hí hoáy trên cuốn sổ tay mở sẵn.

Về điểm này thì người Pháp, người Anh kính trọng đời sống riêng tư của vị nguyên-thủ quốc gia nhiều hơn. Rất ít người Pháp biết đời sống của gia đình Tổng-Thống De Gaulle trong điện Elysée ra làm sao. Du khách tới Paris chỉ nhìn vào điện qua lối cổng xe hơi. Mỗi tháng một hai lần De Gaulle lại còn rời Elysee (có khi bằng lối cổng sau) để về nghỉ tại Colombey les deux Eglises không một ai được quấy rối. Một năm hai lần hội báo ngoài ra không có phỏng vấn lộn xộn.

Người Anh lại còn đi xa hơn nữa. Họ gần như bảo đảm cho Thủ Tướng của họ có một đời sống gia-đình ở xa con mắt tò mò của dân chúng. Thủ Tướng ở số 10 Downing Street. Lầu một dành cho phòng giấy, lầu hai là chỗ tiếp tân gia đình ở lầu ba. Không một du khách nào được phép viếng thăm tư dinh thủ Tướng. Khi nào muốn nghỉ ngơi Thủ Tướng và gia đình về biệt thự Chequers cách Luân-đôn trên 50 cây số. Ở nơi đây tuyệt đối không tiếp khách lạ. Thủ Tướng Anh lại còn sướng hơn nữa ở chỗ không phải tổ chức các buổi họp báo.

Cho nên ta không lấy làm lạ hầu hết các vị Tổng - Thống Hoa - kỳ, nhất là các phu nhân khi được dời Bạch Cung trở về đời sống bình thường đều cảm thấy như trút một gánh nặng.

Chỉ có hai biệt lệ, hai trường hợp mà người dời Bạch Cung còn thấy luyến tiếc muốn trở lại.

Người thứ nhất là phu nhân của Tổng thống Cleveland. Khi ông ta mãn nhiệm-kỳ vào năm 1889, lúc thu dọn ra đi bà ta còn kêu hết người phục dịch trong nhà tới căn dặn : « Các người phải trông nom nhà cửa đồ đạc cho cẩn thận. Chúng tôi sẽ trở lại ».

Quả nhiên 4 năm sau, ông ta lại tái cử

và trở lại Tòa Bạch Cung và bà ta lại có dịp giữ vai đệ nhất phu nhân mà bà hằng ưa thích.

Người thứ hai còn nhỏ sáu mà đã luyến tiếc Bạch Cung. Đó là cậu David Eisenhower cháu nội của Tổng thống Eisenhower. Khi ông nội cậu ta mãn nhiệm kỳ năm 1960, cậu mới có 12 tuổi. Trong lúc cả nhà rời Bạch Cung dọn ra ngoài, cậu đã giấu xuống dưới một bức thảm một mảnh giấy có ghi mấy chữ : « Tôi sẽ trở lại ». Năm nay cậu ta đã 20 tuổi và được hỏi tại sao cậu ta đã làm vậy, cậu ta trả lời : « Tôi đau buồn thấy ông tôi phải trao lại Tòa nhà cho một người thuộc đảng đối lập. (Eisenhower thuộc đảng cộng-hoà còn Kennedy lại thuộc đảng Dân-chủ).

Ấy thế mà rất có thể cậu David Eisenhower sẽ trở lại Bạch Cung tháng giêng 1969 sắp tới đây vì cậu ta đính hôn với Julie, con gái của Nixon. Nếu Nixon thắng cử chắc chắn tòa Bạch Cung sẽ chứng kiến đám cưới David và Julie. Hiện nay hai người tuy chưa biết kết quả cuộc bỏ phiếu sẽ ra sao nhưng suốt ngày không rời nhau, chỉ rù rì bàn về nghi thức lễ cưới.

Ai sẽ vào Bạch Cung ? Chỉ trong ít ngày nữa chúng ta sẽ được trả lời. Gia đình Tổng Thống sắp tới sẽ là gia đình thứ 35 dọn vào Bạch Cung.

Dù là người đó là Nixon hay Humphrey hay một ứng cử viên độc lập nào khác, vị Tổng Thống tương lai và gia đình sẽ phải chuẩn bị tâm lý một cách đầy đủ để chấp nhận nhiệt độ nóng náo nhiệt đến độ tàn ác của tòa Bạch Cung. Và khi đặt chân lên bậc thềm ửa chính, họ sẽ phải nhậm lại câu n của Tổng Thống Franklin Roosewel « Tôi sẽ không bao giờ quên rằng ngôi là tôi được ở là ngôi nhà của toàn thể công dân Hoa-kỳ ».

B Á N Đ ẢO Ả R Ậ P

sau thê chiến thứ nhì

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ

4 — Các cường quốc này là Mỹ rồi tới Nga !

Chiến tranh chưa kết liễu, Roosevelt đã bảo Ibn Séoud :

«Thời của các đế quốc chính trị đã cáo chung. » Và từ năm 1949, Mỹ luôn luôn thúc Anh phải rút lui khỏi Ai Cập. Anh mới đầu làm ngơ, sau đành phải nghe lời, năm 1954, hứa sẽ rút dần quân đội ra khỏi kinh Suez, năm 1956 cho Soudan thành một nước Cộng hòa độc lập.

Ở Ả Rập Séoudite, như chúng ta đã biết, Mỹ là « khách hàng » duy nhất của Ibn Séoud, Anh không có chút ảnh hưởng gì cả.

Vậy chỉ còn lại Jordanie và Irak. Năm 1957, nhân có nhiều cuộc xáo động trong nước, Vua Hussein xứ Jordanie giải chức viên thiếu tá Anh Glubb, rồi yêu cầu Mỹ giúp. Mỹ lần lần hất Anh ở quốc gia đó.

Ở Irak, Mỹ đã đặt chân được lên Bagdad, Bassorah từ hồi chiến tranh, khi đại úy James, con trai Tổng Thống Roosevelt đem quân lại tiếp Anh (1941) ; năm 1954 Mỹ lại gọi một phái bộ quân sự quan trọng tới Bagdad; và năm 1958,

bao nhiêu kẻ thân Anh, từ Hoàng gia Irak tới thủ Tướng Nouri Said đều bị cách mạng giết hết. Irak từ đó đứng về phe Nga hoặc phe Ai Cập với Syrie và Liban.

Tóm lại cựu thuộc địa của Anh ở Ả Rập thoát li lần lần, Anh cứ rút lui hoài và khi Mỹ theo « chính sách Eisenhower » (1957) thì ảnh hưởng của Anh đã bị Mỹ đánh bật. Dĩ nhiên, các công ty dầu lửa Mỹ lần lần len lỏi vào mà chia phần với các công ty Anh.

Tháng 11 năm 1951 Mỹ đã có các công ti Aramco, Bahrein Petroleum, Pacific Western Oil, American Independent Oil, mà còn chiếm thêm được 50% cổ phần trong công ti Koweit Oil. Qua đầu năm sau, họ xâm nhập vào được thành trì kiên cố của công ti Anh Irak Petroleum, nắm 24% cổ phần. Rồi cuối năm 1954, sau vụ Iran quốc hữu hóa công ti Anglo Iranian Petroleum, họ chiếm được 40% cổ phần trong công ti mới Iranian Oil thay thế công ti cũ. Vậy là năm 1925 Anh kiểm soát được gần hết dầu lửa ở Tây Á và Trung Á, tới năm 1946, chỉ còn giữ

được 570/0 qua năm 1956, chỉ còn giữ được 350/0, còn Mỹ năm 1933 chưa có gì mà năm 1946 đã giành được 350/0 và mười năm sau, giành được 580/0. Thế của Anh Mỹ đã đảo ngược lại.

Ấy là chưa kể những số tiền mà Mỹ viện cho Ai Cập (40 triệu Mỹ kim năm 1953) Jordanie, Thổ, Iran. Cho nên chính một nhân vật quan trọng của Mỹ đã bảo sự thịnh suy của Mỹ tùy thuộc miền Tây Á và Trung Á, và Tổng thống Eisenhower tuyên bố: « Phải lấp cái chỗ trống ở Tây Á và Trung Á cho kỳ được », nghĩa là Anh, Pháp đã đi rồi, miền đó hóa « trống », Mỹ phải tìm mọi cách nhào vào.

5. — Eisenhower đã hớ, dùng một danh từ rất vụng-về : « chỗ trống » làm cho người Ả Rập phẫn uất. « Chỗ trống » là nghĩa làm sao ? Bộ cả cái bán đảo Ả Rập là đất hoang, không người ư ? Như xứ Ả Rập Séoudite kia, mỗi cây số vuông trung bình chỉ có bốn người dân, bảo là chỗ trống thì còn tạm nghe được; nhưng còn những miền ở phía Bắc, nơi mà mỗi cây số vuông trung bình có tới 830 người, nơi mà nhiều thị trấn lúc nhúc cư dân, (Le Caire hai triệu dân) và mỗi năm lại có 400.000 trẻ em ra đời, mà ông ta bảo là chỗ trống ! Bộ ông ta coi dân tộc Ả Rập không phải là người hay sao ! Rõ ràng là Mỹ đẩy Anh, Pháp đi chỉ để chiếm địa vị của họ. Ló cái đuôi Istéamar (tiếng Ả Rập nghĩa là : Thực dân Tây phương) ra rồi. Và người Mỹ càng đầu tư vào nhiều bao nhiêu thì người Ả Rập càng thấy hoặc ngại rằng mình bị trói buộc bấy nhiêu, bóc lột bấy nhiêu. Các báo chí Ai Cập nổi lên công kích Mỹ. Một ký giả viết : « Ông Dulles ạ, ông tính mua chuộc

chúng tôi bằng cái điểm Tư (1) của các ông, nhưng chính các ông cần được hưởng một điểm Tư tinh thần », nghĩa là tinh thần các ông còn kém lắm, đề chúng tôi viện trợ cho. Một ký giả khác tiếp lời, giọng cay độc hơn : « Các ông có ham đội thứ VI, giá có một giác quan thứ VI thì tốt hơn », nghĩa là các ông chỉ ý mạnh chứ sự thực ngược lắm.

Dân tộc Ả Rập sau non một thế kỷ bị thực dân tây phương đô hộ, không ưa người da trắng ; họ có tinh thần tôn giáo rất mạnh, nên cũng không ưa Nga nhưng thấy Mỹ như vậy, họ đành hướng về Nga vậy. Ai Cập, Syrie, Yeman, rồi Irak, nhờ Nga viện trợ vì chỉ có Nga đương đầu nổi với Mỹ. Từ cuối thế chiến trước Nga vẫn mong được vậy nhưng mắc lo cho xong nội bộ đã, nay Nga rảnh tay rồi xin sẵn sàng giúp đỡ. Nga tự cho là mình hiểu các dân tộc Hồi-giáo hơn Mỹ : Chúng tôi có sáu tiểu-bang Hồi-giáo dân gồm số hai chục triệu (có sách nói bốn chục) mà các tiểu bang đó được hoàn toàn tự trị mỗi ngày một phát đạt; chúng tôi tôn trọng tôn-giáo của họ, tức tôn giáo các bạn, các bạn cứ tin chúng tôi rồi các bạn sẽ thấy cách thức chúng tôi giúp các bạn khác cách thức bọn thực dân Mỹ ra sao.

Vả lại chính chúng tôi bốn chục năm trước cũng là một nước kém phát triển như các bạn, bây giờ đã vượt Anh, Pháp xa, không kém Mỹ. Spoutnik của chúng tôi đã lượn trên không trung đầy. Hỏa tiễn liên lục địa của chúng tôi làm cho kẻ thù của chúng tôi — của chúng ta chứ — hoảng rồi đấy. Các bạn cần cái gì, chúng tôi cũng giúp được hết. Cần tiền, cần khí giới ư ? Sẵn sàng. Hay cần xưởng máy, cần nhà thương, trường học ? Rất dễ mà.

(1) Point IV tức điểm thứ tư trong chính sách Truman về sự viện trợ các nước nhược tiểu

Chúng tôi đào tạo dư kỹ thuật gia để phòng lúc các bạn cần tới họ. Họ tài giỏi hơn Anh Mỹ mà còn nói thạo ngôn ngữ của các bạn nữa. Và xin các bạn nhớ : *chúng tôi chỉ đặt mỗi điều-kiện này là chẳng có điều kiện nào cả.*

Đại diện Nga Rachidov vừa nói xong, thính giả Ai Cập vỗ tay muốn rung chuyển cả phòng họp. Chưa bao giờ được nghe một ông Anh, Mỹ nói như vậy. Thật là bùi tai.

Mùa xuân năm 1955 bộ Ngoại giao Nga chính thức tuyên bố : Nga Xô sẽ tìm mọi cách thắt chặt tình thân ái với các nước Tây Á và Trung Á. Nói xong thì thực hành liền. Năm đó ký hiệp ước với Ai Cập, với Yemen, hai năm sau ký với Syrie, một năm sau nữa, giúp Ai Cập xây đập Assouan, lập các lò nấu thép, các xưởng chế tạo xi măng, phân bón, các xưởng dệt, các nhà máy điện, mà chẳng đòi hỏi một sự đền đáp nào cả : Hoàn toàn không có điều kiện mà ! Chỗ anh em, giúp đỡ lẫn nhau. Trước kia chúng tôi cũng kém phát triển như các bạn.

Chính sách của họ quả thực khác chính sách của Mỹ, trái ngược nhau nữa. « Mỹ dùng chính trị để phục vụ kinh tế của mình ; Nga dùng kinh tế để phục vụ chính trị của mình » Nghĩa là Mỹ giúp để thu lợi về kinh tế ; Nga giúp để thu lợi về chính trị, để truyền bá chính sách của họ.

Mỹ là nhà kinh tài, mỗi khi giúp thì đòi có gì bảo đảm, ít nhất cũng phải xét xem số tiền mình giúp, Ả-Rập sẽ dùng ra sao, có lợi không. Tiền của họ là do sự đóng góp của dân chúng. Họ không được hoàn toàn tự do.

Nga trái lại, đảng đã quyết thì tức là

dân chúng quyết định rồi — đảng tức là dân mà — còn kiểm soát gì nữa. Mỹ nghĩ tới cái lợi trước mắt, Nga nghĩ tới cái lợi lâu dài. Bây giờ cứ việc bỏ tiền ra giúp để gây tình thân thiện, rồi sau này khi nào Ả-Rập thành một đồng minh — bọn Âu-Mỹ xấu miệng, gọi là «chur hầu» — lúc đó sẽ thu lợi gấp trăm số vốn. Mỹ sợ mất vốn, phải kiểm soát, hạn chế ; Nga không sợ mất vốn, hoan hỉ mời Ả-Rập cứ tự do làm gì thì làm, mà lại cấm kỹ thuật gia của họ thuyết Ả-Rập theo Cộng-sản : chưa tới lúc. Kỹ-thuật-gia của họ sao mà nhiều thế : riêng năm 1956, họ đào tạo được 265.000 người, trong số đó có 80.000 kỹ sư, nhiều gấp ba Mỹ. Họ lại bình dân vui vẻ xắn tay giúp đỡ thợ thuyền Ai-Cập, không khệnh khạng, cách biệt như cổ văn Mỹ, biết nhập gia tùy tục, chứ không đòi giữ cái lối sống của mình như người Mỹ.

Sau Mỹ, Nga, Trung-Cộng cũng lấp ló trên bán Ả-Rập. Theo Benoist Méchin trong *Le Roi Saud* (Albin Michel-1960) thì vào năm 1958, đã có mấy ngàn nhà chuyên môn, Trung-cộng ở Bagdad, Le Caire, Rabat, Conakry. Họ khiêm tốn, không như Mỹ, lúc nào cũng mỉm cười, bí mật mà kiên nhẫn vô cùng, đâu cũng len vô được, chi tiết gì cũng đề ý tới ngoài, miệng thì tự xưng là «tiểu đệ» xin hầu hạ chur huynh» — «huynh» đây trở Ả-Rập — mà trong thâm tâm vô cùng tự đắc : họ tin rằng chính họ mới đáng làm lãnh tụ thế giới thứ ba, tức các nước nhược tiểu Á-Phi, chính họ mới thực gần gũi các nước đó vì Nga đã «tiểu tư sản hóa» rồi, đã trụy lạc, không còn theo đúng đường lối của Karl-Marx nữa, đã ngấm đi với Mỹ ; hồng-ki đã chuyển qua tay họ,

không còn ở trong tay bọn «xét lại» kia nữa và sau này họ mới là đệ nhất cường quốc trên thế giới; ngay bây giờ ai cũng thấy kỹ thuật du kích của họ tuyệt luân, và «chư huynh» Ả-Rập có cần họ huấn luyện du kích quân để diệt Israël thì họ xin sẵn sàng. «Dùng chiến thuật cổ điển của Tây-phương không thắng nổi Israël đâu, Nga đỡ lắm thua, Mỹ ở Cuba, không giúp được chư huynh đâu; xin chư huynh cứ nghe đệ».

Tháng 4 năm 1956, Ai-Cập mở đường, ký một hiệp ước với Trung-Cộng; ba năm sau tới phiên Irak; con đường hàng không giữa Bắc-Kinh và Badgdad, Le Caire, Tunis, Rabat mỗi ngày một chở thêm nhiều phái đoàn Trung-Cộng. Mỹ đâm ngại, còn Nga thì chưa thấy phản ứng gì cả, để mặc cho đồng chí Mao tỏ tình với Ả-Rập.

Các dân tộc Ả-Rập từ thời thượng cổ đã là những nhà thương mại, thấu cái lẽ «có đi có lại» cho nên mới đầu thấy Nga tỏ vẻ nghĩa hiệp quá, không đòi một điều kiện gì cả, cũng hơi lo lo. Không đòi hỏi gì mới là đòi hỏi nhiều. Nhưng rồi Mỹ mắc hết lỗi này tới lỗi khác, một tay chĩa đô-la ra, một tay trở bản đồ đòi can cứ quân sự, có lúc còn đòi kiểm soát tài chánh nữa, thành thử vô tình đẩy dân tộc Ả-Rập về phía Nga, rồi cuộc A-RẬP đứng hẳn về phe Nga, mặc dầu vẫn giữ thế thủ: chúng tôi ưa kỹ thuật, khí giới của các bác chứ không chịu được chế độ cộng sản của các bác. Nga giúp Ai-Cập được nhiều vụ, Ai-Cập đương tin Nga thì năm 1967, trong chiến tranh với Israël bị Nga bỏ rơi. Cứ tưởng Nga làm dữ để Israël phải lùi binh như năm 1956, không ngờ Nga đã ngầm hẹn với Mỹ không trực tiếp can thiệp vào bán đảo Ả-Rập. Nga đương muốn sống chung hòa bình với Mỹ, đâu có thể vì Ả-Rập mà dùng đến bom nguyên tử, còn dùng những khí giới thường và chiến thuật cổ điển

thì Nga không thắng Mỹ ở Ả-Rập được, nên Nga Mỹ cùng đứng ngoài ngó «gà» của mình đá nhau, và gà Israël thắng gà Ả-Rập một cách chớp nhoáng. Sau đó, Nga cũng chẳng bênh vực gì được Ả-Rập ở Liên-Hiệp-Quốc, làm cho Ả-Rập thất vọng. Chỉ Trung Cộng là được lợi: tha hồ mạt sát cả Nga lẫn Mỹ.

6 — Do sự tranh giành ảnh hưởng của Nga Mỹ mà bán đảo Ả-Rập trong hai chục năm nay rất chia rẽ. Nhà cầm quyền Ả-Rập nào cũng nuôi cái mộng thống nhất khối Ả-Rập, phục hưng lại đế quốc thời xưa, ai cũng hô hào tình huynh đệ Hồi giáo; nhưng làm sao có thể thống nhất được. Có hai khối rõ rệt.

Khối thân Nga: Ai-Cập, Syrie rồi Irak sau 1958. Khối thân Mỹ: Ả-Rập Séoudite, Jordanie, Irak trước 1958. Khối trên thành lập nước Cộng Hòa Ả-Rập Thống nhất (Ai-Cập và Syrie) thì khối dưới cũng thành lập ngay phong trào thống nhất Ả-Rập (Irak trước 1958 và Ả-Rập Séoudite). Trừ Ai CẬP và Ả-Rập Séoudite, tình hình nội trị rất ổn còn các nước kia luôn luôn có hai phe tranh giành nhau quyền bính gây nhiều cuộc xáo động, các vụ đảo chánh nhất định là có bàn tay ngoại nhân nhúng vào. Phe dân chủ muốn đứng vào hàng ngũ Ai CẬP, Nga, phe quân chủ thân Ả-Rập Séoudite và Tây phương. Phe dân chủ được cảm tình của quần chúng, phe quân chủ được sự ủng hộ của địa chủ và tư bản.

Trong mấy năm 1958-1962 phe dân chủ thắng ở Irak, cán cân nghiêng về Nga nhưng năm 1967 Israël thắng Ai CẬP Syrie Jordanie. Mỹ lấy lại được thế quân bình.

Tóm lại trong hiện tình tuy cùng tôn giáo cùng ngôn ngữ, họ rất chia rẽ nhau; chỉ có mỗi một sự kiện làm cho họ lâu lâu đoàn kết với nhau; tức mỗi thù chung của họ đối với Israël. Cho nên Henri Jego trong cuốn L'Empire arabe, troisième

Grand ? (Au fil d'Ariane-1963) đã bảo Israë! đóng cái vai "xúc tác" (catalyseur) cũng như ta nói Israë! là cái men của sự thống nhất Ả Rập.

Lịch sử còn vô số sự bất ngờ, chưa ai biết được sự tranh giành giữa Mỹ và Nga sẽ có kết quả ra sao, vấn đề Israë! sẽ giải quyết cách nào nhưng có điều chúng ta tin chắc được là dân đen ở các nước Ả Rập tới nay tình trạng vẫn chưa thay đổi bao nhiêu, sẽ mỗi ngày một đòi hỏi sự công bằng xã hội, đòi hỏi cái quyền sống cho ra con người, như vậy thì các đảng tán bộ sẽ mỗi ngày mỗi mạnh, cường quốc nào không hiểu nguyện vọng đó hoặc hiểu mà cố chặn lại thì sớm muộn gì cũng bị đả đảo, hất cẳng và chịu cái số phận của Anh, Pháp. Người ta lo lập liên minh này liên minh khác, tranh nhau căn cứ quân sự và các mỏ dầu mà không lo cứu đói hằng trăm triệu người ở Tây Á, Trung Á, hằng tỉ người ở khắp thế giới thì sẽ có một lúc số người nghèo tăng lên đông quá mà không để cho các cường quốc được yên thân.

Năm 1947 hay 1948, ông Follereau nói với Staline và Truman đại ý như sau :

«Tôi cần một tỉ Mỹ kim để diệt bệnh cùi trên khắp thế giới. Phi cơ của các ông có kiểu tốn 500 triệu Mỹ kim. Trong kế hoạch chế tạo của các ông, mỗi ông chịu bỏ đi một kiểu thôi thì lực lượng của các ông vẫn không chênh lệch nhau, mà tôi có tiền trị được hết bệnh cùi cho nhân loại».

Staline và Truman đều làm thinh.

Mười lăm năm sau, A.Sauvy trong (cuốn *Malthus et les deux Marx* (Denoël) dẫn lời đó của Follereau rồi kết luận :

«Các ông giàu có, chiếm ba phần tư tài nguyên trên địa cầu kia, các ông phung phí tài nguyên đó là mang tội **đấy** Các xung đột giữa các ông với

nhau dù có quan trọng tới đâu đi nữa, so với sự sống của trên một tỉ người thì cũng không đáng kể gì. Thế hệ trước, các ông đã so sánh bom và đại bác và, các ông đã lựa đại bác. (1) Bây giờ đây các ông phải lựa giữa các đại bác của các ông và bom của chúng tôi (của các nước nghèo), đúng hơn giữa hỏa tiễn của các ông và bom của chúng tôi. Vì các ông phí phạm bom hôm nay của chúng tôi, và tệ hơn, cả phần bom có thể có được của chúng tôi sau này nữa.... (Không có tội nào nặng bằng) dùng những thứ có thể nuôi sống người này để giết người khác».

Sao Sauvy không nói "... dùng những thứ thứ có thể nuôi sống « người để giết người»? Câu đó làm cho tôi nhớ câu của Mạnh Tử trong *Ly Lâu thượng* : Suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử (Vì tranh đất mà gây chiến, làm cho dân chết thì không khác gì cho đất đai ăn thịt dân, tội đó không tha chết được) Hoàn cảnh có khác, nhưng lời kết tội cũng mạnh như nhau.

Tôi vẫn quý các nhà bác học chân chính, họ luôn luôn gặp các triết gia chân chính. (1)

NGUYỄN HIẾN LÊ

(1) Nghĩa là bắt dân tộc các ông nhin bom để có tiền chế tạo đại bác.

(1) Tin AFP ngày 22.1968 : «Nhà bác học nguyên tử Nga Sakharov đề nghị Nga-Mỹ hợp tác với nhau, sống chung hòa bình, thiết lập sắc thuế 20% đánh trên trên lợi tức quốc gia để viện trợ các nước kém mở mang, kêu gọi quốc tế chấm dứt chính sách ngoại giao hiện nay mà thành lập một chính phủ thế giới vào năm 2000».

Thuế đánh vào các quốc gia giàu có để viện trợ các nước nghèo được các nhà bác học đề nghị từ 20 năm trước. Họ chỉ cầu thôi chế tạo bom khinh khí và hỏa tiễn là dư sức đóng thuế đó. Tôi tin rằng các cường quốc thế nào cũng phải nhận giải pháp đó nếu muốn yên ổn hưởng cảnh giàu sang. Ba chục năm nữa họ sẽ khôn hơn bây giờ.

Cuộc hí trường

Ở Quảng-Nam, Nguyễn-hiền-Dĩnh sau khi về hưu cũng lập một ban hát rất nổi tiếng và đến nay vẫn còn đủ sức tung hoành ở đất Bắc với vài diễn viên gạo cội mà Đội Tảo được xem như nhân vật xuất sắc (xem thêm phần giáo phường ở sau). Ông Dĩnh là một nhà đạo diễn có tài lớn, đã từng cùng Đào-Tấn góp phần trong việc thúc đẩy nền hát-bộ ở cung đình Huế trong cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Lúc bị cho về hưu vì tạt tai công sứ Quảng-Trị, ông lập ban hát, dạy con hát, rồi cho hát luôn nhiều tháng tại làng ông. Sau đó, ông lập một trường hát cũng tại trong làng đó có thâm tiền. Đây là một trong vài trường hát đầu tiên ở Quảng-Nam có thâm tiền (trước đó, khoảng 1907 ở Hội-An cũng có một người Trung-Hoa lập một trường hát) rồi có những người như Chánh Đệ hợp tác, trường hát ấy được đưa ra Vinh-Điện. Thời kỳ ông Dĩnh lập ban hát, tiếng tăm của ban ấy lừng lẫy, vượt biên giới tỉnh vào trong, ra ngoài. Người ta vẫn gọi là ban hát Phủ (phủ Điện-Bàn) hay ban hát ông Tuần. Về sau, nhiều nơi khác cũng có lập trường hát như Tam-Kỳ, Duy-Xuyên... Đà-Nẵng và Hội-An có những trường kiên cố, bề thế đủ tiện nghi cung ứng những đòi hỏi của lớp

thị dân mới. Trước và sau khi ông Dĩnh lập ban hát, Quảng-Nam cũng đã có nhiều gánh hát như của Nhưng Đá (ở Đèo-Le, và Nguyễn-hiền-Dĩnh vẫn cho ông này như một thứ Hậu-tổ ở Quảng-Nam) cùng các gánh Bầu Toa (gánh có tiếng hình như đã từng đại diện cho Quảng Nam đi trình diễn ở Huế) do ông Bầu Toa, người Đại-Lộc hướng dẫn, gánh của Nhưng Tố, Nhưng Quảng, Nhưng Bính, Nhưng Giai, Trần Hàn... Nổi tiếng nhất ở Quảng-Tín đầu thế kỷ là ban Khánh Thọ.

Ở Huế, thì ngoài các đội võ ca, các nhà hát của vua chúa, mãi đến đầu thế kỷ XX mới có những trường hát dành cho dân chúng, nghĩa là có bán vé. Nhưng đến 1923, thực sự trường hát Bà Tuần mới lập. Trường này là trường hát bề thế nhất ở Huế, có tên Đồng-Xuân-Lâu. Còn gọi là trường Bà Tuần vì chủ nhân là một vị Tuần Vũ. Ông Tuần Vũ này trong dinh thường nuôi trên ba chục diễn-viên để «chơi» và tập luyện cho họ trở thành những tay hát lành nghề. Lúc về hưu, nhân thấy phong trào lập trường hát, ông cũng cho lập. Trường hát phía ngoài có chỗ bán vé, trong có chỗ ngồi cho đủ hạng khán giả, trên có gác rộng, là kiến trúc qui mô nhất của Trung-Việt. Trước và sau khi Đồng-Xuân-Lâu đặt bản

hiệu, Huế còn có cả chục những trường hát khác có bán vé ở *Vĩ Dạ*, *An Cựu*, *Bao Vinh*, *Địa Linh*, *Kim Luông* (của Chúa Tám) *Bộ Sinh*, *Hoàng Chín* (sau đề lại cho Máy chín khai thác, của *Thượng Tứ*) *Bà Chúa Nhất* v.v.. Thử tưởng tượng một thành phố mà thời ấy nhiều lắm có khoảng mười nghìn dân, ngoài các trường hát của Hoàng-gia và các trường hát cổ đã nói trên, còn cả đám trường hát như thế thì ta có thể ước lượng phong trào hát bộ lên đến mức độ nào! Có thể nói là chưa hề thấy trong lịch sử nghệ-thuật nước ta! Thử kỳ vọng là đối với thoại kịch, người ta có thể dựng tại Huế lấy một hí trường và lập một ban chuyên nghiệp thôi thì cũng đã gây nên đình đám. Thế mà một trăm năm Tây học, ba bốn chục năm nghiên cứu kịch, cả Hà-nội, lẫn Huế, lẫn Saigon chưa dựng lên nổi một nhà diễn kịch, lập nổi một phong trào, tạo nổi một số lượng khán giả tối thiểu để ủng hộ phong trào, thì đủ biết sức mạnh của hát-bộ suốt mấy thế-kỷ qua là sức mạnh vũ bão và chắc chắn có nguồn gốc trong niềm rung cảm của quần chúng. Mà đó là tôi chưa kể những loại rạp chột dựng nên, chột dỡ đi như ta vẫn thấy mãi ở thôn quê!

Rời khỏi Huế, chúng ta thử đi ra miền ngoài. Nơi này là vương quốc của Hoàng-Cao-Khải trước khi phải ra Hà-nội vì sợ Nguyễn Thân ám sát khi hai con chó săn dờ trò tranh ăn (1) với nhau. Trời sinh Khải sao còn sinh Thân! Khải có học thức vượt xa Thân. Khải cũng là tác giả những vở tuồng có giá trị như *Tượng kỳ* khí xa, *Tây Nam Đắc bằng*. *Tây Nam Đắc bằng* là một vở tuồng hô hào chủ trương Pháp, Việt đề huề, theo cái nghĩa Bá-đà-Lộc đầy kinh nghiệm mưu trí, dắt tay bé con Hoàng tử Cảnh đi xin đồ viện trợ!

Tôi không rõ Hoàng cao Khải có ban hát, lớn đến mức độ nào, vì chắc ông không chịu thua Nguyễn Thân những phương diện cầu kỳ, phô trương nhất là khi ông giỏi tuồng tích. Cũng thời kỳ này Miền Bắc Trung, tức Tả trực kỳ (2), rất nhiều vị quan người Miền trong ra làm quan ở đó thường vẫn đem ban hát của mình ra hát và chỉ dẫn cho dân địa phương hát. Ở Quảng Nam như các cụ Võ Hoành, Hà Ngại, Nguyễn hiền Đình; ở Bình Định: cụ Đào Tấn (đã từng giữ An Tịnh — Nghệ An, Hà Tĩnh — tổng đốc) v.v.. Những vị này đều có công lớn ở chỗ gây cho ngành hát bộ Nam-Trung-Việt tiếng vang xa rộng, dư âm vượt ra đến Miền Bắc. Do đó, tiếng nói, tiếng hát của khu vực *Quảng Nam-Bình Định* đã rộn rã trên các hí trường *Đàng Ngoài* và Hát bộ cũng nghiêm nhiên có một chỗ đứng vững vàng để làm mới ngành Tuồng cổ Việt Nam. Cũng chính ông Đào Tấn, khi ở quê nhà, hoặc khi trở lại quê nhà, đã giúp nâng cao ngành hát-bộ Bình Định lên

(1) Nguyễn Thân ám sát huyệt Hoàng Cao Khải. Khải ra Hà-nội làm Kinh-lược sống một đời lừng lẫy, con ông, Hoàng trọng Phu là «Phó vương Bắc kỳ». Thoát khỏi cái chết ở cầu Trường tiền (Hương kiều) khi nghe tin Thân chết, Khải có đi đôi câu đối mà về sau là:

Bôi từ ly ca cổ nhân thành vĩnh biệt; hồi ức thập niên tiền sự Hương Kiều phong nguyệt thướt thướt.

Khải nhắc khéo chuyện mười năm trước và nay trăng gió cầu sông Hương vẫn như xưa, giọng đầy thương xót thành thật nhưng mỉa mai xỏ lá!

(Về việc Khải đi Hà-nội lẽ tất nhiên còn nhiều nguyên nhân chính trị, nhưng cũng có nhiều lý do cá nhân người ta vẫn kể, mà trên đây là một).

(2) Đối lại, Nam Trung Việt từ Huế vào là Hữu trực kỳ. Trong các bài của tôi, nếu thỉnh thoảng có thấy chữ *Nam Trung Việt* xin hiểu là *Nam Trung Việt* theo nghĩa xưa là Nam Kỳ, Nam Việt.

đến chỗ tuyệt kỹ. Ông có nhà dạy hát tên Học-bộ-đình, tự chế tạo những điệu bộ, cách thức đầy ngành hát đi tới một bước khá xa. Ban hát của ông cũng như học trò ông, nhiều người có danh tiếng lớn, được các tỉnh yêu phục.

Hát bộ từ các ban, các gánh nhỏ hát ở rạp, nhảy lên thành gánh lớn hát ở *Trường hát* là một khúc quanh đáng quan tâm của lịch sử văn nghệ, đánh dấu sự chuyển hướng theo quan niệm Tây phương. Sở dĩ có tình trạng này chắc là chúng chịu ảnh hưởng của các ban hát của Âu châu sang hát ở Saigon sau 1862 và của nhà hát Tây Saigon do người Pháp lập nên khoảng 1900. Như tôi đã trình bày, trước kia chúng ta chưa ai biết khai thác lối kinh doanh này. Tờ chức hát ở dưới là do xóm, làng tự bỏ tiền quĩ hay quyên tiền của dân mà dựng rạp, mời gánh hát. Lên trên nữa thì có các bản hát của các vị phú hộ, các quan hay vua chúa. Tiền thưởng nằm trong sổ thẻ ném lên sân khấu để tặng diễn viên theo tài năng cá nhân. Nền văn nghệ do đó thuộc quyền hướng dẫn, lãnh đạo của các thế lực cai trị hay phú hộ. Dân chúng có quyền được dự tất cả buổi hát của làng, tùy theo sức khỏe, sự khôn khéo của mình. Ai tới trước có chỗ thì ngồi, ai tới sau thì phải đứng. Rạp hát thuộc quyền hưởng thụ tinh thần công cộng của toàn thể đồng bào. (Lẽ tất nhiên, ưu tiên phải dành cho người có địa vị, phẩm tước trước, nhưng toàn dân vẫn được dự, như chế độ chia công điền, công thổ.)

Nhưng kể từ khi người Pháp sang, mang theo lối kinh doanh Tây phương thì tự nhiên nó cũng ảnh hưởng sâu sắc tới xã hội Việt Nam. Theo Vương-Hồng

Sễn (2) thì từ 1863 đã có gánh hát Tây qua diễn tại Saigon để giải sầu cho khách viễn chinh tại nhà của Thủy sư Đề đốc (góc Tự Do và Nguyễn Du). Kế đó nhà hát Tây dọn về xây tạm tại nhà chóc trời Caravelle hiện nay. Nhà hát chính thức (nay là trụ sở Quốc-hội) xây dựng lối năm 1898 và lạc thành rất huy hoàng năm 1900. Các gánh hát Tây từ Âu Châu sang gây cho người Việt một phương thức kinh doanh mới. Vì thế, cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, vẫn theo Vương Hồng Sễn, Saigon Chợ lớn có nhiều gánh hát lớn, đào kép trứ danh.

Bà Lưu-thị-Ngoạn, tục danh «Cô ba Ngoạn» làm chủ một gánh hát bội, đào tạo nhiều đào kép nay còn đề tiếng lừng lẫy như Năm Nhỏ, Hai Thắng (đào và kép). Ở Chợ lớn có bà Tám-Dội quen gọi Cô Tám cũng chủ một gánh hát lớn có nhà hát riêng. Bà có sự nghiệp đồ sộ, nhà lầu, vườn cao su, hột soàn cả ô. Đường Hồ-Văn-Ngà chỗ rạp Rex xưa, có ông Ninh dựng rạp hát bộ tại đây. Ông vừa là nhà văn, nhà báo, soạn tuồng, bầu gánh hát...

Thú phong lưu của người Saigon thời ấy là ngồi xe song mã, xe kéc bánh cao su hóng mát. Nếu không bài bạc thì xem hát bộ. Đời sống kép hát được liệt vào hạng sang, ngang hàng với thơ bạc, dọn bàn (3) với lược đời mỗi, ống dóc nanh heo...

Cũng trong thời kỳ hát bộ miền Nam trời dậy, theo chỗ nhận xét của tôi, nó mang vào hí trường một sự thay đổi lớn lao, đảo ngược quan niệm cổ điển:

(1) Sau này có gánh hát tên là Bộ Đình, lúc ông đã chết vẫn còn lưu diễn.

(2) Saigon năm xưa, Tự Do. Sđđ, trg 79.

(3) Theo Vương-Hồng-Sễn — Saigon, năm xưa. Sđđ.

người đàn bà lần đầu tiên lên sân khấu. Đàn bà thực sự, chứ không phải những tay đực rựa muốn giả giọng nữ nhi! Và chắc chắn là Miền Nam rút được những kết quả lớn lao khiến làm vang động nơi phát xuất hát bộ là Miền Trung. Kể từ đây, hát bộ khai sinh danh từ *đào* mặc dầu trước vẫn có nhắc tới, nhưng chỉ nhắc như *«kép khi đóng đào: vai Trại Ba»*. Và ngày nay, người ta nói gọn lỏn: *Đào Liễu đóng Trại Ba*. Hát bộ *tăng cường gần phân nửa phẩm chất của nghệ thuật trình diễn lời và bộ kể từ đây!*

Đồng thời, một sự kiện mới khác xảy ra: Miền Nam đầy luôn hát bộ ra Bắc, Ngày trước, Miền Bắc có hát tuồng theo lối *Nguyên khúc*. Theo các tài liệu cổ, ngành hát này góp một phần đáng kể vào nghệ thuật sử. Nhưng rồi băng đi, ngành tuồng ấy ít được nhắc tới. Ở Trung-hoa cũng không dùng *Nguyên khúc* nữa vì lạc hậu. Miền Nam, bắt chước loại Truyền kỳ đời Minh, Thanh, đặc biệt loại hát *Tiểu* và đi từ thành công này đến thành công khác theo giọng *«Quảng Nam Bình Định»* và lấy tiếng Quảng Nam làm chủ yếu cho việc soạn tuồng.

Lời hát này được đưa ra Bắc theo hai đường.

a/ Các quan lại Miền Trung như Hoàng Cao Khải. Khải tất có ảnh hưởng đối với những nhà viết tuồng của Miền Bắc như Hoàng Tăng Bí, Nguyễn Hữu Tiến. Nhiều kép hát Miền Trung (Huế) có ra Bắc đóng và được hâm mộ, tiêu biểu là Năm Tồn.

b/ Các viên chức, các nhà kinh doanh miền Nam. Và đây là điểm chủ yếu đã làm rộn ràng sinh hoạt văn nghệ Miền Bắc. Đầu thế kỷ có nhiều người Nam mang hát bộ ra Bắc. Những nổi tiếng là

Thông Sán, Năm Trần. Hai người này đã tổ chức ban hát, việc bán vé... và thu được kết quả. Sự thành công này thú đẩy nhiều người trong đó có ông Trần Văn Quang, thông phán, lập ra nhà hát Quảng Lạc, chuyên hát bộ. Diễn viên thời kỳ này đa số vẫn là người Nam. Nổi tiếng là kép **Cương**, kép **Lộ**, **Sáu Bí**, **Năm Tồn** (Trung). Đào thì có **Chín Lộc**, **Bảy Tắc**. Người Bắc có anh bán bánh giò (gọi **Ba** hay **Năm Giò**) cũng bỏ nghề, theo hát rồi trở thành diễn viên tiếng tăm. Về sau, Người Bắc mới bắt chước tuồng tích, giọng hát Miền Nam, lập gánh hát, dựng trường **Đồng Lạc**. Sự thành công lớn lao của hát bộ mới khiến các nghệ sĩ miền Bắc phải phục hồi Chèo, lập ra **Sán Nhiên Đài** khiến sinh hoạt văn nghệ càng thêm rộn rã một thời! Và đây, với tiếng gọi ồn ào của hát bộ, *«bộ-môn nghệ-thuật giữ địa vị độc tôn trên các sân khấu lớn»* (1) Diễn viên hát Chèo miền Bắc mới rời khỏi làng xóm nhảy lên địa vị phụ diễn; Ở đó mới nuôi ý định tập hợp lại thành một đại ban rồi chiếm lấy một sân khấu nào đó một mình nghênh ngang, thử rạch đôi sơn hà với ngành Hát bộ...» (1) Chèo Bắc có đi xa không? Lịch sử sân khấu may mắn ghi thêm một bộ môn suýt bị lãng quên—ít ra ở đô thị lớn—nhưng hình như rồi Chèo cũng không đi xa bao nhiêu vì hết Hát bộ, Miền Nam lại đầy **Cải-lương** ra... Trong khi đó, các nhà trí thức miền Bắc đuổi theo văn nghệ Tây phương. Nào **Kịch** then thò lên sân khấu. Đề rồi nửa thế-kỷ trôi qua vẫn chưa gây một thành tích lớn lao nào—dù đã có đại ban **Anh Vũ** của **Thế Lữ** và **Võ đức Diên**—chưa gây một xúc động sâu xa nào trong lòng quần chúng, dù có những diễn

(1) Với chèo Lưu Bình Dương Lễ. Vũ Huy Chấn giới thiệu trên 9 trên 11

viên tài hóa như Văn Chung, Kim Cương Kịch vẫn còn ở thời dò đường, tìm lối mà lẽ đáng ra, nó phải có bộ mặt rạn rở nhiều năm trời trên các hí trường. Vì như ta biết : tuổi của Kịch đâu có thua tuổi ải lương. Thế mà nay Cải lương đã về già — sắp già khom — trong khi Kịch vẫn còn vị-thành-niên !

oOo

Dù thế nào Hát bộ cũng đã đi theo ngành Nghệ thuật và kinh doanh Tây phương. Sân khấu đã không còn mở cửa tự do cho khán giả chạy lên chạy xuống, vào tận buồng trò vuốt râu vai trung, vai nịnh. Cái trống chầu còn đó, nhưng không độc quyền ban phát ân huệ, vì diễn viên đã lãnh lương. Khán giả cũng thay đổi. Họ không còn là một con người vô danh trong tổ chức cộng cộng (làng xã) và các tổ chức này có bổn phận giải trí họ bằng tiền của chung. Họ ý thức về vai trò khán giả, đau xót nhưng ngang nhiên bỏ tiền ra mua một chỗ ngồi tùy theo túi tiền, theo sự thuận lợi, nói cụ thể : họ có thể ngồi bên cạnh vợ con hay người yêu đang hoàng. Họ cũng không phải đến rạp hát để tiện thì coi, không tiện thì ra đánh bạc, uống rượu, nhậu thịt chó và ve vãn các em. Họ đến trường hát chủ yếu là để coi hát, xem tài nghệ của diễn viên từ đầu đến cuối và nếu họ có nhiều tiền, họ có quyền vút lên sân khấu cũng như họ được ngồi ngang hàng ông nọ, bà kia : việc mà trước đây, người ta mặc nhiên cấm đoán. Đây là bước tiến của khán giả từ chế độ phong kiến sang chế độ tư hữu. Lần đầu tiên những khán giả tiểu tư sản tự nhận thức sự hiện diện của mình trong đám đông, trong sự nuôi dưỡng ban hát và phát triển tài năng của diễn viên.

Diễn viên cũng không ngờ mình tiến sang một bước khác : mình không còn là công cụ của một người có thể lực, muốn sai bảo, đánh đập gì tùy ý. Bây giờ thì mình có nhiều quyền lợi ngay trước mắt : giỏi thì lãnh lương nhiều, kém thì lãnh lương ít. Mình có tài, có cố gắng tập luyện sẽ được chủ nể nang, khán giả yêu trọng. Quan trọng hơn hết là từ nay, tất cả đều từ già cuộc đời nông nghiệp, cuộc đời quân ngũ giả tạo để trở thành diễn viên chuyên nghiệp, không còn sống cuộc đời nửa nạc, nửa mỡ, ngày thường cầm cày, có việc thì mang hia đội mũ. Bây giờ thì họ phải phun râu đá giáp mỗi đêm. Lốp cừu còn để vợ con ở nhà, chứ lốp mới không còn biết cái nhà là gì ! Họ lấy vợ cũng diễn viên như họ và hậu trường sân khấu, cạnh bàn thờ tổ linh thiêng cũng là nơi đặt giường ngủ của vợ chồng, con cái họ.

Từ đây một cuộc sống mới bắt đầu. Đời sống thực sự của diễn viên sân khấu. Nhưng đó lại là câu chuyện của một đề mục khác.

(Từ Tuồng đến Kịch)
NGUYỄN-VĂN-XUÂN

Bạn đọc đón coi :

GIÓ CUỐN

Truyện dài xã hội, thời đại của VÕ-HỒNG mà bạn đọc đã say mê theo dõi trên Tạp chí Bách-Khoa nay đã được nhà xuất bản LÁ BỎI in thành sách.

— Một tác phẩm không thể thiếu trong tủ sách của các bạn yêu văn nghệ.

Hãy đặt trí óc vào việc

Bài của nhà Tâm-Lý-Học : WILLIAM MOULTON MARSTON

Bản dịch của : TRẦN-VÂN-KHA

Cách đây không lâu, tôi có dịp quan sát một vị bác-sĩ thực hiện một công tác mổ óc rất tế-nhĩ. Lỡ tay một chút, thì bệnh nhân có thể bị tê liệt hay chết. Cái điều làm cho tôi miễn phục, không phải là sự khéo léo mà là sự bình tĩnh lạ lùng của ông. Tôi lại biết rằng trước đó không lâu, ông đã rất cáu kỉnh. Nhưng một khi đứng trước bàn mổ, thì ông làm việc tinh vi như một cái máy, điều ấy làm cho tôi ngạc nhiên.

Lẽ dĩ nhiên, khả năng tập trung tư tưởng như vậy là một việc rất thường thấy ở những người xuất chúng của mọi giới. Bất cứ lúc nào, người lãnh đạo, người xuất chúng, cũng đều có thể tập trung tư tưởng vào một việc phải làm. Còn phần đông chúng ta, thì thường hay trở nên đãng trí, vì cáu kỉnh, bận rộn, hay vì những ý nghĩ đối chọi nhau.

Luôn luôn chúng ta thấy những người đã thành công trong lãnh vực của họ, còn biết vẽ, làm thơ, đánh quần vợt, chơi bài, và sau một bữa ăn, họ có thể ứng khẩu đọc một bài diễn văn rất lưu loát. Chúng ta ước ao cách nói dễ dàng của họ, vì chúng ta tưởng rằng đó là một khả năng đặc biệt.

Điều này có một phần đúng, nhưng chính thực ra thì những người ấy có khả năng tập trung tư tưởng. Đối với mỗi một hoạt động kế tiếp nhau trong ngày, họ không làm việc nửa vời, mà trái

lại họ đã dồn hết khả năng vào đó, một cách từ từ và thật mạnh mẽ.

Ngày nay, hơn bao giờ hết, tập trung tư tưởng không những cần thiết để làm việc có kết quả, mà lại còn để cho sự giải trí được hoàn toàn. Thời đại này là thời đại của sự đãng trí, với những gián đoạn gây ra bởi điện thoại, bè bạn, tiếng ồn ào, sự lo âu, và bởi sự thay đổi của chính chúng ta. Càng ngày chúng ta càng phải làm việc trong những điều kiện đối nghịch với sự tập trung tư tưởng, nhưng sự thành công nhiều hay ít của mỗi người trong xã hội đòi hỏi nhiều chuyên môn này, càng ngày càng càng tùy thuộc vào sự tập trung tư tưởng. Không những nó cần thiết cho công việc, mà lại còn cần thiết để làm giàu đời sống nội tâm nữa : những phương tiện dồi dào để làm thỏa mãn đời sống tinh thần có thể trở thành những cuộc giải trí lộn xộn, vô nghĩa, nếu chúng ta không có khả năng lựa chọn để vui vẻ theo đuổi, mỗi lần một mục tiêu mà thôi. Khi tinh thần thật sự tập trung, nó trở nên một dụng cụ vô cùng hữu hiệu. Lord Macaulay, một nhà Sử học Anh, thường có thói quen vừa đi vừa đọc ở giữa các phố đông đúc của Luân-đôn. Sau khi chăm chú đọc hết một trang, ông có thể nhắm đọc lại trang sách ấy. Khi mới thoát nghĩ, các bạn thường cho rằng các khả năng như vậy là của

những người có biệt tài, còn các bạn thì không khi nào có. Nhưng các bạn có chắc rằng các bạn không có không? Đa số những người thường như chúng ta đều có những dụng cụ căn bản như vậy. Khác biệt là ở cách sử dụng.

Khả năng tập trung tư tưởng, thì ai cũng có, nhưng chúng ta đã để cho nó suy nhược đi. Hãy quan sát cái gọi là tính "vô ý" của trẻ con. Aldous Huxley nói rằng, cho đến năm 10 tuổi, mỗi đứa trẻ là một tài năng. Còn có sự chăm chú nào nhiều hơn, là sự chăm chú của đứa trẻ, khi nó say mê với một quyển sách, hay một vật mới? Trong những lúc đó, chúng ta thường mắng trẻ, vì nó không để ý đến lời ta nói. Thực ra thì chúng đang tập trung ý nghĩ đến những việc quan trọng đối với chúng, và chúng ta phải cố tránh, đừng hủy hoại cái khả năng thiêng liêng biết say mê một thứ gì.

Tập trung tư tưởng không phải là một trạng thái bất thường, trái ngược với bản chất của chúng ta. Một giáo sư đẳng trí, nói cho cùng, chỉ là người biết áp dụng vào công việc của mình, cái khả năng biết chăm chú của trẻ nhỏ. Tôi còn nhớ có lần bắt gặp giáo sư Josiah Royce, một nhà Triết-học của Harvard, đứng dưới trời mưa lớn, không ô, không áo, mà biện luận cho một vài điểm về Siêu-hình-học với một sinh viên, tuy có mặc áo đi mưa, nhưng cứ định tìm cách bỏ đi.

Royce không biết là có mưa. Chúng ta cười cái thái độ dị-biệt ấy. Nhưng chúng ta cũng biết rằng giới Bác-học công nhận rằng Royce đã có sự thông minh tuyệt vời trong phạm vi của ông. Ông ta đã đạt tới mức ấy, chính vì

có sự tập trung tư tưởng mãnh liệt, cũng chính cái sự tập trung ấy nó làm cho ông tạm thời quên những ngoại cảnh vẫn thường làm cho nhiều người đăng trí.

Hãy thử chọn một người đã thành công, mà bạn biết có thể làm một việc nào đó giỏi hơn các người khác, rồi thử làm cho người ấy chia trí trong khi đang làm việc. Ông George Grey Barnard, đã quá cố, là một nhà điêu khắc rất nổi tiếng, ông thường làm cho bạn của ông bối rối, vì ông đã không nhìn thấy họ, khi họ tới thăm ông, trong lúc ông đang làm việc ở xưởng. Trừ khi là bạn có thể làm cho bạn trở nên chăm chú như vậy vào những công việc bạn muốn làm, nếu không thì rất ít có hi vọng là bạn làm được việc ấy một cách đặc biệt tốt đẹp.

Nhưng vấn đề ham mê có tác dụng hai chiều. Có ham mê là có tập trung tư tưởng, nhưng có tập trung tư tưởng là có ham mê. Khi người ta hỏi Goethe, ông đã làm thế nào để có thể hoàn thành những tác phẩm vĩ đại như vậy, thì ông đã trả lời rất hồn nhiên: « Có gì đâu, tôi chỉ có việc hà hơi vào hai tay ».

Nói một cách khác, muốn phát triển khả năng tập trung ý nghĩ, thì điều kiện trước hết là làm công việc với tất cả tâm hồn, đầu việc ấy có đáng chán ghét.

Hãy dấn thân vào việc, rồi công việc sẽ thu hút bạn, y như trong một trò chơi. Điều rất quan trọng là hãy biết đến sự thật ấy. Nếu « biết » rằng sau khi bắt đầu, bạn sẽ ham thích, thì bạn sẽ không do dự. Tuy vậy nhiều người chúng ta lại hoan nghênh sự gián đoạn, có khi đòi hỏi nữa, vì chúng ta không biết rằng công việc không hấp dẫn kia sẽ thu hút chúng ta,

nếu chúng ta có thể « nhảy » vào việc.

Không còn nghi ngờ gì nữa, vì đó là lý do làm cho William James, cha đẻ của khoa Tâm-lý mới, xác nhận rằng điều quan hệ là phải bắt đầu bằng « các cử động ». Hãy có điều bộ làm việc. Sự chăm chú sẽ dễ thực hiện, nếu tinh thần và thể chất cùng chung nhau làm việc. Ảnh hưởng của thân thể có lẽ rất ít và rất tế nhị, — một cách ngồi, hay một bắp thịt căng, — nhưng mà cần thiết.

Mặc dầu rằng sau khi chúng ta đã nhất quyết tập trung tư tưởng, cũng còn vô số ý nghĩ, những ý nghĩ mơ hồ, những tiếng động và cảm giác, đến quấy nhiễu tinh thần chúng ta. Cố gắng sửa đổi những cảm giác vô ích ấy chưa đủ, còn phải tìm cách thay thế nó bằng một việc mà ta cần chú ý đến, Chúng ta không thể đẩy một ý nghĩ ra khỏi đầu óc. Nếu ai nghi ngờ xin hãy thử câu chuyện khôi hài của Walter Pitkin : «Hãy thử trong 30 giây, không nghĩ đến chữ Trâu nước». Ấy thế mà vẫn còn có nhiều người tìm sự tập trung tư tưởng bằng cách loại trừ các ý nghĩ không thích hợp, thay vì cố gắng làm cho tinh thần chú ý đến công việc hiện tại.

Khi bắt đầu một việc gì, lẽ dĩ nhiên là bạn băn khoăn, vì bạn còn rất nhiều việc khác phải làm, những việc không thể chờ đợi được, bạn nói như vậy. Nó có thể chờ đợi được chăng ? Lẽ dĩ nhiên là được. Nó «bắt buộc» phải chờ. Sự buồn phiền đi theo ta như con ma, con ma chỉ có ta trông thấy ấy, làm cho ta chú ý đến nó một cách tuyệt vọng, thay vì chú ý đến công việc đang làm. Nhưng dù cho là sự phiền muộn có đến với hình thức nào đi nữa, bạn cũng cứ nói với phần «vô ý thức» : đúng, quan trọng lắm : nhưng nó

có thể chờ cho tới khi công việc kia hoàn tất — rồi khi đó tôi sẽ hoàn toàn chú ý đến nó.

Thật là lạ lùng về sự thỏa mãn dễ dàng của phần «vô ý thức», nếu bạn giữ được lòng tin của nó — hãy lần lượt chú ý đến từng vấn đề một. Đó là thái độ tinh thần đơn độc — một công việc cho một lúc — mà tất cả chúng ta phải học. Không có thái độ đó, chúng ta chẳng đi tới đâu, dù là làm việc hay là giải trí.

Arnold Bennett mô tả sự tập trung tư tưởng như sau : «đó là khả năng giao cho trí óc một công việc và bắt nó nghe lời». Khả năng đó sẽ có nhờ tập luyện, nhưng tập luyện đòi hỏi kiên nhẫn. Sự chuyển tiếp từ đãng trí tới tập trung ý nghĩ một cách sáng tỏ và rõ ràng, là kết quả của một sự cố gắng không ngừng. Nếu bạn cứ tiếp tục luôn luôn làm cho tinh thần phải chú ý đến một vấn đề đã định trước, thì sẽ đến lúc các ý nghĩ khác phải nhường chỗ cho vấn đề bạn đã lựa chọn. Về sau các bạn thấy rằng, mỗi khi cần, các bạn có thể chú ý đến bất cứ vấn đề nào mà các bạn lựa chọn.

Cần phải luyện tập sự «kiểm soát» khả năng tập trung ý nghĩ, chứ không phải «khả năng». Khả năng đã có sẵn, hãy cứ tiếp tục quấy rầy nó, cho tới khi nó phải trả lời. Khi các bạn biết dồn hết khả năng, không bị đãng trí, vào một công việc đang làm, các bạn sẽ được phần thưởng về hai phương diện : «cả số lượng những công việc có thể làm được, lẫn sự vui thích khi làm những công việc đó, đều gia tăng lên gấp bội».

WILLIAM MOULTON MARSTON

TRẦN VĂN KHA dịch

Ngành xuất-bản ở Nhật-bồn

HỒ-LIÊN-BIỆN

I. NGÀNH XUẤT-BẢN TRONG NƯỚC NHẬT

1. Sách khảo-cứu và phổ-thông

Hiện nay, Nhật-bồn được công nhận là một trong những cường-quốc về ngành xuất-bản, phẩm cũng như lượng. Theo một thống-kê của Unesco thì trong năm 1964, trên thế-giới có 5 quốc-gia xuất-bản trên 20.000 cuốn sách đủ loại đó là : Nhật-bồn, Anh-quốc, Hoa-kỳ, Tây-Đức và Nga-sô. Cũng trong năm 1964, các quốc-gia Ấn-độ, Pháp, Hòa-lan và Tây-ban-nha, mỗi quốc-gia xuất-bản từ 10.000 đến 20.000 cuốn.

⁠Nhật-bồn đã vượt quá mức độ 20.000 cuốn mỗi năm từ 1955, với số xuất-bản cao nhất năm 1957 là 25.299 cuốn. Trong năm 1966 (1), Nhật đã xuất-bản 24.392 cuốn, trong số này có từ 60 đến 70 0/0 là sách mới xuất-bản lần đầu. Ngành học có số sách xuất-bản cao nhất là Văn-học với 6.154 cuốn. Kế đó là các ngành Khoa-học xã-hội, Nhi đồng, sách Tham-khảo, Kỹ-thuật và Khoa-học thiên nhiên.

Tổng số ấn-hành lên đến 394.400.000 bản, trung-bình mỗi cuốn sách được in ra khoảng 16.169 bản, một con số rất lớn so với số-lượng xuất-bản ở Việt-Nam. Số lượng ấn-hành ở Nhật-bồn đã tăng lên 2 lần rưỡi trong vòng 10 năm (1956 : 148.000.000 bản), trong khi đó tiền bán sách tăng lên 5 lần (1956 : 74.460.000 Mỹ-kim ; 1966 : 380.440.000 Mỹ-kim).

2. Tạp chí.

Trong năm 1966, Nhật-bồn đã xuất-bản 2.304 tạp-chí, chưa kể 1.245 tạp-chí giáo khoa, 409 đặc-san do chánh-phủ phát-hành và một số lớn nội-san không thể kiểm-kê được. Tổng-số có thể lên đến 10.000 loại khác nhau.

Số lượng tạp-chí ấn-hành trong năm 1966 là 1.365.670.000 bản. trong đó có 751.870.000 là tuần san, số còn lại là nguyệt san. Nói chung, tuần-san phát triển nhanh hơn nguyệt-san; một vài tuần-san đã phát hành hơn một triệu bản mỗi kỳ.

Về phương diện nội dung, tạp-chí nhi đồng dẫn đầu với 28,7 0/0 số phát hành; kế đó là tạp chí phổ-thông (15,2 0/0) và tạp-chí phụ-nữ (9,3 0/0.)

Tổng-số tiền bán tạp-chí trong năm 1966 là 388.005.000 Mỹ-kim.

3. Sách giáo-khoa

Ở Nhật-bồn, giáo-dục cưỡng-bách được thực hiện ở cấp tiểu-học (6 năm và đệ nhứt cấp trung-học (3 năm). Sách giáo-khoa dùng trong 2 cấp này do tư-nhơn xuất-bản, nhưng tất cả đều phải qua một hệ-thống kiểm-duyet của Bộ Giáo-dục. Bậc trung-học đệ nhị cấp (3 năm), mặc dầu không có cưỡng bách giáo-dục, nhưng sách giáo-khoa

(1) Khi chúng tôi viết bài này, các con số thống kê về năm 1967 chưa được công-bố

hầu hết cũng theo cách kiểm-đuyệt như trên.

Trong năm 1966, số sách đã được Bộ Giáo-dục Nhựt-bồn kiểm-nhận chia ra như sau :

Tiểu-học : 529 cuốn, in ra 104.592.013 bản.

Trung-học đệ nhứt cấp : 303 cuốn, in ra 49.785.785 bản.

Trung học đệ nhị cấp : 1.252 cuốn, in ra 49.534.306 bản

Bộ Giáo-dục chỉ trực-tiếp xuất-bản một số ít sách giáo-khoa bậc Trung-học đệ-nhị cấp và sách giáo-khoa cho những trường đặc-biệt (mù, câm, điếc). Số sách này chỉ chiếm 2,4 0/0 tổng số ghi trên.

Tính trung-bình, mỗi cuốn sách giáo khoa bậc tiểu-học được in ra 200.000 bản, bậc trung-học đệ nhứt cấp 120.000

bản và bậc trung-học đệ nhị cấp 50.000 bản. Tuy nhiên, có vài trường hợp đặc biệt trong đó một cuốn có thể in ra đến hơn 1.000.000 bản. Tại Việt-Nam, từ ngày có chương-trình cố gắng thống-nhứt-hóa sách giáo-khoa tiểu-học, cũng có một vài cuốn sách đạt đến mức 1.000.000 bản.

Về giá bán sách giáo-khoa ở Nhựt-bồn, nhà xuất-bản phải đề nghị một giá bằng hay dưới giá tối đa do Bộ Giáo-dục quy định. Giá bán thực sự phải được Bộ Giáo-dục chấp thuận; nhờ vậy giá bán sách giáo-khoa tương đối rẻ so với các loại sách khác.

Tổng số tiền bán sách giáo-khoa trong năm 1965 lên đến 56.005.000 Mỹ-kim. Từ năm 1966, sách giáo-khoa bậc tiểu-học do Chánh-phủ cung-cấp miễn phí cho học-sinh. Hiện nay, Chánh-phủ đang dự-định cung cấp miễn phí sách giáo-khoa bậc trung-học đệ nhứt cấp.

II. LIÊN-LẠC QUỐC-TẾ

1. Địa-vị quốc-tế của ngành xuất-bản Nhựt

Như trên đã nói, ngành xuất-bản đã tạo cho Nhựt-bồn một địa vị quan trọng theo tiêu-chuẩn quốc-tế. Bảng kê tổng số sách và tạp-chí xuất bản năm 1964 dưới đây cho ta thấy rõ điều đó :

Nga-sô :	78.204
Hoa-kỳ :	28.451
Anh :	26.123
Tây-Đức :	25.204
Nhựt-bồn :	24.049
Tây-ban-nha :	15.540
Pháp :	13.479
Ấn-độ :	13.128
Hòa-lan :	10.026
(Việt-Nam)	(532)

Bảng kê này chỉ có giá-trị tương-đối,

vì cách thống kê của các nước không thống-nhứt với nhau. Ở Nga-sô chẳng hạn, số tổng-kê gồm cả các tài liệu do Chánh-phủ phát-hành, trong khi đó ở Nhựt-bồn người ta đã không kể tới các sách giáo-khoa cũng như các tài liệu của Chánh-phủ.

2. Xuất cảng

Năm 1965, Nhựt-bồn đã xuất-cảng một số sách trị giá 8.003.333 Mỹ-kim và một số tạp chí trị giá 4.703.055 Mỹ kim. Các nước nhập cảng sách báo của Nhựt-bồn nhiều nhất là : Đảo Ryukyu (Okinawa), rồi đến Hoa-kỳ, kế đó là Phi-luật-tân, rồi Indonesia Ấn-độ, Anh, Úc. ..

Danh sách trên kê theo thứ-tự nhiều ít và chỉ kể đến các sách báo xuất cảng có qua sự kiểm-soát của cơ-quan quan-thuế mà thôi. Đảo Ryukyu đứng đầu số

vì đa số dân Đảo ấy là người Nhật. Sau đó, riêng Hoa-kỳ chiếm đến 140/o (1.787.519 Mỹ-kim) tổng số sách báo do Nhật xuất-cảng. Việt-Nam chỉ nhập cảng của Nhật một số sách báo trị giá 112.000 Mỹ-kim.

Hai phần ba số sách báo do Nhật-bồn xuất-cảng viết bằng Anh-ngữ. Phần lớn số sách báo xuất cảng viết bằng Nhật-ngữ đều do Okinawa tiêu-

thụ.

3. Nhập cảng

Trong năm 1965, Nhật-bồn đã nhập-cảng 14.837.828 Mỹ-kim sách và 1.304.458 báo chí. Quốc-gia xuất cảng sách báo sang Nhật nhiều nhất là Hoa-kỳ (80 o/o), kế đó là Anh, Pháp, Tây-Đức và Ý. Việt-Nam chỉ xuất-cảng sang Nhật có 502 Mỹ-kim sách báo trong năm ấy.

II XUẤT-BẢN VỚI CHÁNH-TRỊ VÀ XÃ-HỘI

1.— Ảnh-hưởng của độc-giả

Hệ-thống giáo-dục tại Nhật bồn đã được chánh-thức-hóa từ năm 1872 và đến năm 1880 thì bắt đầu thực hiện giáo-dục cưỡng-bách. Hiện nay, tỷ-số trẻ em có đi học đạt gần tới 100 o/o. Ngay từ 1920, tỷ-số này cũng đã lên đến 99,03 o/o rồi. Do đó, tỷ-lệ thất học hiện nay rất thấp, nhiều lắm là 0,5 o/o.

Tỷ-số dân-chúng tính theo trình-độ văn-hóa như sau :

Đại-học	5,5 o/o
trung-học	30,1 o/o
tiểu-học	63,9 o/o
thất học	0,5 o/o

Các nhận xét trên giúp ta giải-thích dễ-dàng nhu-cầu đọc sách lớn lao tại Nhật. Năm 1964, Nhật-bồn có 98.330.000 dân ; tính trung-bình mỗi người dân đọc 3 cuốn sách khảo-cứu và phổ-thông, 10 số tạp-chí và 8 cuốn sách giáo-khoa. Trong một cuộc điều tra mới đây người ta nhận thấy rằng trong số 1.881 người dân Tokyo tuổi từ 16 đến 59 thì có đến 35 o/o có mua sách khảo-cứu hoặc phổ-thông để đọc trong vòng một tháng. Thành-phần độc-giả cao nhất

là sinh-viên và học-sinh, trong số này 70 o/o mua từ hai cuốn trở lên trong vòng một tháng.

Phần đông độc-giả bỏ tiền túi ra mua sách, kết-quả là hầu hết gia-đình nào tại Nhật cũng có tủ-sách gia-đình.

2.— Ảnh hưởng của chánh-quyền

Một đặc-điểm ở Nhật-bồn là Chánh-phủ không tài-trợ cho ngành xuất-bản. Tất-cả các kỹ-nghệ khác đều chịu sự kiểm-soát của một Bộ nào đó trong Chánh phủ, riêng kỹ-nghệ xuất-bản thì hoàn-toàn tự-do, không chịu sự kiểm-soát của một cơ-quan công-quyền nào (ngoại trừ sách giáo-khoa và các sách do chính Chánh-phủ xuất-bản). Trong lịch sử Nhật-bồn, sự kiểm-duyet sách báo chỉ thực-hiện chặt-chẽ trong khoảng thời-gian từ 1930 đến 1945 mà thôi. Chánh-sách tự-do hiện nay làm cho ngành xuất-bản tự-nhơn ở Nhật-bồn giữ một vai trò quan-trọng trong việc góp phần xây-dựng văn-hóa, một vai trò thường do Chánh-phủ nắm giữ tại nhiều quốc-gia khác.

Ngoài ra ngành xuất-bản Nhật-bồn còn được hưởng chế độ miễn thuế kỹ-nghệ và chế-độ bưu phí hạ riêng cho các ấn-loát phẩm.

3.— Tình-trạng kinh-tế

Mặc dầu sách báo có ảnh hưởng rất

lớn đến nền văn-hóa của một nước, nhưng kỹ-ngệ xuất bản có thể điều hành với một số vốn vừa phải. Do đó, nhiều nhà xuất bản không được mạnh mẽ về phương-diện kinh-tế so với các kỹ-ngệ khác, và đa số các nhà xuất bản ở Nhựt-bồn hoạt động trên căn bản vốn cá nhân.

Hiện nay, Nhựt có chừng 2.000 nhà xuất bản, trong số đó rất ít nhà có vốn lớn. Tổng số tiền bán sách báo của tất cả các nhà xuất bản cộng chung lại cũng chưa bằng lợi tức của một công-ty cỡ Fuji, Hitachi, Toshiba, hay Matsushita. Tuy nhiên, ta cũng nên đề ý rằng giá bán sách báo ở Nhựt bồn tương đối rất

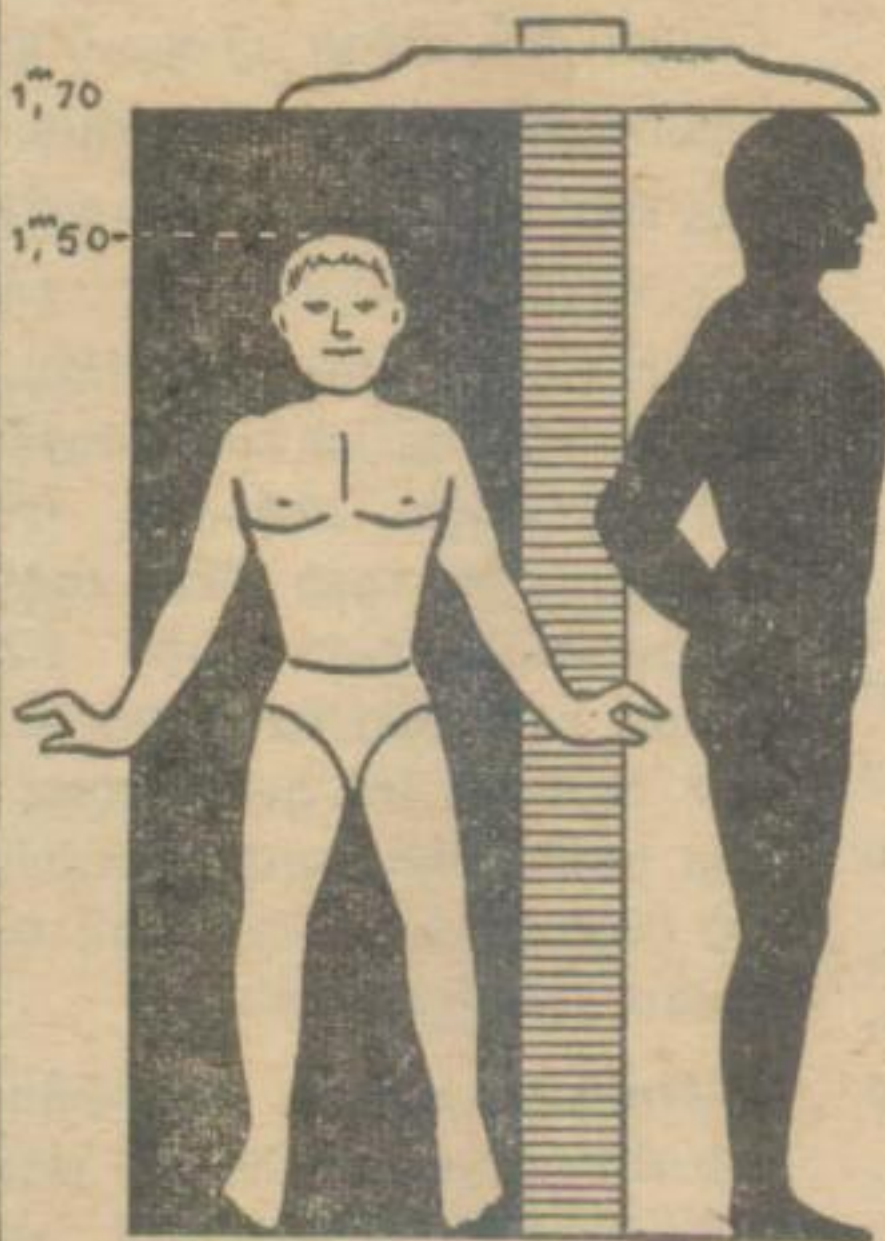
thấp chỉ bằng 1/3 hay phân nửa giá ở Âu-Châu hoặc ở Hoa-kỳ.

Một điểm đáng chú ý nữa là trong khi nền tài chánh Nhựt-bồn lâm vào tình trạng bất động trong mấy năm gần đây vì đã đầu tư quá nhiều vào các dụng cụ sản xuất, chỉ có ngành xuất bản là phát triển điều hòa. Tiền bán sách đã tăng đều đều 15 % mỗi năm và tiền bán báo chí cũng tăng đều 10% mỗi năm. Đồng thời, chúng ta cũng không nên quên rằng kỹ-ngệ xuất bản đã giúp ích rất nhiều trong sự phát triển các kỹ-ngệ khác ở Nhựt-bồn.

HỒ LIÊN BIỆN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C-D-PP-B2-B6-B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

- CON NỮ MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ.
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG.
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHỔI.
- MỆT MỎI.

S6 KN 78 MEYTIQCDP

Cô bé tuyệt vời trên Cao nguyên

● HOÀNG-NGỌC-TUẤN

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 283)

Đồng hồ tay chỉ đúng 10 giờ. Chàng ngồi nôn nóng dưới một gốc cây từng nhiều rễ, bên cạnh chàng bao giấy to tướng chứa những đồ chàng mới mua ở phố. Con bé thường đến rất đúng giờ, và nhiều lắm là sai hẹn chừng nửa giờ. Nhưng mặt trời đã lên cao, chàng biết điều đó khi thấy mặt trời phản chiếu chói chang. Chàng hút gần hết một bao thuốc, mùi vị đậm quen thuộc không còn ngon như thường lệ, lưỡi chàng nhạt nhẽo mùi khói. Chàng bỗng thấy sợ hãi khi nghĩ rằng con bé giận chàng thật, và nó sẽ không bao giờ còn gặp chàng nữa.

Nhưng đúng lúc chàng bực dọc vò nát bao thuốc ném đi thì con bé xuất hiện. Nó đi chậm rãi từ trên triền dốc xuống, hai chân lều nghều trong chiếc quần jean xanh, và vẫn mặc chiếc áo len màu nâu cổ tròn. Nó tiến về phía chàng, đưa mắt dò hỏi nhìn vào bao giấy dưới đất. Chàng hỏi tại sao nó đến quá trễ nhưng nó im lặng. Và mỗi khi con bé im lặng có nghĩa là chắc rằng nó cũng không nói một tiếng. Chàng bảo nó nghe rằng ra xem và lần này thì con bé đã đánh răng ở nhà. Chàng khen nó nhưng

trong bụng cũng hơi buồn vì cái bàn chải và ống kem đánh răng mới tinh trong túi quần chàng trở nên vô dụng. Chàng mở bao giấy và trút bỏ tất cả những món đồ linh tinh ra trên bãi cỏ : « của em đó ». Con bé nhăn mặt khi cầm lấy chiếc máy bay gỗ.

— Cái này để cho tụi con trai chơi, chú mua làm gì ngốc quá.

Chàng giận dữ bẻ gãy món đồ chơi ra làm hai. Con bé cười xòa, nó dùng năm tay đấm nhẹ một cái vào mũi chàng.

— Gì mà mau giận quá vậy, chú còn hơn con nít. Còn cây bút máy này nữa, chú đem về nhà khắc tên chú đi, mai đem lại cho cháu.

Chàng cảm thấy giận hờn tiêu tan, sung sướng nhìn con bé vồ lấy hộp kẹo Chocola và nho khô. Nó bốc ngay một nắm vừa nho khô trộn lẫn với kẹo cho vào miệng, nhai ngốn ngấu như một con heo nhỏ bị đói lâu ngày. Chàng có cảm tưởng cái con nhỏ này dư sức ăn hết tất cả số lượng kẹo sản xuất ở Hoa kỳ.

Bữa nay làm gì mà chú sang quá, mới lãnh lương hả ? Chàng gật đầu,

sực nhớ đến cuốn sách, đây là lần đầu tiên chàng mua cho con bé sách. Chàng trịnh trọng rút cuốn sách mới tinh thơm phức mùi giấy từ trong ngực áo. Con bé tỏ vẻ chú ý, nó đưa tay cầm lấy, lật vội vàng. Ngay ở trang đầu tiên, dưới tên của tác giả, chàng không ngần ngại viết những chữ của chàng « Tặng con hươu cao cổ cứng nhất của tôi » và ký tên mình. Con bé nhún vai « em thích không? » Đôi lông mày của con bé nhíu lại nghiêm trang như một vị giáo sư đại học đang nhìn vào một cuốn sách ngoại ngữ dày cộm.

— Cái thằng nhỏ này ngộ quá, đầu tóc nó như trái chôm chôm, truyện này của ông Exupéry viết hả, cháu đọc truyện của ông này hoài à.

Chàng cốc cho con bé một cái nơi đầu vì tội nói dối của nó.

— Thôi đừng dỗi nữa. Exupéry chứ không phải Exupori, cái tên của người ta cháu đi học vài năm nữa mới đọc được chứ đừng nói...

Con bé tỏ vẻ bất bình mỗi khi chàng khám phá được sự nói dối muôn thủa của nó.

— Mà cái ông Exupori này là ai vậy?

Trí não của chàng thật khốn khổ, chàng quên ngay chàng vừa mới trừng phạt con bé vì tội nói láo.

Exupéry? Cái thằng này là một phi công người Pháp. Nó là bạn thân của tôi đó, hồi nhỏ hai đứa học cùng một lớp. Nó lái máy bay chở tôi đi chơi đều đều. Em biết không, năm ngoái cái thằng bạn mắc dịch ấy nó làm tôi suýt chết, nó lái chiếc máy bay chở tôi bay xuyên qua

dưới cầu Bình Lợi, một chút nữa thì đâm vào cầu...

Con bé trợn mắt nhìn người anh, hùng thoát hiểm một cách thần phục, tay đưa lên ngực để giữ trái tim khỏi bay mất. Rồi nó tiếp tục lật những trang giấy, miệng vẫn nhai kẹo không ngừng. Bỗng nó ngước mắt lên và bắt gặp đôi mắt theo dõi chăm chú của chàng.

— Chú đi chỗ khác chơi đi, để cho cháu đọc truyện. Chú nhìn hoài vậy cháu đọc không được đâu.

Chàng thầm nghĩ mình quả thật đại dốt, chàng nói rằng con bé vừa có thể đọc sách vừa nói chuyện được.

— Chú thật dốt, như vậy làm sao mà chú ý được. Thôi, cho chú ngồi gần đây, nhưng nhắm mắt ngủ đi, chừng nào cháu đọc xong sẽ thức chú dậy,

Chàng đành phải nằm dài người ra trên cỏ, miệng nhai một nắm nho khô, bàn tay chàng đưa lên mắt cố dỗ một giấc ngủ. Rồi chàng vụt mở mắt ra, định hỏi con bé một điều nhưng nó đã lạnh lùng đưa ngón tay lên ở môi, ra dấu im lặng. Chàng lại nhắm mắt lại, nghe rạo rạo bên tai bài hát mơ hồ của lá cây rừng và chim chóc gọi nhau đâu đây. Chàng vẫn nhìn thấy rõ ràng khuôn mặt con bé, nó đang say mê nhìn vào những chữ in đậm nét đang kể chuyện một cuộc phiêu lưu ngộ-nghĩnh của ông hoàng tử bé.

Có lẽ chàng đã ngủ được một lát. Khi chàng bừng mắt dậy, mặt trời đã nóng hổi trên mặt và con bé không còn ở cạnh chàng, nó đang đứng bên bờ suối; và từ một khoảng cách gần chàng có thể nhìn thấy rõ trên mặt suối đầy dẫy những chiếc thuyền con trôi lơ lờ, mà mới nhìn qua chàng biết ngay rằng được chế tạo bằng

những trang giấy mới từ cuốn sách bị xé bỏ, rơi từng tờ lả tả trên mặt cỏ.

Chàng giận điên người lên, vội vàng chạy xuống phía con bé và cố nén giận lắm mới không tát một cái vào bộ mặt thần nhiên của con bé.

— Sách mới mua sao em xé nát vậy? Tôi mua cho em đọc, chớ để em làm thuyền sao?

Con bé nhăn mặt vì cái béo tai của chàng, rồi nó im lặng nhìn những chiếc thuyền giấy quay tròn trong một cơn nước xoáy.

— Cháu đọc rồi để dành làm cái gì? Bộ chú muốn đòi lại hả?

— Đừng nói láo nữa, em đọc gì mà nhanh quá vậy?

— Đọc hết thật rồi, chú muốn cháu kể lại cho nghe không?

Chàng nghi ngờ nhìn con bé. Giọng nó rành rọt nghe êm đềm như bà tiên kể chuyện cổ tích.

«Chuyện hay lắm. Kể chú nghe nhé, ở trong... cuốn sách này, nó có hai ông hoàng tử cùng thương một cô công chúa tóc vàng. Hai ông bèn thách nhau đấu gươm. Cái ông thứ nhất dữ tợn lắm, hấn đâm trúng ông hoàng tử thứ hai một nhát vào vai, làm ông này bị thương nặng và thua trận. Chú biết cô công chúa thương ông nào hơn không? Cô ấy đuổi cái ông chiến thắng đi và nói: «mày dữ quá, làm bạn với mày có ngày mày nổi sùng đâm tao một nhát chết tươi». Rồi cô ta săn sóc cho người bị thương và sau đó lấy cái anh chàng thua trận này làm chồng... Chuyện này hay lắm, nhưng cháu đã đọc ở đâu rồi chú à».

Con bé nó «tóm tắt» câu chuyện ông hoàng nhỏ của Exupéry như thế. Chàng

quên cả giận, tài nói dối kỳ diệu của con bé như gáo nước lạnh làm mát mẻ cả người. Con bé bỗng lôi trong túi quần jem của nó ra một trang giấy đưa cho chàng xem «cháu còn giữ lại một tờ này thôi, cháu cất kỹ nó mãi».

Chàng muốn hét lên một tiếng vang khắp núi rừng. Đó là trang sách đầu tiên, có ghi mấy chữ của chàng «tặng con hươu cao cổ cứng nhất của tôi...»

Con bé cười. Hai vai nó hình như vừa được chắp đôi cánh chim trắng, để biến thành thiên thần bay vút lên trời xanh. Nàng thiên thần tuyệt vời trên tất cả các thiên thần của Chúa.

Ngọn gió nào mang một mùi lan rừng thối mạnh qua làm tóc con bé xõ tung, như mây sắp thành cơn mưa lũ.

Ooo

« Sáng nay, tôi là người buồn nhất thế giới ». Chàng dùng mũi dao khắc lên lớp vỏ cây một câu như thế. Con bé thật đáng ghét, nó nói với chàng.

— Này chú, cháu mới có một thằng bồ giàu lắm. Nó lớn hơn cháu hai tuổi, học lớp nhì. Hôm qua thằng ấy mới gởi cho cháu một cái thư, chú đọc đi.

Chàng run rẩy cầm lấy tờ giấy học trò từ tay con bé. Trên trang giấy trắng sạch sẽ, nét chữ của «thằng bồ» con bé nắn nót thật đẹp.

« BMT ngày 1.2.1967

Mến gởi bồ... (con bé đã xóa tên nó ở chỗ này)

Tôi xin được hân hạnh giới thiệu với bồ, tôi tên là Nguyễn Hoài Ngọc, học lớp Nhì B5 cùng trường với bồ. Tôi viết lá thư này để muốn làm quen với bồ, để khỏi nhìn trộm bồ hoài mỗi khi tan học.

Nhà tôi có hai tầng ở trường Quang Trung, trong vườn có nhiều cây hoa sứ thơm lắm và có hai con béc-giê thứ Foch rất đắt tiền. Ba tôi là chủ đồn điền cà phê nên nhà tôi giàu lắm, lúc nào tôi cũng có nhiều tiền trong túi, và ba tôi thương tôi lắm, nên tôi luôn mặc quần áo đẹp nhất trường. Tôi có 5 cái áo len đủ màu, nếu bồ thích, tôi xin tặng bồ một cái màu đỏ làm kỷ-niệm (nhưng bồ đừng nói cho ai biết).

Thôi tôi dừng bút nơi đây, chúc bồ cuối năm được lãnh thưởng danh dự (như tôi trong năm ngoái) Chiều mai lúc 3 giờ tôi sẽ chờ bồ ở xe bán cà-rem của mẹ Tám, tôi sẽ bỏ giờ Toán-pháp để gặp bồ.

Thân ái

Nguyễn Hoài Ngọc

T.B. Tôi quên nói với bồ tôi là một thi sĩ, thơ của tôi có đăng hai lần trên tờ Măng Non. Bút hiệu của tôi là Người Tha Hương, nếu bồ muốn tôi sẽ làm tặng bồ một bài thơ.

Chàng buồn bã thấy rằng mình hoàn toàn thua sút hẳn anh chàng thi sĩ trẻ tuổi tuy chưa biết mặt, nhưng có lẽ là rất đẹp trai, học giỏi và con nhà giàu. Cái anh chàng ấy xem ra lại sành sỏi về tâm lý nữa, tặng con bé một chiếc áo len chắc nó thích ghê lắm. Không ai rõ đại như chàng, đem sách mà tặng cho một cô bé nhỏ tuổi.

Con bé có vẻ khoái chí nhìn cái bản mặt của chàng, mà chắc chắn là như một miếng giẻ rách. Chàng vươn vai chán nản đứng dậy. Hạnh phúc tan biến như một ngum khói.

Con bé mắt mở to tinh nghịch nhìn những chữ chàng vừa khắc trên thân cây.

Một lát sau, xem chừng nó cảm thấy thương hại chàng.

— Thôi từ bây giờ trở đi em gặp tôi làm gì nữa, em có bạn mới rồi. Chiều mai em đi ăn kem với «thằng ấy» đi.

Con bé lôi thêm từ ngực áo ra một tờ giấy học trò. Chàng đoán đây là một bài thơ của chàng thi sĩ trẻ tuổi.

— Cho đáng kiếp chú, ai bảo thương cô Châu hơn cháu.

Thôi này, thư của cháu viết trả lời thằng ấy, chú đọc đi.

Chẳng như một tên tò mò bản tiện lên xem hạnh phúc của một đôi nhân tình đẹp nhất thế giới. Trang giấy đầy những chữ nguệch ngoạc như rắn bò.

«B M T ngày...

Gửi Ngọc,

Tôi đã hân hạnh nhận được thư của Ngọc, bồ ném vào lớp ầu quá, chút nữa thì cô giáo bắt gặp. Tôi viết thư này để trả lời Ngọc «dứt khoát».

Tôi không thích chó Foch, nhà lầu hai tầng và hoa sứ. Tôi thích những lá cây rụng hơn, và thứ này ở BMT đi đến đâu cũng lượm được. Tôi cảm ơn Ngọc định cho áo len, nhưng tôi đủ áo rồi, tôi có đến 10 cái khác màu nhau (con bé vẫn nói dối như thường lệ, nó có nhiều lắm là 2 cái.)

Tôi không thể cho Ngọc làm quen được. Tôi đã hứa với đức mẹ Maria hôm chủ nhật vừa rồi tại nhà thờ là tôi chỉ có một người bạn mà thôi, đó là ông chú của tôi. Ông chú tôi trông ghê lắm, ông ấy có vẻ khật khùng, áo quần bê bối và dơ, râu của ông ta đen sì dưới cằm và móng tay móng chân làm biếng cắt, nên dài thật dễ sợ.

Ông ấy chắc học dở thua Ngọc vì tôi

thấy ông ta đánh bài thua tôi hoài, nhưng tôi thương ông ấy nhất nước. Ông ta biết hút thuốc, thở khói thành hình chữ O, hay thở bằng lỗ mũi đẹp lắm. Ngọc thì sức mấy dám hút thuốc, thầy giáo đánh chết.

Ông ấy lại rất sợ tôi, nhất là khi tôi khóc, và ông ta cũng không có một người bạn nào cả, chỉ quen với một mình tôi.

Đề dứt lời tôi báo tin cho Ngọc biết chiều mai tôi sẽ không ra quán cà rem đâu, bỏ đừng đợi mất công.

ký tên

(Con bé đề trống vì sợ chàng đọc được)

T.B Tôi cũng quên nói ông chú của tôi là một văn sĩ. Truyện của ông ấy hay lắm, mặc dầu tôi chưa đọc...

Chàng buông tờ giấy muốn ôm con bé vào lòng, và nếu không sợ con bé chế diễu chàng sẽ khóc òa. Con bé bỗng hỏi.

— Bút hiệu của chú là gì nhỉ, đề cháu viết vào thư cho thằng ấy ngán,

Chàng gần như nhìn thấy bộ mặt thê thảm của cái anh thi sĩ bé con mà bây giờ xem chừng thua sút chàng quá nhiều.

— Tôi hả? Bút hiệu của tôi là... Mây Hải Hồ.

— Trời ơi! hay quá. Tên của chú hay gấp trăm lần tên thằng kia. Chàng đề mặc con bé cầm đầu nắn nót cái tên bịa đặt của chàng trên trang giấy. Chàng nhìn những chữ khắc trên thân cây, chàng dùng mũi dao bén xóa một chữ, thêm vào hai chữ vụng về.

“Sáng nay tôi là người hạnh phúc nhất thế giới”.

oOo

Có những bộ tiểu thuyết dài chứa

đầy biết bao tấn thảm kịch ghê sợ nhất của loài người mà chỉ khiến ta thoáng rung động. Nhưng đôi khi, rất ít khi, hay có khi chỉ là một lần trong đời, một vài hàng chữ vắn tắt cũng đủ làm ta kinh hãi.

Không biết chàng bận tâm với ý tưởng đó từ bao giờ. Nhưng sáng nay, sáng nay chàng nhận được một tấm giấy nhỏ nhàu nát đưa từ tay một con bé hơi mập, tự xưng là bạn cùng lớp với con bé hươu cao cổ của chàng. Tấm giấy ghi vội vàng một dòng chữ tháu Chú “thương, cháu muốn được chú đến thăm một lần tại nhà cháu. Từ nay chú đừng đến suối Bujì, không bao giờ cháu được đến đó nữa đâu.”

Mổ hôi chàng toát ra nhột nhột nơi lưng, sống lưng như có một con rắn hồ mang lạnh ngắt chạy dài. Chàng như nằm trong cơn đau hải hùng. Không có gì chắc chắn và rõ ràng cả. Nhưng chàng sợ, chàng sợ vô cùng những chữ “không bao giờ”

Từ ngày quen con bé ở nhà mẹ nó, con mẹ chủ riêm cầm đồ kiêm nghề chứa bạc, chàng chưa bao giờ trở lại đây. Cho đến bây giờ.

Căn nhà gỗ hai tầng nằm ngay ở đầu ngõ đi vào chợ, không có một bảng hiệu nhưng người ta dễ dàng biết được nghề nghiệp của chủ nhân nhờ những món đồ đặt bừa bãi trong tủ kính: những cái radio cũ, đồng hồ cũ...

Con mẹ chủ là người độc nhất ở trong nhà dưới. Khác với những con mẹ có tiền của khác phần đông đều mập mập, con mẹ này gầy như một cây củi cháy, cả cái thân hình

lần khuôn mặt đều tím ngắt một màu tuyệt đối không pha trộn. Suốt đời chàng, có lẽ lúc nào chàng cũng thắc mắc không hiểu sao một con mẹ như vậy lại đẻ ra được một con bé như con bé bạn chàng.

— À, chào cậu. Lâu ngày không thấy cậu lại chơi.

Chàng cố gắng nhếch một tí mép để tỏ ra là chàng mỉm cười, các tác động thường lệ của bất cứ người nào mỗi khi chào nhau. Trong nhà vắng vẻ, từ tầng trên vắng vắng những tiếng cãi cọ ồn ào. Sòng bạc ở trên gác chắc đã gay cấn. Chàng nói vài câu thông thường với con mẹ. Đại khái là đã lâu chàng không có tiền, những món đồ hơi đáng giá một chút của chàng như sợi dây chuyền vàng, cái radio Nhật thì đã rũ nhau nằm trong tủ của con mẹ chủ rồi. Chàng mỉm cười ra vẻ bí mật nói rằng hiện nay chàng mới có được một số bạc lớn và chàng đến đây dĩ nhiên là với mục đích dùng số bạc lớn ấy để kiếm thêm một số bạc lớn nữa.

— Tôi sẽ chuộc đồ cho bà sau. Hôm nay tôi thách mấy ông trên kia lột sạch hết của tôi.

Chàng nói dối rất thường. Trong túi chàng còn chưa đến hai ngàn đồng, số tiền cuối cùng còn lại sau khi đã tiêu vặt vãnh, đã thanh toán nợ nần ở tiệm cà phê, tiền cơm tiền nhà trọ. Con mẹ chủ tiệm cầm đồ có lẽ cũng không màng đến cái việc chuộc đồ cho lắm, vì đã cầm cho chàng với một cái giá rẽ mạt. Con mẹ cười tươi, đưa tay chỉ lên lầu thang.

— Cậu lên mau đi. Hôm nay đầu tháng ai cũng đã lãnh lương hết nên họ đánh dư lắm, Ông Tư Húi đã ăn cả làng hơn mười ngàn rồi.

Chàng chậm rãi bước lên thang gác. Bóng dáng con bé không thấy đâu. [Chàng khó chịu khi gặp lại những bộ mặt bản tiện đang đồ mồ hôi chăm chăm dò xét nhau như kẻ thù trên chiến trường. Lão Tư Húi ngồi bình tĩnh trước một xấp giấy bạc màu xanh thật xinh đẹp làm chàng nuốt nước bọt. Bên cạnh lão, bọn con bạc mặt mày thảm nảo như người mất hết máu. Gã thanh niên chủ tiệm thợ may mặt đỏ gay, mồ hôi lấm tấm trên trán, những ngón tay run rẩy tội nghiệp. Gã thanh niên này đang suy nghĩ về một cú tổ thật lớn của lão Tư Húi, gã liếc mắt nhìn trộm và có lẽ bắt gặp ánh mắt lạnh lẽo như đồng của lão Tư Húi, gã sợ và bỏ. Lão Tư Húi đưa hai bàn tay gân guốc, bàn tay đã gọt đầu cả ngàn người, quơ cần thận đồng giấy bạc trên chiếu.

Chàng quên băng con bé và lá thư của nó. Chàng cũng quên rằng chàng còn ít tiền cho những ngày quá dài của tháng này. Chàng ngồi xuống chiếu bạc và được lão Tư Húi ném cho một cái nhìn thềm thường. Mọi khi chàng vẫn đánh rất ầu và thường thua rất lớn.

Khi chàng ném một ngàn đồng ra trên chiếu, bắt lấy một con tám chó chết, rồi một con tẩy xì dẫu kín, chàng bắt đầu không nghĩ, không thấy gì cả. Những con bài sắc sỡ muôn màu như nhảy múa. Chàng thấy rõ trên mặt con bài, đôi mắt mở lớn của con bé, đôi mắt như vừa bị một múi chanh tươi vắt nhỏ vào, đỏ ngầu và chịu khóc...

Hình ảnh con bé đậm đà trong những động tác chia bài, rút bài, tổ, theo tiền mà chàng làm như cái máy. Bọn người chung quanh chỉ là những cái bóng mờ nhạt.

Chỉ trong vòng nửa giờ, số bạc lớn đã đổi chủ. Đôi mắt của lão Tư Húi long lanh đau đớn nhìn mấy tờ giấy bạc lác đác trong bàn tay của lão. Bây

giờ chàng là vua, chàng ăn tất cả tiền của các con bạc. Gần ba chục ngàn đồng nằm hiền lành như những con trư trước mặt chàng. Ba chục ngàn đủ mua một cỗ xe ngựa, với con ngựa bạch đầu lốm đốm đen. Chàng sẽ là tên lái ngựa sung sướng và nhàn hạ nhất thế giới. Mỗi sáng con bé sẽ ngồi bên cạnh chàng reo vang như tiếng nhạc theo nhịp lóc cóc đều đều như vó ngựa trên những con đường tráng nhựa êm ái trong thành phố, trên những con đường mòn gập gềnh hoang vu trong rừng.

Chàng cương quyết đứng dậy. Mọi khi chàng là tên đánh bạc lì nhất, ngồi cho đến lúc hết tiền hay tan sòng, nhưng hôm nay, chàng bắt cần những tiếng cầu nhàu bực bội của bọn con bạc. Chàng nắm chặt bó tiền trong túi và lạnh lùng nhìn những cặp mắt bất mãn đang nhìn mình, nhất là tia mắt đỏ ngầu đầy vẻ sát nhân của lão Tư Húi. Chàng nhủ thầm là từ nay sẽ không bao giờ dám hút tóe ở tiệm lão Tư nữa, cái lão ghê ghớm này dám dùng lưỡi dao cạo cắt cổ chàng cho hả giận lắm.

Chàng xỏ chân vào giày, chiếc giày cương mềm mại cài ở cổ con ngựa bạch đẹp tuyệt như nằm trong tay chàng. Bỗng chàng nghe một tiếng đàn theo điệu cải-lương từ phòng bên văng vẳng. Cái điệu nhạc ảo ảo thật khó chịu làm chàng mở cánh cửa không suy nghĩ.

Con bé đang ngồi như một xác chết trong chiếc ghế. Bên cạnh là một gã đàn ông mặt choắt, tóc chãi đầu ướt mềm vắt ngược ra sau, lông mày kẻ như đàn đà và đôi môi mỏng tím ngiên ngập. Cái gã ra vẻ kếp hát này

ôm cây đàn ghi ta, gảy những âm thanh thê lương ai oán như nhạc đám ma.

Con bé từ từ mở mắt nhìn thẳng vào chàng. Đôi mắt khô sở và tuyệt vọng làm chàng rùng mình. Chàng chưa bao giờ nhìn thấy một đôi mắt nào như thế. Nó nhìn chàng không nhấp nháy, môi mím chặt như cổ nén tiếng khóc. Con mẹ chủ tiệm cầm đồ mở cái giọng the thé hướng về phía chàng.

— Cậu xem tôi làm vậy có phải không? Tôi cho con nhỏ này nó nghỉ học, học hành thời buổi này có làm được đồng nào nuôi thân đâu. Tôi bỏ tiền rước thầy Ba Đòn đây về dạy con nhỏ ca cải lương, con nhỏ nó có giọng hay lắm cậu thấy không? Thầy Ba đây bảo nó chịu khó luyện giọng mỗi ngày, sau này thành đào nhưt như chơi, kiếm cả triệu bạc dễ dàng cậu à...

Chàng muốn nhờ một bãi nước bọt nào hôi nhất của chàng vào cái bản mặt của con mẹ.

— ... Thầy Ba đây có giới thiệu con gái tôi cho ông Giám Đốc đoàn hát đang lưu diễn ở đây rồi. Ông Giám đốc chịu lắm, ông khen con nhỏ này thanh sắc vẹn toàn, cậu à. Giờ chỉ học hát một tuần là ông ấy thâu nhận cho đóng những vai phụ. Cậu thấy sướng không? Chưa gì mà đã được một gánh hát lớn thâu nhận. Rồi đào phụ lên đào chánh mấy hồi, chẳng bao lâu là danh tiếng lừng lẫy, có hình đăng lên nhật báo, đi xe hơi ở khách sạn, ăn cơm Tây cơm Tàu quanh năm. Tôi sẽ vô Sài Gòn luôn với con nhỏ, chán cái xứ mọi nầy lắm rồi. Cậu thấy tôi tính như thế có phải không? Thế mà...

cái con ngu này nó bướng bỉnh cái cho bằng được, nó thì cứ thích cả ngày nhảy nhót trên rầy trên rừng như ngựa. rồi lại đòi đi học nữa. Cậu biết không, tôi phải cho nó một trận đòn nên thân mới được đấy.

Tiếng con mẹ ghê rợn như tiếng phù thủy làm chàng rợn óc, người chàng nóng bừng lên. Con mẹ đưa mắt có vẻ hãnh diện nhìn vào con bé rồi nạt lớn «ca đi !» Con bé sợ hãi bật tiếng như một cái máy hát vừa được cắm điện vào. Gân cổ nó run run một nhọc để cố gắng phát ra những âm thanh thật cao. Đại khái nó hát những lời than thân trách phận của một người con gái đã «dâng hiến hết tâm hồn và thể xác» cho người yêu, đề rồi «chàng» bỏ ra đi, lên đường như một «cánh chim giang hồ phiêu bạt» và «nàng» bây giờ lo sợ cho «tấm thân yếu ớt như cánh hoa» của mình giữa «cơn giông tố phủ phàng» của cuộc đời...

Một con bé tám tuổi nói lên những lời như thế. Chàng chưa bao giờ chứng kiến một màn kịch ngu xuẩn như vậy. Chàng nhìn cái thân thể bé bỏng đang run rẩy vì cố gắng hết sức của con bé. Nó không còn là một sinh vật mang tên Người nữa. Đó là một thứ mọi đên bị chung thân khổ sai, là một con gà mạnh khỏe bị người ta bắt nhốt vào trong ống tre để càng ngày càng dài ra như quái thai, là con nhòng bị lột lưỡi máu chảy ròng ròng để bập bẹ nói tiếng người.

Em sẽ không còn là cô bé tuyệt vời của tôi nữa. Không còn được cười khi vui sướng, khóc khi hờn giận, em sẽ khóc sẽ cười theo lời truyền lệnh. Em sẽ không còn thì giờ để nhặt từng chiếc lá rụng, để ném từng viên sỏi bay xa và xếp

những con thuyền giấy thả trôi theo dòng suối

Tôi không còn được ai chọc tức cho giận dữ, dỗ dành cho tôi vui. Những lời thì thầm của suối trở nên vô nghĩa thành phố này trở nên vô duyên, và bọn người vây quanh như những cây gai làm đau đớn.

Đêm đêm màn khép lại, khán giả bỏ ra về sau khi đã vỗ những tràng pháo tay như tiếng reo hò cổ vũ của bọn người xem đấu bò. Em sẽ mệt mỏi trút bỏ bộ y phục màu mè nóng nực, rửa sạch lớp phấn son đóng đầy trên da mặt. Em sẽ soi bóng mình trong gương để nhìn thấy những nếp nhăn lộ rõ trên làn da trắng bệch, môi khô tái xanh, mắt đầy quầng thâm và sâu hoắm.

Em sẽ nằm dài trên giường ngủ như một con heo. Đêm đêm sau khi múa may như một con đàn bà trong cơn đồng bóng em sẽ vật mình ngủ mê mệt như con đàn bà say rượu.

Tôi không muốn em như thế. Tôi không muốn. Tôi không cho phép. Tôi cấm. Tôi ngăn cản...

Chàng nhìn vào mắt con bé và tin chắc nó đã nghe được những lời thì thầm trong trí não của chàng. Con bé lắc đầu nhẹ, mắt đỏ hoe làm con mẹ chủ hét lên ? con nhỏ này chưa gì mà đã đòi ngủ rồi ».

Riêng mình chàng biết con bé không buồn ngủ. Nhất là đêm nay, đêm thức trắng với nước mắt ướt đầy trên gối.

Chàng nhìn cái bản mặt bản thủ của con mẹ chủ tiệm cầm đồ, và biết chắc rằng không có ai cản ngăn được ý định của con mẹ. Chàng không bao giờ thuyết phục được, hay làm cho con mẹ hiểu

được những điều mình chàng muốn nói. Cái miệng như máy phát thanh của một bộ óc dần dần là trở ngại mà chàng không tài nào vượt qua nổi. Con mẹ sẽ cho rằng chàng là người khùng, và không chừng sẽ nhìn chàng bằng đôi mắt nghi ngờ "Tại sao cái thằng cha này lại xía vô chuyện nhà mình, nó là cái gì của con bé chứ".

Chàng ghê sợ những đôi mắt nghi ngờ. Chàng không còn chịu đựng nổi, chàng vùng bước ra khỏi phòng và nghe sau lưng cánh cửa đóng mạnh vào vang dội như tiếng nổ.

oOo

Đêm có lẽ gần sáng. Chàng trở lại nhà con bé với một cây súng colt nhỏ dấu trong ngực áo. Cây súng mà chàng vừa đánh cắp được của viên sĩ quan phòng bên cạnh khi y đi vắng, ổ súng chứa đủ sáu viên thép giết người thật nhỏ nhắn và bóng gỗ lạnh ngắt trên da bụng chàng. Chàng bước vào nhà, quay đầu nhìn lại khoảng trời đêm lạnh ngắt lổm đóm những ngọn đèn đường im lặng.

Chàng lắng nghe tiếng gọi của mình thật lạ lùng

— Bà chủ ơi, xuống đây cho tôi chuộc mấy món đồ.

Chàng nghe những bước chân vội vã của con mẹ chủ và sau cùng là cái thân hình khô mục và bộ mặt sáng rực có lẽ vì đang nghĩ đến món tiền lời. Tất cả khối thịt xương đứng trước mặt chàng.

Tôi không muốn giết con bé đó!

Con mẹ chủ giương đôi mắt trắng

dã kinh ngạc. Chàng ghê tởm cái bản mặt dần dần. Cây súng rời khỏi ngực áo, hướng về phía trước và tiếng nổ chát chúa vang lên khùng khiếp như tiếng mìn. Con mẹ ôm bụng há miệng tỏ vẻ không hiểu gì cả. Chàng ghét giải thích, chàng bắn thêm hai phát vào thân người đang đổ xuống như một diễn viên trên sân khấu.

Chàng gục đầu nhìn xuống đất. nhưng vẫn nhìn thấy rõ ràng những bộ mặt ngờ ngác sợ hãi của bọn con bạc đang đứng vây quanh, mà có lẽ cũng có được vài ba đôi mắt thoáng mừng rỡ của những con nợ kinh niên bỗng đứng thoát khỏi tay bà chủ nợ dai dẳng.

Chàng bắt cần bọn đó. Chàng chỉ ao ước đừng bắt gặp một đôi mắt yêu dấu quen thuộc, kinh hãi nhìn xác chết và trách móc nhìn chàng. Chàng có thể chịu được năm năm tù, mười năm, hay suốt đời nhưng không thể nào chịu đựng được đôi mắt ấy.

Những đêm ở Cao nguyên lạnh như thế này, chàng vẫn thường rút mình trong căn phòng nhỏ, dưới làn chăn dày và miệng lầm nhảm những bài hát đã nghe ngày xưa. Nhưng giờ đây thì không bao giờ chàng có được những phút giây như thế nữa, không bao giờ.

Cũng không một cỗ xe ngựa bạch, cô gái nhỏ và cuộc dạo chơi vòng quanh thành phố.

HOÀNG NGỌC TUẤN

Vườn cây

Gã cảnh sát thời xúp lê xua đám người đứng dạt ra hai bên lề nhường lối cho đoàn quân xa chạy qua. Đám đông rời rạc một tí rồi lại bám sát lưng nhau, có nhiều tiếng la ó phản đối, chiếc loa phóng thanh mắc trên cang phượng trước cổng trụ-sở la hét từ sáng tới giờ vẫn không thay đổi tiết điệu, vẫn chưa biết mệt. Đám người đứng ngồi lổ nhổ phía dưới mang tâm trạng của lũ thí sinh hồi hộp nghe xướng danh kết quả trong các kỳ thi, chỉ có khác là ở đây mỗi tên không kèm theo số ký danh mà kèm theo số nhà, liên gia phường khóm, giọng người xướng ngôn viên the thé vật vả — lúc chiếc xe cuối cùng của đoàn quân xa vừa chậm chạp di chuyển qua, đám đông ủa ra chiếm ngay khoảng đường trống. Mỗi lần có người được gọi xảy ra một trận xô đẩy chen lấn. Vượt hết hàng rào người trùng điệp đề vào thầu sân quận là cả một kỳ công. Nắng giúp mồ hôi sôi lấm lem những khuôn mặt và không khí nóng bức giúp mấy gánh đậu hũ, mấy xe bán nước giải khát bên kia đường chóng hết. Một dãy xe lam-bết-ta ba bánh đứng nối đuôi dưới các tàn cây cuối ngã tư xẽ cồng sau trụ-sở quận, ở ngõ này một lô người khác khệ nệ khiêng những chõng tôn xi măng mới lãnh ị ạch chuyển lên xe. Những ống khói phụt loạn xạ đằng sau và tiếng máy rống chuyển bánh như tiếng cười nhạo báng chào đám người ở lại.

— Ông Trịnh - đình-Khiết số 531 đường Phạm ngũ Lão... xin mời ông Trịnh...

Trong không khí nóng nẩy hồn độn ấy, bà Hạng đứng dưới gốc cây me lần tay vào sắc rút cái khăn ra lau mặt rồi quay qua Cảnh :

— Răng chưa đến phiên mình hè, lâu quá.

— Đây mới phường Phú-Nhuận phải chờ đến phường Phú-Cát mới tới phiên mình. Cảnh nói xong ngồi bệt xuống hàng gạch trên vỉa hè móc thuốc hút.

— Bà Công-tăng-Tôn-nữ thị-Vân số 40 đường Bạch Đằng...

Người đàn bà ngồi bên trái Cảnh tự này giờ luông mồm kể lẽ chuyện tái thiết nhà cửa bây giờ đứng bật dậy khi nghe gọi đúng tên, bà ta cặp chiếc nón vào nách rẽ đám đông lướt tới :

— Có tôi đây, cho vô tí bà con. Chà rồi ai cũng có hết, xích xích cho vô tí bà con...

Người đàn bà chen lấn một chấp bồng nghe có tiếng xoạc của vải rách, giọng van lơn thân mật trở thành tru tréo.

— Đã nói rồi ai cũng có mà, rách hết cả áo người ta rồi nè, đồ vô hậu.

Gã cảnh sát mang kính đen đang chạy lảng xảng dẹp mấy người không cho họ đứng sái hàng rào kẽm gai sợ xô ngã nghe lộn xộn chạy đến vắt que cà rem cắn dở trong miệng khuỳnh rộng 2 tay mở lối cho người đàn bà bước vào.

Có người gọi tên Cảnh, anh quay lui bắt tay người bạn.

— Cậu lãnh chưa ?

Người bạn không trả lời gật đầu chào bà Hạng :

— Thưa bác vẫn chưa đến phiên ạ ?

— Họ mần việc rằng mà từ sáng tới chừ tôi chưa nghe kêu tên, đông đảo như vậy thì phải tăng thêm nhân viên chớ.

Một người đàn ông có chùm ria đậm trên mép vừa phóng Honda trở tới, hăm phanh dựng xe bên lề hấp tấp bước tới đứng trước mặt Cảnh :

— Xin lỗi, anh nghe họ gọi đường Phạm-ngũ-Lão chưa ?

— Trời ơi gọi có cả giờ rồi chừ ông mới đến.

Một giọng nói cộc lốc nổi lên phía sau lưng Cảnh.

— Đọ đọ, cứ như rứa, đến trề rồi lẩn vô khiêu nại làm mất thì giờ người khác quân chó đẻ.

Gã đàn ông hình như không thèm nghe, hấn bồ nhào chạy về phía cổng.

Đến xế trưa mời lãnh được mười bao xi măng, mười tấm tôn và mười ngàn đồng bà Hạng thở ra nhẹ nhõm. Lúc ngồi trên xe Lam-bết-ta cạnh đồng phạm vật cứu trợ bà vừa nhai trầu vừa cười nói với Cảnh :

— May mà lãnh có một lần chứ vài lần như ri e tào bở còn hơn.

Cảnh đưa tay che miệng ngáp :

— Má coi lại đã cắt tiền kỷ chưa bà Hạng cười phô đôi hàng răng đen bóng ngọt :

— Cái thẳng ni mi coi tao như con nít. Cảnh bỗng cảm thấy e ngại không phải vì lỡ lời mà vì nghĩ rằng : mười ngàn đối với gia-đình lúc này quả thật là lớn, hồi nhà cửa vườn tược chưa cháy thì số tiền đó đối với mức chi tiêu hàng tháng chẳng đáng là bao. Cuộc sống mỗi ngày một khó khăn. Nhịp sinh động của đời sống pháp phòng theo từng trường hợp cam go ngoài mặt trận. Đêm nay chui xuống hầm trốn pháo kích mắt chưa ráo binh hoàng đã lo ngày mai gạo củi tăng giá. Báo chí gào thét tố gian thương tham nhũng. Chính quyền đem mồ xẻ gian thương tham nhũng trên bàn hội nghị, nhưng nói đến nghĩ đến tham nhũng gian thương là một việc còn bao giờ mới triệt hạ hết cái giống đó lại là một vấn đề khác mất rồi. Trong mọi xứ có chiến tranh bất cứ giải quyết vấn đề khó khăn nào cũng theo một đường lối tiệm tiến. Chính quyền nhàn nhà họp bàn và dân chúng tha hồ chờ đợi sốt ruột. Cảnh đưa mắt ngắm mẹ đạo này bà cụ gầy gộc hẳn đi — anh nhủ thầm có lẽ nên mua cho bà vài hộp thuốc bổ.

oOo

Lối dẫn vào nhà không còn bóng râm những hàng cây vú sữa. Khu vườn còn chừng dăm gốc ổi lơ thơ kiên nhẫn gò lưng phơi nắng. Đã đến mùa nhưng cây cảnh không chịu trổ bông, đám lá ít ỏi tội nghiệp kia không đủ sức giữ nổi chất diệp lục tố đua nhau ngả màu vàng úa. Nhiều lần ông

Hạng đòi chặt đi, Cảnh đã đứng ra can, dẫu sao còn vài cây trong vườn trông cũng đỡ tẻ, hy vọng có vài trận mưa chúng sẽ hồi sinh. Ông cụ nhất định đòi chặt hết «mỗi lần ngó tui nó tao lại nhớ mấy cây chậu kiềng» ông Hạng cha Cảnh là người chơi cây-kiềng nổi tiếng. Ở chợ Hoa vào mỗi dịp tết bao giờ gian hàng ông cũng lắm khách. Nghệ thuật uốn nắn chần bón lăm công phu ép lữ hoa mọc đâm cành tự do này lá vô trật tự phải rập khuôn theo hình dáng những độc lư, chim, cò, sến, hạt. Mặc dù rập khuôn nhưng dưới bàn tay ông Hạng trông cây lá vẫn tự nhiên, hoa vẫn giữ đúng độ màu đậm thắm rực rỡ nõn nà và lá phỉ sức óng ả. Nhiều người cho rằng chơi cây kiềng cũng có bí thuật gia truyền. Hồi ông nội Cảnh chưa qui tiên đã có lần ông được vua Tự-Đức mời vào thành trang bày hoa trong Đại-Nội. Đó là một vinh hạnh lớn lao mà mỗi lần nhắc lại ông Hạng không ngớt lời tán-thán. Ở thời buổi này ông cụ tự ví mình như Bá Nha mà thiếu Tử-kỳ, quanh ông chỉ là những con mắt thường ngoạn phạm tục, bày hoa trước bọn họ khác gì đem đàn gảy những bản tuyệt diệu giữa những lỗ tai trâu. Dẫu sao ông cũng đành phải bán hoa chúng nó đòi được những món tiền lớn, khách mua hoa thường thường thuộc hạng công, tư chức ngạch nhỏ mua đem biếu những ông lớn vào dịp tết nhất, sinh nhật tứ tuần ngũ tuần... Mỗi lần nhìn kẻ khác khiêng công trình nghệ thuật của mình ra xe ông Hạng cười đắng cay cho rằng nghệ thuật của mình bị coi rẻ chỉ dùng làm phương tiện cho kẻ khác tiến thân, nịnh nọt. Mỗi lần trong khuôn viên vắng bóng thêm vài chậu

cây ông buồn và ít nói mất mấy ngày đề rồi sau đó lại mãi mê gầy dựng kiềng khác. Người sống gần cỏ cây lâu năm bỗng nảy ra tình quyến luyến thăm thiết, lúc người chết cây phải chịu tang. Chúng nó ngu ngơ vô tri nhưng đối với kẻ say mê chúng, chúng có linh hồn. Một dáng dấp khô héo thẫm lạng lom khom bên những khóm xanh nõn dưới ánh sáng dịu dịu của một ngày đẹp trời, đó là hình ảnh êm đềm và thanh thoát nhất.

Dạo còn ở lính phải di chuyển luôn luôn, mỗi lần có dịp ghé Đà-lạt, về phép Cảnh không quên mang về cho ông cụ vài giống hoa lạ có thể trồng hợp với thời tiết ở đây, ông cụ mừng hơn đem về cho ông những sừng nai gạc quý hiếm. Những lần về như thế, sau khi tắm rửa xong xuôi, ngồi với ông cụ uống hết vài tuần trà mạn sen dưới bóng râm giàn thiên lý rồi hai bố con len lỏi khắp vườn, ông bố thì nói thao thao về những giống cây vừa trồng được, cậu con chỉ biết vâng dạ tán thành, ông bố cười rung cả 3 chòm râu bạc, cậu con cảm thấy thoải mái — giữa khung cảnh ấy, trong vùng thơm tho ấy óc anh không còn vướng bận những khúc chân những khúc tay rời máu me đầm đìa ngoài mặt trận. Có lần hành quân về miệt Bình Dương vào một vườn cam chịu trái bỏ hoang cảnh ra lệnh cho lính ấn thả cửa nhưng không được phá phách, lúc đó anh mừng tượng thấy hình ảnh ông cụ bên cỏ bên cây ở quên nhà gọi nhớ mơ hồ trong anh chuỗi tháng ngày êm đềm của một thiếu thời đã bay xa, hồi tưởng lại chỉ thấy ngổ ngàng không còn nhận rõ mặt.

Chiếc xe lăn chậm vào ngõ rồi dừng lại tắt máy giữa sân-Cảnh giúp người

tài xế chuyên tôn, xi măng xuống khỏi xe chất thành đống cạnh nương nước dẫn ra ngánh sông ngoài lộ. Bà Hạng hấp tấp bước vào nói tao phải lo sớm nước trưa lắm rồi. Bà cụ loay hoay trong đó một chặp rồi có tiếng vọng ra :

— Ủa ông già đi mô rồi ?

Kiểm đưa tiền trả gã tài xế đáp lẳng lững :

— Có lẽ ông xuống Bãi-Dâu hồi hôm con nghe nói ông tính về dưới đó mua ít chục củ bông huệ và lay-ơn gầy giống.

Chiếc xe rỗng không lóc chóc bò ra lộ, Cảnh lượm một que củi củi người xuống vớt cụm rác chận nghẽn trong lòng nương rồi phúi tay vừa huyết sáo vừa trở vào nhà. Căn nhà khiêm tốn như một cái quán miền quê, che sơ sài vài tấm tôn vừa đủ lót hai cái giường và một bộ bàn ghế. Trông cái gia thế như vậy không trách ông cụ đạo này đâm ra gắt gỏng ghê gớm.

Mặt trời trút hết nộ khí xuống buổi trưa, bóng cảnh ngả nghiêng loảng quăng trên đất nắng. Vạt đất phía trái đã lấm tấm những lá cải nhỏ xanh xanh lấp ló dưới lớp lá chuối khô róm. Mấy chậu cúc mới ươm sắp thành hàng trước hiên coi bộ đã bén rễ nom tươi tốt hẳn. Cảnh đi vào rót đầy một ly nước lớn uống ừng ực rồi trút bỏ áo quần bên ngoài, mặc quần cụt xách gàu ra giếng dội nước ào ào. Bà Hạng từ nhà sau kêu lớn :

— Cái thằng nguy tắc mới về đang nóng đã tắm, coi chừng ngộ cảm thương hàn thì khốn đó con ạ.

Cảnh vừa kỳ cọ vừa cười thầm, đối với bà cụ bao giờ Cảnh cũng chỉ là thằng nhỏ mới lớn. Nhưng dù Cảnh đã đi lính,

đã giải ngũ và và năm nay Cảnh gần ba mươi.

Trong bữa cơm bà Hạng. Nhắc đến chuyện cưới vợ cho con trai.

— Gần ba chục tuổi trên đầu rồi chưa chịu lấy vợ, mi định ở suốt đời rồi sau có lỡ đau ốm nằm chèo queo một mình không có đứa rót cho miếng nước, lúc nó mới thấy sướng.

Cảnh cười lớn :

— Má đừng lo, khi mô muốn, con sẽ vào cần-Thơ dẫn vợ và mấy cháu ra thăm bà nội một chuyến.

— Thằng ni nói dõn hoài, con có vợ mà dẫu cha dẫu mẹ là con bất hiếu. Tính mi rất như cây mà ai thêm ừng.

Cảnh nhớ hồi còn đồn trú ở trong Nam, bà già cứ viết thư thúc về lấy vợ hoài, Cảnh không muốn bị ràng buộc và bị câu thúc bởi « cục nợ » ấy nên đã viết thư về nói : « con đã có vợ trong này rồi, má khỏi lo — bữa nào về con sẽ đem theo đủ ». Cảnh tưởng nhận được thư chắc bà cụ yên tâm không ngờ bà không chịu tin mà còn gửi thư vào thúc gấp hơn nữa « Tao và cha mi ngoài này đã chọn chỗ rồi đó, chỉ chờ mi ra coi mặt là cưới liền, đám này phúc đức lắm con ơi, bỏ qua rất ừng, tao coi con nhỏ dễ thương và hợp tính tao lắm. Hai nhà đi lại thăm viếng nhau rồi. Tao phải sang tận Cần-Hiến chọn vợ cho mi đó ».

Ngày đầu tiên trở về, mới đặt chiếc valy lên bàn bà cụ đã ngó từ đầu đến chân cảnh rồi như chợt nhớ, bà hỏi thấp thỏm :

— Ủa vợ con mi mô mà về một thân một mình rứa thằng tê ?

Cảnh không thể đối được trước đôi

mắt mừng rỡ và sâu đóm của mẹ anh chỉ biết nhăn răng cười trừ.

Về nhà được chừng một tuần, cảnh chịu theo ý bà cụ qua Cồn-Hến coi mặt vợ, cảnh không ngờ nàng dâu ưng ý của mẹ lại là Tiểu.

Tiểu là người tình của Hoạt. Thuở còn đi học hai đứa chơi thân với nhau, chính Cảnh đã bày cách cho Hoạt tán được Tiểu. Những ngày sắp nhập ngũ bao giờ cả bọn cũng đi chơi tay tư, hồi đó còn có Lạc. Bây giờ Lạc đã có chồng (Cảnh đã quên lạc không mấy khó) Hoạt thì đã chết trong trận V.C. công đồn ở Ashau. Cuộc tình của Tiểu và Hoạt sắp đến hồi chung cuộc đành bị gãy đổ, đành chịu đứt gánh thiên-hương nửa đường.

Gặp lại cảnh, Tiểu tỏ ý mừng. Tiểu nói không ngờ bà già hay đến chơi nhà nhà em lại là mẹ anh.

Cảnh ngồi nói chuyện với Tiểu ở nhà trên còn 2 bà già thủ thủ với nhau ở căn dưới. Tiểu khóc và Cảnh chỉ còn biết nói vài lời chia buồn an ủi rồi ra về.

Cảnh không dám kể lại cho mẹ nghe những ý nghĩ riêng của mình, anh chỉ nói qua loa với mẹ là anh không ưng Tiểu vì không hợp nhãn. Bà cụ nổi giận nói lấy:

— Mi không ưng đám ni thì tao cũng để mi ở quá luôn hoặc muốn rước con mô về thì rước tao không thêm biết đến.

Ông Hạng có vẻ cấp tiến hơn, ông cao giọng khỏa lấp:

— Trời, cái bà ni hay chưa tề, con trai thời chừ hơi mô mà lo, con gái dư cả khối.

Chuyện cưới vợ cho Cảnh người ngoài đến hai ba tháng nay không nghe nhắc đến. Bà cụ cũng đã hết giận Cảnh, có điều sau này bà ít sang chơi bên Cồn Hến hơn. Bây giờ nghe nhắc lại chuyện cưới vợ Cảnh thấy tội nghiệp bà già. Bà nôn nóng muốn có cháu nội để vui cửa vui nhà. Có lúc Cảnh nghĩ có lẽ, mình nên lấy Tiểu. Tiểu cũng không đến nỗi nào. Nhưng mỗi lần nghĩ đến anh lại bị ám ảnh bởi cái chết của Hoạt, anh có cảm tưởng mơ hồ làm như thể là cuôm vợ của bạn. Để dứt khoát với nỗi ray rứt luồn quần ấy, cảnh quyết định tìm trong đám bạn bè đem đến một đứa giới thiệu với Tiểu. Bây giờ Tiểu đã nghiêm nhiên trở thành hôn thê của một Trung úy, Trung úy Tố, hẳn là thằng bạn vui tính từng sự cùng một Tiểu đoàn với Cảnh ở Long Xuyên.

Bà Hạng thu dọn chén đĩa rồi đem nước lên. Cảnh ngồi dựa ngửa vào lưng ghế hút thuốc. Bà cụ đưa cho Cảnh một que tẩm nói:

— Thằng ni khó tính thiệt, để tao chờ coi mi có chịu lấy vợ không cho biết, phải chi mi là gái tao « thả nái » luôn.

— Má gấp làm chi, không chừng con lại bị gọi tái ngũ, có vợ bắt nó chờ ở nhà thêm tội nghiệp.

Bà cụ cười để dãi:

— Ừ thôi thì tùy ý mi, miễn rằng từ chừ tới lúc nằm xuống lỗ, tao có cháu nội bằng là được.

Nói xong bà đi vào phía trong, một lát sau Cảnh nghe tiếng bát chén khua chạm lạnh canh ngoài giếng.

Anh đứng dậy vào giường ngã lưng nằm xuống hát vu vơ những câu không đầu không đuôi lai rai dỗ giấc ngủ

Trời vắng không một tí gió, mồ hôi rấm rấp trong ngực áo. « Mây trên trời cuốn lại, sóng ngoài biển dờn vô, O vớ i tui cuốn lại... » bài hát ru em nghe ngổ ngỗ vắng từ hàng xóm sang. Nắng ngoài sân đã dưới.

oOo

Hơn hai giờ chiều Cảnh thức dậy vội vàng rửa mặt thay quần áo lấy xe đạp lọc cọc ra đường, ghé một tiệm cà phê quen uống ly chanh muối, mua một gói Bastos xanh rồi đến sở làm. Con đường dẫn vào Thành qua cửa Đông Ba lấm bụi. Những luống xà lách dưới chân Thành mướt xanh. Biển cổ đầu nằm ở chỗ này có nhiều xác chết phơi thây, không chừng nhờ thế mà cỏ cây bây giờ lại tốt. Mùa hè rồi mà trên mặt hồ không có lấy một ngó sen nhỏ bởi những đợt tiến quân sen trong hồ bị dày đập rất bết không làm sao cất đầu lên nổi. Những mái tôn úc đại lợi sáng lóa dưới nắng — Thành phố đang ở thời kỳ tái thiết. Khung cảnh biến dạng đổi thay ngược ngịu điu-hiu phơi bản mặt mới. Những hố bom lỗ trũng được lấp đầy bằng gạch vụn vôi vữa trên bờ thành đổ xuống. Rồi tất cả sẽ quen mắt người ta sẽ quên dần mọi rạn nứt đồ nát, nhưng liệu có tìm ra những nét đẹp lạ khác đề mà nhớ mà thương mỗi lần đi xa Huế không ?

Nét chữ sơn trắng trên tấm biển màu nâu đen vừa được thay năm ngay ngắn trên hai cột trụ—dầu không muốn mắt Cảnh cũng phải gặp gỡ nó mỗi lần đạp xe qua cổng. Ban đầu Cảnh khó chịu rồi quen. Thói quen giúp người ta đánh lạc hướng thành kiến dễ dàng. Đi qua cổng mỉm cười chào người lính gác—đẩy cửa bước vào phòng bắt tay vài người bạn đồng

nghiep—kéo ghế ngồi vào bàn đỡ chồng hồ sơ dày cộm trước mặt ghi ghi chép chép. Nhiều lúc Cảnh cảm thấy đại đột khi không lại mắc mình vào guồng máy, vào sự điều hành mang tính-cách-tiểu công nghệ chán ngán này, mặc dù anh đã cố gắng coi những động tác ấy tự nhiên như khi lấy điều thuốc gắp lên môi bật lửa thở khói.

Cảnh buông người ngồi xuống ghế tự hỏi tại sao giờ này không ngồi ở trong một rạp xi nê nào đó ngoài phố thay vì ngồi ở đây. Chiếc quạt máy quay vo vo trên trần, ông Vạn ngồi ở cuối phòng đang ba hoa tán gẫu chuyện buôn bán, giọng ông ta rành rọt đến đáng ghét, nếu người lạ vừa bước vào sẽ lầm ông ta đang đọc diễn văn. Với hình dung chải chuốt, khuôn mặt phì nộn, cái trán hói bóng mờ ấy ngoài nghề công chức ông còn chạy áp phe vì thì giờ làm ở sở có vẻ rỗi rảnh, chẳng bao lâu từ một thầy ký còm ông trở nên giàu sụ với nhiều dãy nhà cho Mỹ thuê. Có lần Cảnh hỏi ông còn ham gì nữa mà không nghỉ việc ở đây cho khỏe. Cảnh đã thật tình không ngờ trước được câu trả lời của ông: « đi làm lai rai, sau này có già yếu cũng lãnh được mỗi tháng vài ngàn tiền hưu đại gì nghỉ sớm cho ưỡng. » Lúc câu chuyện ông Vạn lái sang việc hùn vốn mở đại lý Tivi thì Thắng đến. Thân hình thon nhỏ gói trọn trong lớp áo lụa màu mỡ gà nom mỏng mảnh và mát mắt. Thắng vừa đẩy cửa bước vào, Thầy Tính dùng đầu bút nguyên tử khoèo tay Cảnh nói nhỏ bằng giọng điệu khôi hài:

— Nàng « tung-cánh-chim-tìm-về-tổ-ấm » chiều nay xinh quá cỡ còn đợi gì nữa mà không tấn công Cảnh ?

Thắng làm việc ở phòng ngoài cách phòng Cảnh chừng năm chục thước, nàng phụ trách xướng ngôn cho phần phát thanh chiều hồi vào mỗi buổi trưa trên Đài phát Thanh. Chiều nào Thắng cũng phải đến Cảnh để lấy bản tin thu băng cho buổi phát thanh hôm sau. Cảnh chỉ có mỗi một việc làm ở đây là ghi nhận tin tức hồi chánh từ các quận xã gửi về, lập bản phúc trình và tóm tắt thành những bản tin ngắn. Đứng trước Cảnh bao giờ Thắng cũng mở một nụ cười thật duyên trong lúc đôi vòng mắt chớp chớp, Cảnh nghi bụng không biết cô ta đã tập bộ điệu này mất mấy tháng trước gương. Những người làm trong phòng Cảnh ngạc nhiên chưa thấy Cảnh tỏ ra có ý tán Thắng.

Lúc bản tin đã được cuộn tròn nằm im trong bàn tay có những chiếc móng hồng thắm và Thắng sắp mở nụ cười thứ hai chào Cảnh để bước ra thì có tiếng ông Vạn :

— Đẹp đôi quá ta, bao giờ anh chị có tin mừng đừng có dấu bọn này đấy nhé.

Tiếng cười rộ nổi lên khắp phòng, Cảnh không kịp nhìn thấy nét mặt Thắng có ửng đỏ không vì cô ta gật đầu chào một cái rồi quay lưng đi thẳng ra cửa.

Cảnh cùng cười với mọi người và thoáng có ý nghĩ sẽ mời Thắng cùng dạo chơi một vòng vào sáng chủ nhật tuần tới «gắng giữ duyên dáng nghe em gái, có ngày anh sẽ mê em, cưới em làm vợ, anh cưới vợ cho bà già anh yên lòng».

oCo

Ông Hạng đứng trên khu đất trống nhìn mông bốn phía. Bây giờ cây cối không có mảnh vườn trông rộng hẳn ra.

Nếu chiến trận không xảy ra ở đây thì mùa này cam quýt đã đầy trái, hàng vú sữa nằm cạnh hàng rào đã trổ bông... công nghiệp gầy dựng gần mười năm phút chốc tan biến để chỉ còn lại những cục đất thó. Ông Hạng bước sai chân đo bề dọc bề ngang rồi đến ngồi trên đồng xi măng tần mẩn dở thuốc ra hút. Ông buồn bã nhìn trước ngăm sau. Ngày ông Nội Cảnh chết mỗi cây trong vườn đều được quấn một miếng khăn trắng chia buồn, sau này ông chết có lẽ cây cối không kịp lớn để chịu tang. Nhà cao cửa lớn bây giờ được đổi bằng đồng tôn xi măng này. Buổi chiều lắng xuống, nắng hiu hiu và gió khua rì rạc những cành ổi cháy nám âm vang tiếng reo hò của bọn trẻ tắm ngoài bãi sông. Bây giờ ông không còn đợi mùa xuân để xem lũ hoa cỏ trổ lộc non, không còn hồi hộp chờ mùa hè tới để nâng niu những chùm trái ngọt. Đối với ông-đối với lũ cây cỏ còn sống sót trong khu vườn này bốn mùa không còn ý nghĩa của kết tụ, đua nở mà tất cả chỉ là sầu rã, tan hoang, ông không còn thì giờ để làm lại để bắt đầu bởi tuổi già không cho phép và sự kiên nhẫn bấy nhiêu năm nghe chừng đã hao mòn.

Ông cụ còn đắm chìm trong tiếc nuối đang đau tê bởi cảm giác mình vừa bị thời thế bạc đãi bỗng giựt mình quay lại khi nghe tiếng còi xe ngoài ngõ, ông ngạc nhiên lúc thấy một chiếc xe hơi bóng lộn dừng lại ở đó, cửa mở và một ông khách ăn vận sang trọng bước xuống. Ông Hạng đứng dậy đi ra, nói lớn trong lúc ông khách xăm xăm bước vào trong sân.

— Ông hỏi ai đó, chắc là lộn nhà rồi.

Ông khách cười làm bộ râu trên mép

bị kéo xéch lên làm thành một hình cánh cung.

— Cụ quên tôi rồi sao ?

Ông Hạng chưa kịp nhận ra ông khách đã tiếp.

— Vùng này chắc năm trong chiến trận, nom tiêu điều quá. Nhờ có cây cầu ngoài đó tôi mới nhớ được lối đi vào đây.

Ông khách vừa nói vừa đảo dác nhìn quanh :

— Máy chậu kiềng chắc đã bị nát tan hết, thật uổng quá. Tôi định trở lại lần này mua cặp mai hồi trước tết trả 20 ngàn cụ chưa chịu bán đó. Không ngờ bây giờ lại như vậy, thật đáng tiếc.

Ông khách nói một hơi dài, ông Hạng chỉ biết ậm ừ cười đáp lấy lệ.

— Cụ biết chỗ nào hiện giờ còn cây kiềng không? Tôi đang cần lắm, ông chủ sự người Mỹ ở sở tôi muốn sưu tầm một vài cây kiềng Việt nam...

Ông Hạng rửa thẳm bọn khốn nạn này thật vô-tích sự lúc nào cũng chỉ nghĩ đến chuyện trưng diện nịnh nọt để tiền thân.

— Rất tiếc tôi không biết, ông thử

lên miệt Kim Long coi, nhiều khi trên nó lại có. Ông Hạng trả lời chậm rãi và không một chút hào hứng.

Bọn trẻ tắm ngoài bãi sông bây giờ kéo nhau vào bu quanh chiếc xe. Một đứa nghịch ngợm trong bọn kéo quần cho vòi nước phun vung vãi lên chiếc đèn sau đít xe rồi cười hô hố, những đứa khác bắt chước, sáu bảy cái vòi nước thi nhau rửa bụi. Một đứa khác thò vào tay lái phía trước bóp còi inh ỏi.

Ông khách hình như còn muốn nói nhiều hơn nữa nhưng chợt nghe tiếng cười của bọn trẻ và tiếng còi thét lạnh lạnh ngoài đó, hẩn hắp tấp chào ông Hạng rồi bước ra. Bọn trẻ kéo nhau ùn ùn bỏ chạy, tiếng chân của chúng nện thình thịch trên cầu ván chiếc xe rồ máy lướt đi bỏ lại đằng sau những xoáy bụi trắng.

Một lát sau có tiếng bà Hạng từ nhà trong hồi vọng ra.

— Ai vừa đến rứa ông ?

Không có tiếng trả lời, bà cụ bước ra ngó quanh lăm lăm :

— Ủa ông già mới đó đi mô mất rồi.

MƯỜNG-MÀN
(Huế, tháng 7 / 68)

Bạn đọc nên có ngay trong tủ sách gia-đình :

VANG BÓNG MỘT THỜI

của Nguyễn Tuân

Do Trường Sơn xuất-bản, giá bán vừa với mọi túi tiền. Tổng phát-hành Thế-Sự số 50 đường Lê-văn-Duyệt — Saigon.



Nhức đầu

• Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/GCOP

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1433BYT . D.P.Đ.

ĐÊM TRONG TRÍ NHỚ

truyện ● NGUYỄN-SINH-TỪ

Tôi cột chéo hai vạt áo phía trước lại, đi tới đi lui trong nhà đọc thơ tự do. Có tiếng chân người từ ngoài bước vào. Tôi chạy ra. Anh Hiếu, thiếu úy mới về. Độ này đọc thơ dữ ha. Buồn đọc chơi vậy thôi. Tôi tưởng phen này hết thấy Châu rồi. Anh Hiếu vào nhà. Một vài con bướm đêm bay tới bay lui đến ánh đèn. Sao, tôi nghe người ta bảo anh sắp có chị rồi, chừng nào đó thiếu úy. Anh Hiếu nói chưa. Chuyện tình yêu như giấc mơ vậy.

Giọng nói của anh Hiếu bắt đầu cuốn tôi vào câu truyện : Buổi chiều xe về đây, đi qua các ngôi trường, trông các cô cậu đi học về, tự nhiên nhớ tuổi học trò của mình quá. Các cô ở đây độ này xinh thật. Thảo nào ai cũng khen con gái xứ mình đẹp. Đôi khi nằm một mình ở một góc cây, hay bụi rậm nào đó lúc dừng quân, nhớ lại những tà áo như buổi chiều này tự nhiên mình cảm thấy vui vui. Niềm vui dịu dàng đó đã xóa tan được trong giây phút những ám ảnh về cái chết mới diễn ra của vài người bạn. Cái không may của các cậu ở lại nơi đây là bị rầy quở, hoặc thi hỏng, hay người yêu hờn giận... Còn cái không may của bọn tôi là nỗi chết. Tôi nhớ lại những ngày tháng cuối ở quân trường, thật là buồn bã. Mỗi chiều thứ bảy ai cũng có người đến thăm thật đông, chỉ còn tôi và một vài đứa nữa không ai đến thăm viếng hết. Bọn tôi tự nhận mình là con bà Phước. Thứ bảy nào cũng vậy, tôi ngồi ở câu lạc bộ, uống bia, hút thuốc cho hết giờ. Rồi về. Và chính nơi đây, tôi đã gặp một tình yêu thật lạ. Đó là tình yêu tôi đang bắt đầu kể lại đây. Hôm đó cũng vào buổi chiều thứ bảy, vào khoảng gần tết. Những ngày cuối năm sự thăm viếng lại càng nhiều. Ở quân trường rộn rã lắm. Chính lúc đó tôi mới cảm thấy một cách thấm thía rằng thân phận mình như một hòn đảo hoang vậy. Thằng bạn cùng khóa thật thân ngồi chung với mấy người bà con gọi tôi lại vỗ về. Tôi buồn quá không muốn đi đâu hết. Một hồi lâu nó bảo chị nó lại mời tôi sang bàn nó. Tôi cũng từ chối khéo. Thấy tôi có vẻ làm sao ấy, nó gọi tất cả sang bàn bên tôi. Tôi cũng không có gì để nói với nó, với chị nó, và những người thân của nó. Tôi vẫn rót từng ly rượu uống cạn, chị nó hỏi tôi : Sao Hiếu buồn quá vậy. Tôi nói tôi có chuyện nhà. Chị nó hỏi tiếp, bộ Hiếu không có người thân nào biết Hiếu vào đây hết sao. Không, tôi đang học lớp đệ nhất bốc đồng bỏ đi. Con bà Phước mà. Chị có buồn bã nhìn tôi nói chuyện. Câu chuyện đi xa, và tôi biết chị nó tên Cúc tôi nói với chị Cúc bây giờ tôi chỉ còn cây súng trên tay và không còn ai nữa. Không ai thư từ và thăm viếng. Vì khi tôi đi không từ giã ai cả, không ai biết tôi đã đi đâu. Chị Cúc bảo như vậy thì buồn lắm, nên Hiếu không từ chối, tôi sẽ tình nguyện làm người hậu phương viếng thăm và biên thư cho Hiếu. Tôi lưỡng lự không biết trả lời thế nào cho xong. Giờ viếng thăm cũng dứt ngay khi đó. Tôi không biết tại sao chị Cúc lại mau cảm thông vậy. Đêm đó, tôi thấy nỗi buồn của mình bỗng đứng với

bớt đi có một tình cảm nào nhẹ nhàng đến xoa dịu trong tâm hồn tôi như một điều ru thần thoại. Từ đó về sau, mỗi tuần tôi được gặp lại chị Cúc. Chị Cúc lớn hơn tôi năm sáu tuổi. Những ngày nghỉ phép không kịp về quê nhà tôi thường ghé nhà chị Cúc và đi chơi với người bạn đồng khóa của mình là em chị Cúc. Những khi ấy tôi được săn sóc rất nhiều. Một lần về phép tôi đi với em chị đến khuya. Về nhà tôi cảm động thấy chị còn thức. Nói chuyện vài câu vui đùa với chị rồi hai đứa con trai lên gác ngủ. Khi ấy, trong lúc mơ màng tôi nhớ chừng như chị Cúc ngồi cặm cùi vớ cái gì đó ở góc bàn. Một tuần sau lại được về phép ngắn. Lục soát quần áo bừa bãi trong va-li với người em của chị, tôi mới biết đêm ấy chị thức vá lại chiếc quần tây đã rách của mình. Những ân ối đó làm tôi bớt tủi thân. Những mặc cảm bơ vơ theo ngày tháng vơi đi cho đến ngày mãn khóa. Khi mãn khóa tôi được ở chung đơn vị với em chị Cúc.

Hằng ngày tôi vẫn được thư chị gửi ra đơn vị hỏi thăm, an ủi, tâm sự. Sự cách biệt giữa hai người dần dần được những lá thư thu ngắn lại.

Những mừng vui của chị tôi nhận ra, mỗi lần hành quân về, làm tôi nghi ngờ chỗ ngồi của hai đứa trong tình chị em. Một lần, chị rủ tôi cùng chị xem hát đêm. Tôi hỏi chị có xin mẹ không. Chị cười không trả lời. Chị nói chín giờ mình về, mẹ không quở đâu. Tôi ngớ ngàng đi bên chị... Ở rạp hát ra, tôi dìu chị đi trong ánh đèn. Bàn tay hai đứa tự nhiên nắm lấy nhau. Những con đường phố như kết dài đón đợi những bước chân tình tự. Đêm ấy tôi nhớ mơ hồ như có tiếng những chiếc lá khô lán xào xạc trên những khoảng đường im vắng. Và những tiếng lán đó vẫn còn vọng âm mãi trong những giấc mơ sau này. Khi về đơn vị tôi được thư của chị ngay. Thư của chị viết dài làm tôi dấu không được cảm động trước mặt em chị. Thằng em trai làm mặt vô tình không nói gì. Điều này làm cho tôi càng khăng khít thêm với nó. Nó không làm ra vẻ người ơn ban cho tôi ân huệ. Nhưng nó làm nhíp cầu. Khuôn mặt đó và cái nhìn xa vắng giống như đôi mắt của chị nó làm tôi nghi ngại nhiều lắm. Trong thư chị vẫn còn xưng chị với tôi. Chị hỏi Hiếu có thấy đêm ấy vui không.

Riêng chị, chị cảm thấy đó là một kỷ niệm đẹp nhất trong đời người con gái... Giọng thư sao tha thiết lạ. Tôi đã đọc lại nhiều lần. Có đi lính mình mới biết được cái thư là quý, mình cảm động nâng niu như báu vật. Trước kia khi còn đi học. Tôi thù nhất là giọng nói của Dạ-Lan. Anh nhớ biên thư về cho Dạ-Lan nhé. Bây giờ mỗi đêm ngồi quây quần bên những người lính của mình, nghe tiếng nói thanh thoát nhỏ từng giọt vui buồn vụng dại vào tâm hồn, tự nhiên yêu mến giọng nói của Dạ-Lan một cách thành thực. Đến nỗi hôm nào bạn chuyển quân không nghe giọng nói ấy, mình thấy như thiếu thốn một điều gì. Người lính nào cũng vậy, ai cũng mặc cảm cô đơn hết. Ai cũng muốn có một người yêu ở thành phố, có những cô em gái hậu phương. Để xoa dịu những căng thẳng trong tâm hồn. Để cảm thấy mình không bị lẻ loi. Cho dù chiến tranh, dù đang chém giết, nỗi chết mỗi ngày một lan rộng. Nhưng người sống hãy còn ở chỗ đông và người có tình yêu hãy còn chiếm nhiều nhất. Ai cũng muốn mình là một trong những người đông nhất đó. Và coi sự ngược lại như là một bất hạnh. Một lần tôi đem những tư tưởng này nói

với chị Cúc. Chị mỉm cười không nói gì. Và nụ cười đó làm tôi an tâm. An tâm như một sự đầu hàng của suy nghĩ. Tôi không biết chị Cúc cười là chấp nhận sự cảm thông nỗi cô đơn của người lính, hay cười là cùng nghĩ như tôi ở đời việc gì cũng mang trên nó một huyền thoại hết. Không có tình bạn giữa người con trai và con gái. Chỉ có tình yêu được che dấu dưới tình bạn đó. Tình bạn là huyền thoại. Tình yêu là thực chất. Sao tôi hay dịch những nụ cười, những cử chỉ nhiều khi vô nghĩa ra những gì có nghĩa quá. . . Tôi nhớ, đến một hôm, tôi và chị Cúc đi phố về, nghỉ chân ở công viên. Trời hơi mát. Gió mang những cánh hoa giấy bay đi. Có những cánh còn tươi chơi vơi mãi trong nắng. Khi đó tôi mơ mộng kể lại những tình yêu ngây thơ trong những ngày huyền ảo cũ cho chị nghe. Tôi nói với chị, bây giờ thì em vỡ nợ hết rồi. Người con gái nào cũng đến với tình yêu sau người con trai và lại bỏ đi trước. Nhưng có lẽ những tình yêu ấy là đẹp nhất phải không chị. Cái gì mong manh cũng đẹp hết. Tôi nói và nhìn những cánh hoa giấy tím đang chơi vơi trong gió. Hoa giấy tím bây giờ bay thật nhiều. Như mưa bay vậy. Ai lớn lên, cũng trải qua một lần trong tình yêu học trò như vậy. Chị nói câu đó rời rạc. Tôi biết tình cảm của chúng tôi đã đến khúc quanh rồi. Nhưng tôi vẫn ngại ngừng. Cho đến một ngày kia chúng tôi đi nhau ra công viên nhìn ra bến tàu. Hai đứa không còn gì để nói với nhau nữa cả. Nước sông màu xanh của biển. Những đàn mây trắng len lén rủ những vệt khói từ trên tàu bốc lên bay đi. Tôi nói cho cả hai như nói với một mình, thật ngây thơ, vụng dại: Không biết những vệt khói tàu đó về đâu, quê hương của nó thanh bình hay giông tố. Một thằng bạn ở chung đơn vị đi ngang cúi đầu chào cả hai. Nó bước lại gần nói. Hai người định chừng nào đây. Tôi nhìn chị Cúc phân trần tôi nói thầm đây là dịp để mình im lặng. Im lặng bày tỏ được tất cả. Nếu mình đánh chánh, những gì êm đẹp đã qua sẽ đi về đâu. Nếu mình chấp nhận tạm trước mặt bạn bè, ôi sao lời nói hôm nay vội vàng hối hả quá. Biết đâu khi về, mình sẽ bị chị Cúc giận hờn. Con gái, tình cảm của họ phức tạp làm sao ấy. Chúng tôi mong ước đến ngày đó lắm. Nhưng chúng tôi lại ngại ngừng. Thời buổi này hiểu nhau để yêu nhau thì rất khó, xa nhau càng khó cho cả đôi bên. . . Tôi không còn nghe chị Cúc nói gì nữa. Tôi ngạc nhiên sao hôm nay Cúc dạn dĩ thế, thì ra hai đứa đã yêu nhau. Thằng bạn nói vu vơ vài câu nào đó rồi chào từ giã. Từ đó chúng tôi ngượng ngùng, rồi tha thiết nhìn nhau, không ai bảo ai gì hết, lời nói nào lúc này thốt lên cũng không mang trọn vẹn ý nghĩa của hạnh phúc. Vài hôm sau đó, tôi về đơn vị chiến đấu hăng say thêm. Tôi vui vẻ với tất cả mọi người. Tình yêu đã làm rạng đông lại những tâm hồn hiu quạnh. Một lần hành quân xong, tôi bỏ đơn vị về thành phố báo cáo mình còn sống. Tan giờ Cúc trong sở bước ra, nhìn thấy tôi với áo bê bối sinh lầy, em cảm động rú lên. Hai đứa xuyết ôm lấy nhau giữa phố đông người. Những hình ảnh xôn xao đón đợi đó và những dịu dàng trong những ngày tháng cũ đã làm tôi sống với cảm giác thanh bình ngay khi đang chiến đấu.

Anh Hiếu chợt buồn trong giọng kể. Nhìn tôi, nhìn vào lòng bàn tay anh Anh lấy ngón tay đã nhẵn đó vẽ lên mặt bàn như nhắc nhở một tên gọi, anh kể tiếp: Vài tháng trước gì đó, tôi về thăm Cúc, ngạc nhiên thấy em buồn và nghe mẹ em nói lại: độ này trông con Cúc nó thiếu não thật. Hiếu, con có làm gì cho nó buồn không, mẹ thấy nó khóc hoài mà không nói năng gì hết... Tôi tìm hết lời an ủi và hỏi thăm, nhưng Cúc vẫn không nói gì. Tôi không biết tôi có làm gì cho Cúc buồn không tôi về đơn vị với nỗi băng khoăn không rời. Tôi kiểm soát lại những gì mình đã làm và đã sống. Tôi không thấy tôi phạm lỗi gì cả. Vài hôm sau đó tôi được thư của mẹ Cúc. Bà bảo gần ngày cưới rồi con cũng nên chịu nó. Có hay không phạm lỗi gì cũng nên năn nỉ nó nghe... Tôi định viết bức thư dài hỏi xem có chuyện gì xảy ra làm cho em buồn không. Và tôi xin nhận lỗi tất cả... Nhưng thư viết chưa xong, hành quân lớn lại đến.

Anh Hiếu dừng kể, bốc thuốc ra khỏi bao trong túi áo. Tôi bật que diêm, cả hai cùng châm thuốc. Khói thuốc tỏa quanh mùi thơm gợi nhớ những kỷ niệm của những tình bạn đã không còn tìm thấy. Tôi bảo anh kể tiếp. Trong giọng nói cũ, thêm một chút hăng say anh Hiếu kể trận đánh: Buổi tối hôm đó, tôi chưa chợp mắt đã nghe còi hợp vang lừng. Chúng tôi được lệnh ra phi trường gấp. Chúng tôi sẽ lên trực thăng và sẽ được thả xuống một cánh rừng ở xa. Hành quân liên tiếp trong ba ngày, để giải thoát một đơn vị bạn đang bị bao vây trong thung lũng.

Khi chúng tôi ra đến phi trường, trời sáng mờ mờ với ánh trăng lên muộn. Mấy mươi chiếc chong chóng quạt của chiếc phi cơ quay đều. Tiếng động cơ vang vọng một vùng trong thị trấn. Bụi cát bốc lên bay mờ mịt trong sương. Mấy đứa bạn đồng khóa háng hái la hét kêu tập hợp và điểm quân số trước khi lên phi cơ. Những tiếng động cơ, chen lẫn với những tiếng nói thật to làm tôi quên tất cả và nghe phần khởi vô cùng. Rồi một chiếc phi cơ đầu cất bay lên, ánh đèn xanh đỏ chớp lập loè trong đêm, chiếc thứ nhì thứ ba tiếp tục... Một đoàn trực thăng âm ỹ chuyển quân. Những vì sao thấp sáng đêm đó như rung rinh trong tiếng động, những ánh đèn thị trấn mờ dần, lui về phía sau và mất hút. Chúng tôi đến bãi đáp ở giữa rừng thưa lúc trời gần sáng. Giờ phút lo âu nhất là giờ phút này đây. Chúng tôi được lệnh tản mát vào bìa rừng ngay sau đó. Nhưng khi chiếc phi cơ đầu tiên vừa đáp xuống. Chúng tôi bị ngay trận pháo kích của địch. Chiếc phi cơ ấy bốc cháy. Mười mấy người trong đó đã tử trận. Chiếc phi cơ thứ hai cũng đáp xuống ngay sau đó nhưng tiếng đại bác lơ lửng và không còn trúng đích nữa. Chiếc thứ ba, là chiếc có tôi tiếp tục đáp xuống và may mắn súng đã im nề. Vừa xuống bãi đáp chúng tôi tập hợp lại ngay rồi tản mát vào bìa rừng. Bao nhiêu lo lắng hồi hộp đã tan đi. Bây giờ việc đầu tiên của chúng tôi là rửa hận cho những người đi trong chuyến phi cơ đầu. Chiến tranh là thế đó. Mỗi ngày nó đào sâu trong lòng con người nỗi thù oán vu vơ. Chúng tôi phải chuyển quân qua một khu rừng bên cạnh. Càng đi sâu vào trong, rừng càng âm u. Cách nhau trên một thước có khi nhìn không thấy. Người lính đi đầu cầm dao găm trên tay. Vừa đi vừa phá rừng khai lối, anh ta

rất lực lưỡng và rất chli. Lúc đó may mắn không chạm phải địch quân. Chúng tôi sợ lạc đàn gọi nhau ới ới. Đi được một khoảng xa người lính đi đầu không chịu đi trước nữa, rọi đèn bin lên thấy tay hấn đầy cả máu; người nào trong toán đi đầu cũng thế; không riêng gì hấn, nhưng có lẽ hấn cam chịu nhiều nhất. Nhánh cây và gai góc đồng lõa với địch xé da bọn mình. Vượt qua khu rừng này chúng tôi sẽ vây địch quân nằm kích chúng tôi dọc hai bên quốc lộ. Địch quân rất khôn ngoan, sau khi bao vây đơn vị bạn, liền cho gần một tiểu đoàn chặn đường kích quân ta đến tiếp viện. Và chúng ta đi vòng phía sau đánh úp chúng. Cơ hội đó đã đến. Chúng tôi hoàn thành lệnh đó trong nửa giờ. Địch đã rút đi. Bỏ lại thật nhiều xác chết. Người nào cũng hăng hái nhả đạn trả thù. Cánh rừng buổi sáng đang im lìm bỗng trở mình như gặp cơn bão lớn. Mùi thuốc súng, tiếng hô xung phong làm say máu con người. Và giờ phút ấy chúng tôi bị lôi cuốn vào lửa đạn không nhận ra mình là ai nữa.. Quả thật nhiều khi đạn cũng tránh người. Địch cũng phản công dữ dội trước khi mở đường thoát chạy. Nhưng tiếng súng đã kích thích mọi người vào cơn say cuồng nộ. Không gian bây giờ là trận mưa kim khí.

Nổi chết vây quanh. Nhưng nổi chết của mỗi người đang bị lãng quên. Không một ai còn sợ mình chết nữa. Sau chiến thắng mở đầu đó, chúng tôi không gặp phải cuộc chạm nào khác. Mọi người trông đợi đến nơi kịp lúc để giải thoát cho đơn vị bạn. Nhưng chẳng ai được một tin tức gì. Còn bao nhiêu người đang bị thần chết giăng lưới bủa vây, từng phút từng giây đợi chờ chúng tôi tiếp viện. Chúng tôi cầu nguyện bình an cho họ. Chúng tôi âm thầm chuyển quân vào rừng sâu theo hướng và lệnh của bộ chỉ huy. Không có đường nào tối tăm và hiểm trở bằng những con đường rừng rú này. Không biết khi nào phải chạm địch. Từng phút từng giây ôm súng, mắt rời loanh quanh. Bàn chân cũng cần thận, sợ từng quả mìn nổ chậm. Sợ nhất chém sau lưng. Sợ không còn thấy đủ mặt anh em lúc về đơn vị. Lo sợ, hồi hộp, quả cảm, liều lĩnh, bao nhiêu cảm giác mạnh phải sống nhiều khi làm cho trái tim người lính thôi rung động nữa. Đoàn quân như con rắn trườn mình đi. Nhiều lúc ra được khoảng sáng nhìn được nhau lơ mờ như đêm trăng giông bão. Bỗng có tiếng la có địch, có địch... Một tiếng hét lên sau tiếng nổ to. Chúng tôi dừng quân lại. Hai người mặc quân phục rách rưới bê Bett sinh lầy vệt hiện ra. Họ la lớn, đơn vị bạn, đơn vị bạn, không phải V.C. Chúng tôi đỡ lấy họ. Họ bảo ba đưa chúng tôi trốn thoát ba ngày với nhau rồi. Họ nhìn người bạn đường ngã gục trong lùm cây tủi thân khóc lớn. Rừng nơi ấy chẳng chịt không thể nào đi vào để đem xác người lính khốn nạn ra được, người bạn đồng hành của hai người này đã chết oan ức trong ánh mắt cảm động của mọi người. Người lính bắn lăm hồi hận buông súng bỏ đi bước chân hấn lảo đảo. Hai người lính khác cũng chạy theo diu hấn. Nước mắt hấn chảy quanh. Đoàn quân lại lặng lẽ bước đi. Xác người chết để lại. Chiến tranh có tủi thân và cảm động không. Người nào bước đi cũng mang trong lòng cảnh tượng lễ loi trong nổi chết. Lương thực cá nhân mỗi người mang theo cạn dần. Đến lúc này mới thấy một ly nước ngọt là quý giá, cồ tôi khô và rát. Bỗng nhiên cơn khát đến vội vã. Bây giờ về được thành phố uống một cốc

bia thì thì tuyệt vời rồi. Đoàn quân vẫn di chuyển chậm chạp mang theo những đói khát, thương tâm. Đến một vùng nước, chúng tôi phải lấy khăn nhúng vào đấy, sinh vấy cả lên nhưng vẫn vắt khô và uống. Cho đến tối hôm sau chúng tôi mới ra khỏi cánh rừng. Trăng sáng ở xa, sao trên rừng đêm như muôn con mắt người yêu trông đợi. Đoàn quân cẩn thận đi vào làng đã lâm chiến. Có lẽ đây là vùng tử địa, đơn vị bạn bị địch đánh tan rã tự hồi nào. Bao nhiêu bom đạn đã dội xuống đây. Những căn nhà sụp đổ, chòi canh cao vút trơ trọi, lửa đêm vẫn còn cháy bập bùng : những chiếc cột đen âm ỷ bốc khói ngả nghiêng, đứng ở đằng xa thấy những đốm lửa bay lên như bầy đom đóm. Cảnh tượng hoang tàn tôi chưa từng gặp và tưởng tượng được trong đời. Xác người ngổn ngang nằm đầy đó. Có người cháy xém cả thân. Bao nhiêu thi thể không còn đủ hình hài đã ngã ngục hồi nào. Đêm trong ánh lửa hồng cho tôi nhìn mặt chiến tranh bi thảm cùng cực. Không hiểu ngày xưa giặc giã có vậy không. Tôi cầm súng bước đi như đang đắm mình trong giấc mơ kinh hoàng nào đó. Chúng tôi được lệnh dừng quân nơi đây và tìm lại xem người nào còn sống sót gọi phi cơ tải thương đến chở đi. Những chiếc phi cơ bay lượn trên đầu. Nửa đêm phi cơ thả thức ăn đồ hộp xuống. Mọi người mừng như được ai cứu sống lại một vài cậu lính trẻ tìm được con heo còn sống về, chúng tôi hét hò làm thịt đem nướng trên những thân cây cháy dở chia nhau mà ăn. Những màu bánh mì, trên tay đã hồi sinh lại bao nhiêu nụ cười cam chịu. Đêm lung linh theo từng trái quả châu thấp sáng chân trời. Chúng tôi reo vui theo từng phần lương thực chia nhau. Đêm dừng quân trở thành đêm hoa đăng bên cạnh nỗi chết. Tiếng cười vô tư nào nổi lên bên tiếng khóc đã im, tiếng nấc đã nghẹn. Những giòng nước mắt đã khô. Huyết quản thôi lưu thông và trái tim ngừng nghỉ. Có nhìn rõ mặt nhau thì cũng chỉ nhìn thấy đây là quê hương mình đó là bè bạn anh em. Sáng hôm sau chúng tôi được lệnh chuyển quân về. Tất cả lên phi cơ về đơn vị và đợi lệnh mới. Làng chúng tôi đã đến vẫn bỏ hoang. Không biết nơi đây còn chôn vùi bao nhiêu tuổi trẻ. Có người nào dám về đây lập nghiệp không. Bản đồ quê hương rách dần và bỏ đi nhiều mụn vá.

Về đơn vị tôi được nghỉ phép nhưng không về. Tôi được thư Cúc. Cúc bảo nếu trong tình yêu mình không hạnh phúc với nhau thì hãy xem nhau như là bạn. Tôi không hiểu tại sao tôi uống rượu và hút thuốc nhiều. Từ nay bao thuốc thay nhau đốt vàng cả bàn tay gầy guộc. Những tình cảm cô đơn trở lại với tôi những ngày sau đó. Nhiều buổi chiều buồn tôi ngồi lại một mình nhớ những ngày êm đẹp đã qua, nhìn mặt những gian lao mà nước mắt chảy quanh. Mấy tụi lính ở gần đó thấy vậy lặng đi. Thằng lính dưới tay tôi hôm sau đến làm thân, nó hỏi sao tôi khóc. Tôi nói tôi có vài chuyện buồn ở nhà. Lúc nói câu nói đó tôi nhớ cha tôi đã mất sớm, mẹ tôi ngày hai buổi mở chuông, dáng người đi nghiêng nghiêng trong lớp nâu già, đêm ngày cầu nguyện cho quê hương, cho đứa con trai, còn tôi bây giờ đang cầm súng. Thằng lính

cũng tâm tình và kể chuyện tủi thân. Nó nói đã có gia đình. Một vợ ba con. Nhà vợ nó nghèo phải đi mượn nuôi con. Gần đây vợ nó ham tiền theo bọn lính Mỹ bỏ ba đứa con lại cho mẹ nó nuôi. Nó nói bây giờ nó buồn và hay uống rượu nhiều. Nhiều lúc la lối và đánh lộn với bạn bè. Nó vắng tục và chửi đổng cuộc đời.

Anh Hiếu cảm động dừng lại một chút. Giọng nói của anh bây giờ thật là buồn. Cách đây vài hôm, nửa đêm tôi nghe tiếng la hét đập phá của tên lính say rượu đó. Tôi gọi hắn lên dùng hết lời lẽ khuyên lơn. Tôi cảm thông với hoàn cảnh hắn lắm, người hắn lúc đó trông thật là bơ phờ, thật là tội nghiệp. Nhưng đến sáng ra hắn lại uống rượu thêm nhiều. Hắn phá phách hơn và chửi đến cả tôi. Hắn dọa đánh mềm tôi nếu tôi khuyên bảo hắn. Hắn bảo trước kia hắn là tay anh chị chưa từng biết nể ai. Sự lớn lối của hắn làm tôi bực mình lắm. Tôi cố dằn nhưng nỗi buồn và cơn thịnh nộ làm tôi mất suy xét, tôi kéo hắn ra đánh một trận nên nên thân. Hắn ngắt đi sau đó. Tôi vẫn không nguôi cơn giận bảo lính đem hắn đi giam lại. Mấy ngày hôm sau tôi nghe trong người ê ẩm một nỗi mệt nhọc không tả. Tôi lên cơn sốt. Trong giấc mơ thảng thốt tôi gọi tên hắn và Cúc không thôi. Khi nguôi bệnh tôi nhớ đến hắn và hối hận vô cùng. Sự ăn năn làm tôi ray rứt không tả, tôi vội vã tìm đến hắn. Tôi mở trói hắn ra. Tôi bảo tôi hối hận về chuyện t. i làm lắm. Hắn cũng bảo tôi hắn đã ăn năn. Tôi ôm lấy hắn và nước mắt ràn rụa. Hắn nhìn tôi chớp nhanh đôi mắt. Tôi bảo hắn trước khi về phép tôi nhớ đến anh và tôi đến đây thả anh ra, tôi cho anh về với gia đình một tuần lễ phép như tôi. Hắn bảo hắn không còn nhà để về nữa, nhà hắn đã bán đi, ba đứa con hắn bà nội nó đem về nuôi ở nhà chú. Hắn nhìn lại vết thương trên thân thê và manh áo tả tơi. Hắn gục đầu vòng tay lên gối như con chim bị thương không còn tổ ấm để về.

Anh Hiếu dừng lại châm một điếu thuốc bên điếu thuốc cháy dở của tôi. Một làn khói mỏng bay lên làm tôi cay mắt.

Khói thuốc làm tôi cay mắt. Nhưng tôi nghĩ chính nỗi buồn của anh Hiếu đã làm tôi cay mắt. Những giọt nước mắt này được nhỏ ra để cảm thông nỗi buồn riêng của anh Hiếu. Nhưng cũng là nỗi buồn chung của tuổi trẻ chúng mình.

NGUYỄN SINH TỪ

CHIA BUỒN

Được tin thân mẫu anh Lam Giang Nguyễn quang-Trứ vừa thất lạc tại Sài Gòn, chúng tôi xin thành thật phân ưu cùng anh chị Lam-Giang, và cầu chúc hương hồn cụ bà sớm tiêu điều miền Cực Lạc.

Vợ chồng VÕ-PHIẾN

trên quăng đường này

Thơ TRẦN-THỊ TUỆ-MAI

* Trẻ thơ học bài tiếng thom mùi sữa
trẻ thơ nô cười tiếng theo chúng mình

* Trên đường nay mai
quăng này đây gai
quăng này bão tố
miền Bắc hận thù
mùa nắng mùa mưa
người dân kham khổ
giấc ngủ âu lo
mắt khô môi úa
đêm trắng âm u
ngày xuân âm u
kín lời than thở
kín lời ước mơ
người đi mất hút
người ở xác xơ
xác xơ nem nếp
máy móc từng giờ
dưới cờ máu đỏ
chi chít khăn xô
dưới cờ máu đỏ
lưng gầy vai nhô.

* Mùa nắng mùa mưa
miền Trung tơi tả
nắng đốt thân còi
mưa trôi sản nghiệp
ngày đồ mồ hôi
đêm tràn nước mắt
ngày lo thịt nát
đêm sợ dầu rơi
bữa ăn ngậm ngùi
giấc ngủ ngậm ngùi
mẹ cha dầu dãi
con cháu tả tơi
vùng trời tai họa.

* Mùa nắng mùa mưa
miền Nam khói lửa
vườn ruộng tan hoang
thị thành nhớp nhúa

vườn ruộng khăn tang
thị thành khăn tang
đầy thương đầy nhớ
đầy oán đầy than
những ngờ cùng ngại
những đối cùng tham
mắt xanh mờ nhạt
lòng thắm phai tàn
trăm nỗi hoang mang
ngàn nỗi hoang mang
đảo điên vây bủa.

* Cảnh tình thế đó
mùa nắng mùa mưa
ba miền cùng khổ
cơ cực xót xa
tưởng đành gục ngã
sức nào vượt qua
tưởng đành tan rã
hết mong Một Nhà.

* Nhưng tiếng trẻ thơ
nơi đây ươi đó.

* Trẻ thơ học bài
trẻ thơ nô cười
dù trong khói lửa
dù trong đau khổ
dù trong hận thù
còn tiếng trẻ thơ
là còn tất cả.

* Còn sức cho người
tinh cơn lằm lở
còn sức cho người
vượt qua gian khổ
còn sức cho người
dựng xây lại cả
còn sức cho người
tìm thấy tương lai.

* Trẻ thơ học bài
tiếng thom mùi sữa
trẻ thơ nô cười
tiếng theo chúng mình
trên đường dân tộc
trên đường nay mai
mình vượt chông gai
mình vượt đêm dài
trẻ — thơ — ánh — sáng.

Thông-diệp Thê-vận

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG (Saigon 16-10-1968)

- 1- Đầu máy Za-tô-pếch
Huyền-thoại trăm lần huyền,
Máy chạy bằng máu đỏ
Người bắn đi thành tên !
- 2- Đầu máy Za-tô-pếch
Huyền-thoại năm nào xưa,
Một niềm tin cháy rực :
Sức người không bến bờ !
- 3- Đầu máy Za-tô-pếch
Huyền-thoại bao năm rồi,
Bảy màu mây Thê-Vận
Lưu-tinh không lìa ngôi !
- 4- Đầu máy Za-tô-pếch
Ôi Huyền-thoại hôm nay
Thần-tượng của Tiệp-Khắc
Quần-quại trên đường rầy !
- 5- Đầu máy Za-tô-pếch
Huyền thoại chẳng vong thân
Hãy phá tung cùm sắt
Dính liền theo bên chân !
- 6- Đầu máy Za-tô pếch
Huyền-thoại mang tim người,
Chớ về ga Bạo-Lực
Cúi xuống làm trò chơi !
- 7- Đầu máy Za-tô-pếch
Huyền-thoại, sức-đương đầu
Của nhân dân một nước
Của toàn dân Địa-Cầu !
- 8- Đầu máy Za-tô-pếch
Huyền-thoại, nói lên đi
— Ta, người ! không phải máy !
Thơ Việt-Nam chào mi.

GHI-CHÚ. — Za-tô-pếch là lực-sĩ Tiệp Khắc trước đây từng đoạt huy-chương vàng Thê-Vận các năm 1948 và 1952 về môn chạy 5000m và 10.000m, được tặng biệt danh là « Đầu máy xe lửa. »

Thời-sự thế-giới

● TỪ-TRÌ

Cuộc bầu cử Mỹ càng gần thì người ta lại càng quan tâm tới chính trường Mỹ. Đó là một lẽ tất nhiên vì Hoa-kỳ từ đệ-nhị thế-chiến tới nay đã giữ vai trò lãnh đạo thế giới. Tuy nhiên cuộc bầu-cử Tổng-thống Hoa-kỳ năm 1968 có một tính-cách vô cùng đặc biệt vì nó có một tầm quan trọng không những tại quốc nội mà còn có ảnh hưởng tới hòa-bình thế-giới nữa. Cuộc bầu cử càng gần người ta càng phân vân chưa hiểu ai sẽ thắng phiếu, Nixon hay Humphrey ai sẽ làm Tổng-thống. Và ảnh hưởng của cuộc bầu cử tới chiến tranh Việt-Nam sẽ ra sao ?

Nhưng đời sống chính-trị Mỹ cũng vẫn không làm người ta quên được rằng trên thế-giới còn nhiều mối lửa khác đang âm ỉ cháy. Tại Nam-Mỹ sau cuộc nổi loạn của sinh viên ở Mễ-Tây-Cơ và cuộc đảo chính ở Pérou lại đến lượt Panama Tổng-thống Arias bị lật đổ. Tại Đông-Âu, Tiệp-Khắc đã hoàn toàn bị Nga-xô khống chế và sau hết tại Trung-Đông cả Do-thái lẫn Ả-rập đều đang đi tìm giải pháp ôn hòa cho một cuộc tranh chấp kéo dài từ 20 năm qua.

Mỹ-châu : Giai đoạn chót của cuộc bầu cử Tổng-thống Hoa-kỳ

Ngay từ lúc cuộc cò động bầu cử được bắt đầu, các quan-sát-viên đều đồng thanh cho rằng ông Nixon sẽ thắng ông Humphrey. Thật vậy, ông Humphrey vì là một thành phần của chính phủ Johnson nên đã gặp nhiều bất lợi.

Nhưng giờ đây khi cuộc cò-động sắp chấm dứt người ta thấy khoảng cách giữa ông Humphrey và ông Nixon giảm đi rất nhiều. Thật vậy, vào mấy tuần gần đây ông Humphrey đã « lao mình » vào cuộc cò động một cách hết sức mạnh bạo. Ông đã dám rời xa hẳn lập trường của Tổng-thống Johnson khi đưa ra đề nghị ngưng oanh tạc Bắc-Việt và chấm dứt chiến tranh Việt-Nam bằng một giải pháp thương-thuyết. Kết quả là ông Humphrey đã lôi cuốn được nhiều cử tri còn có thái độ ngập ngừng. Ngược lại ông Nixon vì đã tận dụng hết mọi khả năng và lập trường của mình nên không còn điều gì mới lạ để thu hút quần chúng nữa. Những người ủng hộ ông đã dứt khoát từ lâu là sẽ bỏ phiếu cho ông. Còn những người chưa có lập trường rõ rệt đối với ông vẫn chưa tìm thấy được thiện cảm để bầu cho ông. Ngoài ra ông Wallace với một luận điệu mị dân đã thu hút được nhiều cử tri cuồng tín ở miền Nam.

Trong tình trạng này kết quả của cuộc bầu cử ngày 5/11 tới sẽ hết sức bất bênh. Chính ông Nixon cũng chỉ tin là mình sẽ lượm được chừng 45% phiếu của cử tri. Một cuộc thăm dò dư luận do Harris tổ chức đã tiên đoán những con số sau đây : Nixon sẽ về nhất với 40% tổng-số phiếu, Humphrey sẽ về nhì với 35% và Wallace sẽ lượm được khoảng 18%.

Như vậy ta thấy rằng sẽ khó có

ứng-cử-viên nào được đa số. Trong trường hợp này, Hạ-viện theo đúng Hiến-pháp sẽ chọn một trong hai người lượm được nhiều phiếu nhất để bầu làm Tổng-thống.

Cùng một lúc với bầu cử Tổng-thống, dân chúng Mỹ bầu lại toàn thể Hạ-viện và 1/3 Thượng-viện. Nếu Nixon dẫn đầu thì số hạ nghị-sĩ Cộng-hòa cũng sẽ có đa số và như vậy họ sẽ bầu Nixon làm Tổng-thống. Nhưng dù có đắc cử Tổng-thống chăng nữa, ông Nixon cũng chỉ là một vị Tổng thống của thiểu số. Người ta tự hỏi, như vậy ông có còn đủ uy-tín để lãnh đạo một quốc-gia lớn nhất thế-giới như Hoa-kỳ chăng?

Kết quả của cuộc bầu cử ngày 5-11 sẽ lại càng trở nên bấp bênh vì Tổng-thống mãn nhiệm Johnson hiện tỏ ra hết sức hoạt động. Thường thường vào cuối nhiệm-kỳ, vị Tổng-thống mãn nhiệm không bao giờ đưa ra sáng-kiến gì mới mẻ mà chỉ giữ vai trò xử-lý thường-vụ. Trái lại ông Johnson lại tỏ ra hoạt động hăng hái hơn bao giờ hết. Không muốn ở lại chức vụ Tổng-thống, nhưng ông Johnson tích cực dọn đường để bước vào lịch-sử một cách vẻ vang. Ông muốn rằng cuộc chiến tranh ở Việt Nam khởi phát từ nhiệm kỳ Eisenhower, được tăng cường với Kennedy, sẽ do chính ông kết thúc trong danh dự. Vì vậy trong những ngày vừa qua, người ta thấy tại Bạch-Cung một vị Tổng-thống Hoa-kỳ sắp hết nhiệm-vụ mà vẫn tỏ ra vui-vẻ hăng-hái. Ông Johnson dự định ngưng oanh-tạc Bắc-Việt dù Bắc-Việt chỉ đáp ứng hành-động này bằng cách thăm-kín xuống thang cũng được. Hình như Bắc-Việt cũng hiểu rằng sớm muộn gì họ cũng phải thỏa-hiệp thì thà thỏa-hiệp với Johnson lúc này còn hơn là với

Nixon về sau sẽ bất lợi hơn. Do đó mà trong những ngày vừa qua, chiến trường tại Việt-Nam đã hoàn-toàn lắng-dịu. Hiện thời người ta thấy triển-vọng hòa-bình tại Việt-Nam lớn hơn bao giờ hết.

Nếu từ giờ tới ngày 20-1-1969 ông Johnson thiết lập được hòa bình tại Việt Nam trong những điều kiện mong muốn thì địa vị vinh quang của ông trong lịch sử sẽ hoàn toàn chắc chắn. Sau đó dù Nixon hay Humphrey ai kế vị đối với ông cũng chỉ là chuyện phụ thuộc.

Tình hình chính trị tại Bắc-Mỹ không làm cho người ta quên chuyện Nam-Mỹ. Lục-địa này trong những ngày qua đã có nhiều biến động do các lũng củng nội bộ gây ra. Sau vụ nổi loạn của sinh viên tại Mỹ-Tây-Cơ trước khi Thế-vận-hội khai mạc và sau vụ đảo-chính quân sự ở Pérou nay lại đến lượt Panama. Cuộc đảo chính ở Panama tuy nhiên có nhiều tính-cách khôi-hài hơn ở các nơi khác. Thật vậy, tại nước này chính quyền là một độc quyền của quân đội. Bác sĩ Arnulfo Arias, 67 tuổi đã hai lần đắc cử Tổng-thống, nhưng vì quân đội cho rằng ông có khuynh hướng độc tài nên đã hai lần lật đổ ông. Năm nay ông Arias vẫn không chịu thua, ông quyết định ra ứng cử lần thứ ba và lại đắc cử. Sau khi đắc cử ông đã phải thương thuyết với quân đội để nhận chức vụ. Hai bên đã đi tới thỏa thuận, tướng Vallarino, tư-lệnh quân đội, người đã lật ông Arias nhiều lần, bằng lòng rút lui và ông Arias hứa là khi nhậm chức sẽ bổ nhiệm Trung-tá Pinilla, cánh tay mặt của Vallarino, làm tư lệnh. Nhưng khi nhậm chức, ông Arias nuốt lời, không những không trọng - dụng Pinilla mà còn cải tổ quân đội để củng cố địa-vị. Quân đội đã nổi lên lật đổ ông Arias và

bầu Trung tá Pinilla làm Tổng-thống. Ông Arias phải chạy vào vùng kinh Panama của Mỹ để lánh nạn. Từ vùng này ông lại ra lệnh kháng chiến, khiến cho chính-phủ Hoa-kỳ hết sức bối rối. Vì nếu là người tỵ nạn chính trị thì ông Arias không có quyền hoạt động chính trị, còn nếu không phải tỵ nạn chính trị, thì quân đội Panama có thể tấn công khu vực do Mỹ kiểm soát và như vậy không tránh khỏi đụng độ với quân đội Hoa-kỳ.

Như vậy tại châu Mỹ La-tinh, hình như khuynh hướng độc tài là một căn bệnh khó điều-trị và luôn luôn làm mầm cho những bất ổn chính-trị.

Âu châu: Tiệp-khắc hoàn toàn bị Nga xô khống chế.

Sau hai tháng trời quấy cựa, vùng này, Tiệp-khắc, dưới sự lãnh đạo của Tổng bí, thư Dubcek, đã phải nhượng bộ hoàn toàn Nga-sô. Giờ đây người ta tự hỏi Tiệp-khắc có còn là một quốc gia có chủ quyền nữa không ?

Thủ-tướng Nga Kossyguine đã sang Prague để ký với Thủ tướng Tiệp Cernik một hiệp-ước cho phép quân đội Nga được chiếm đóng hoàn toàn lãnh thổ Tiệp như họ muốn. Ngược lại, Nga cho phép Tiệp khắc có quyền tài-phán đối với những lính Nga phạm lỗi tại Tiệp-khắc. Nga cũng hứa là sẽ rút một số quân nếu tình hình được Nga coi là « bình thường hóa » và tin tức cuối tuần qua cho hay là Hồng quân Nga đã bắt đầu triệt thoái khỏi Tiệp.

Quyền chiếm đóng của Nga là một bảo đảm cho mọi hoạt động chính-trị của Nga hiện thời, nhằm mục đích loại bỏ mọi phần tử tự do trong đảng cộng-

sản Tiệp. Thật vậy, Nga đang tích cực phá hủy mọi công trình tự-do-hóa do Dubcek bắt đầu từ mùa xuân năm nay. Họ tái lập mật vụ, tăng cường địa vị của các phần tử thân Nga trong Cộng đảng Tiệp v...v...

Thái độ của Nga tại Tiệp khiến các quốc-gia khác lo ngại. Họ sợ rằng Nga sẽ thừa thắng xâm lăng Nam-tur và như vậy cục diện Âu-châu sẽ bị thay đổi. Đề tỏ ý chí ủng hộ Nam-tur, chính phủ Hoa-thịnh-đốn đã gửi Thứ-trưởng Ngoại-giao Nicholas Katzenbach sang tỏ ý ủng-hộ Tổng-thống Tito. Nhưng cử chỉ này chỉ có tính cách tượng-trưng và người ta tự hỏi nếu Nga cứ làm liều tại Nam-tur như Nga đã làm ở Tiệp-khắc thì phản ứng của Hoa-kỳ sẽ ra sao ?

Trung Đông : Do-thái Ả-rập tính chuyện giảng hòa

Trong khi đó tình hình Trung-Đông gần như bớt phần căng thẳng. Người ta đang chứng kiến những hoạt động ngoại-giao mạnh mẽ của các quốc-gia Ả-rập—Do thái cũng như của các quốc-gia đệ tam ngõ hầu giải quyết một cuộc tranh chấp đã kéo dài từ 20 năm qua.

Tại Liên-Hiệp-Quốc ông U Thant đã cử ông Gunnar Jarring, một nhà ngoại giao Thụy-điển có tài, để đi hòa giải giữa Do-thái và Ả-rập. Ông Jarring đã tiếp xúc mật với các ngoại trưởng Do-thái, Ai-cập và Jordanie. Tuy chưa ai biết rõ nội dung của các cuộc hội kiến này nhưng tại Liên-Hiệp-Quốc mọi người đều tỏ ra lạc quan hơn bao giờ hết.

Ngay tại Trung-Đông, một vài dấu hiệu đã cho biết cả hai bên đều muốn tỏ thiện chí hòa bình. Các viên chức Do-thái và Jordanie đã mật đàm nhiều lần với nhau tại vùng Do thái còn chiếm đóng

từ tháng 6 năm ngoái. Ngoài ra, Quốc-vương Hussein xứ Jordanie có một cử chỉ khiến người Do-thái hài lòng, là ông đã tuyển thêm nhiều người thuộc bộ-lạc Bedouin, trung thành với ông để tăng cường quân đội Jordanie. Những người Bédouin lại luôn luôn có thái độ chống đối với những dân tỵ-nạn Palestine. Trọng dụng người Bédouin, Quốc-vương Hussein đã tỏ ra muốn đương đầu với các người Palestine vì những người này luôn luôn làm áp-lực để ông phải đánh Do-thái phục thù cho họ.

Tuy nhiên, Hussein vẫn phải giữ vị-trí quân-bình giữa ý muốn hoà-bình và đầu óc hiếu chiến của dân Palestine vì 1 triệu người này đe dọa sẽ lật đổ ông nếu ông bỏ ý chí phục thù.

Việc làm của Quốc vương Hussein còn lệ thuộc vào thái-độ của Tổng-thống Ai Cập Nasser nữa. Tổng-thống Nasser trước tình hình kinh-tế nguy ngập cũng muốn giải-quyết sự tranh chấp cố-hữu với Do-thái nhưng ông Nasser cũng bối rối không kém vì nếu bỏ mộng diệt Do-thái ông sẽ hết được coi là lãnh-tụ Ả-rập.

Ngay Do-thái tuy cũng muốn hoà-nhưng họ không biết sẽ phải hoà trong điều-kiện nào vì nội các Do-thái Eshkol rất chia rẽ. Nếu ông Eshkol mềm dẻo thì tướng Dayan, Tổng-trưởng Quốc-phòng, lại có tiếng « là điều hâu ».

Như vậy, trước khi giảng hòa với nhau, cả Do-thái lẫn Ả-rập đều phải tìm cách giải-hòa ngay tại nội bộ của mình trước đã.

TỪ TRÌ

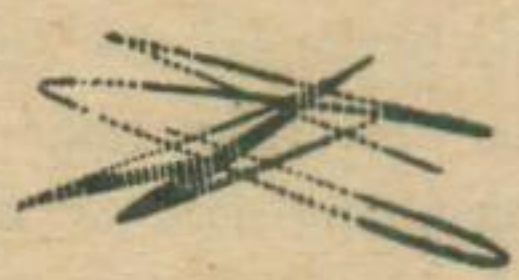
Rượu bổ
QUINQUINA



Quina '9'
CÔ ACIDE GLUTAMIQUE

*khai vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể





BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

KN 2071.8YT

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Đêm thứ bảy

La septième nuit là cuốn sách đáng chờ đợi. Nó là tác phẩm chót của Ladislav Mnacko, nhà văn Tiệp-khắc mà có một đạo người ta đồn rằng đã bị quân Nga tóm được, đánh tới bất tỉnh. Thực ra, Mnacko đã trốn thoát, và vừa mới bí mật chuyển bản thảo «Đêm thứ bảy» qua Áo Nhà Flammarion cho ra mắt cuốn ấy tại Pháp vào tháng 10 này.

Kinh hoàng nhất

Yves Berger cho rằng suốt đời ông, ông chưa được đọc cuốn sách nào làm cho ông kinh hoàng, cảm động bằng cuốn *Ishi*.

Ishi? Cái gì vậy?— Đó là tên một con người. Người Indien cuối cùng trong một bộ-lạc ở Californie. Những dân thổ trước này họ bị người da trắng tàn sát ghê gớm, tìm giết như giết thú. Chẳng hạn ngày 4-4-1876 một nhóm 170 người tụ họp lại để làm lễ cúng tế tạ ơn Trời họ bị William Anderson bắt gặp. Thế là W.Anderson cùng bộ hạ nổ súng, giết sạch 170 mạng.

Ishi sinh vào khoảng năm 1860. Bộ lạc ông ta bị tàn sát gần đuối, kéo nhau lê lết trốn chui trốn nhủi trong rừng. Họ ở mà không dám cất nhà, phải lợi dụng các vòm lá, họ nấu ăn mà không dám cho khói bay v.v.. Vậy mà thỉnh thoảng vẫn bị phát giác, dĩ nhiên mỗi lần phát giác là mỗi lần chết thêm.

Sống ba mươi tám năm hãi hùng

như thế rồi cuối cùng cả bộ lạc chỉ còn lại một người: Ishi. Khổ sở còn chịu được, cô đơn không chịu nổi. Ishi trần truồng như nhộng một ngày tháng 8 năm 1911, ra đầu thú người da trắng. Ông ta cảm chắc là sẽ bị giết.

Ban đầu người ta giam Ishi vào với những người điên. Rồi báo chí nói tới. Rồi các nhà nhân-chủng-học hay tin: một mẫu người thời thạch-khí sống giữa nước Mỹ của thế kỷ XX. Chuyện lạ lùng như thế, bỏ qua sao được. Có hai nhà nhân-chủng-học của viện đại-học Californie xin phép nhận lãnh Ishi về nuôi, đề nghiên cứu.

Ishi sống thêm năm năm nữa, thích ứng với cuộc sống văn minh, và... cung cấp đề tài cho cuốn sách này: cuốn *Ishi*.

Theodora Kroeber, tác giả, chính là vợ của một trong hai nhà nhân-chủng-học nói trên. Bà đã sống bên cạnh con người tiền sử năm năm, và bên cạnh cuộc nghiên-cứu của chồng bà.

Yves Beger so sánh câu chuyện thương tâm của Ishi với của Anne Frank.

Cách mạng và sách

Sau cuộc cách mạng tháng 5 68 ở Pháp, các nhà xuất bản thi nhau ra sách nói về cách-mạng. Đến nỗi nhiều tay... cách mạng tháng 5 đã nổi cáu lên, xỉ vả phong trào con buôn trục lợi, đem cách mạng ra thương-mãi hóa,

Bà có thể dọn 7 món. Cách - mạng tháng 5 có thể trình bày ít nhất cũng 7 kiểu :

— Kiểu phóng sự, ghi chép. Như cuốn *Le Mai de la révolution* của ba ký giả Pierre Andro, lain Dauvergne và Louis-Marie Lagoutte. Như cuốn *Le piéton de Mai*, của Jean Claude Kerboure'h.

— Kiểu tổng kết tình hình. Như *Ce n'est qu'un début* của Philippe Labro.

— Kiểu phỏng vấn. Như cuốn *La révolte étudiante* ghi lại ba cuộc phỏng vấn Cohn-Bendit, Geismar và Sauvageot

— Kiểu suy tư đề ngẫm nghĩ, nghiên cứu giải thích về nguyên nhân cùng hậu quả cuộc cách mạng. Như cuốn *Ces idées qui ébranlèrent la France* của Epistémon.

— Kiểu sưu tập tài liệu. Như cuốn *Quelle université ? Quelle société* chỉ gồm toàn những văn kiện liên quan đến cuộc cách mạng, sưu tập không giải thích.

— Kiểu trình bày hình ảnh. Như *L'imagination du pouvoir* với hình chụp của Jo Schapp, do Lewino giới thiệu.

— Kiểu hí họa. Gồm những bức họa hài hước liên quan đến cuộc cách mạng góp vào một tập album đặc biệt, như của Joseph Henz.

— Kiểu sưu tập khẩu hiệu. Như cuốn *Affiches Mai 68*, gồm tất cả những khẩu hiệu, truyền đơn, bích chương của cách mạng, thu nhặt khắp nơi, với lời tựa của Jean Cassou. Như cuốn *Les murs ont la parole, Mai 68*, do Julien Besancon sưu tập.

Giải Nobel 68

Giải Nobel năm nay về châu Á. Yasunari Kawabata 69 tuổi, người Nhật,

tiểu thuyết gia, chủ tịch hội Văn bút Nhật từ 1948 đến 1965.

Một nhà văn như thế, ở một quốc gia gần gũi như thế, mà được người Thụy điển biết trước chúng ta : thật đáng tiếc. Ước mong các vị thông thạo Nhật ngữ ở xứ này sớm giới thiệu Kawabata với độc giả Việt. «Sớm» một cách hết sức tương đối, dĩ nhiên.

Một lời khuyên của triết gia

Triết gia chính thống của đảng cộng sản Pháp là Roger Garaudy viết cuốn sách dày 400 trang, nhan đề là : *Peut-être communiste aujourd'hui ?*

Đúng cách quá. Ông R. Garaudy không đặt câu hỏi ấy thì ai xứng đáng đặt ra ? Ông R. Garaudy không trả lời câu hỏi ấy thì ai xứng đáng trả lời ?

Tuy nhiên đọc xong rác phẩm triết gia Jean François Revel bèn sốt sắng khuyên mọi người, bất cứ ai đã là cộng sản mà muốn tiếp tục an lòng làm cộng sản, ai chưa vào cộng sản mà muốn vào đảng cộng sản thì hãy tránh xa tác phẩm của R. Garaudy đừng mó tay vào. Mó vào sẽ không còn lòng dạ nào làm đảng viên cộng sản nữa.

Theo J.F. Revel. thì R. Garaudy vừa ba phải, vừa mâu thuẫn : chê Staline đó rồi lại khen đó, khen cơ cấu luận đó rồi lại chê đó v.v...

J. F. Revel cũng có lời khuyên gửi đến giới lãnh đạo cộng đảng Pháp : là nên cho Garaudy nghỉ ngơi một thời gian. Ít có nhà phê bình nào chu đáo đến thế.

Nhà văn hai tác phẩm

Các báo đều loan tin một quyết định của Bộ Quốc phòng liên quan đến giới văn nghệ : cứ văn sĩ nào đã có hai tác phẩm ra đời thì được kể là hạng

văn sĩ dùng được, ký giả nào hành nghề được hai năm được kể là hạng ký giả dùng được v.v. .. Đây là dùng vào việc Chiến tranh tâm-lý.

Thế mà gần đây chúng ta được biết có vài nhà văn như Y. Uyên (tức Nguyễn văn Vy) như Lê Tất Điều, vừa có thừa hai tác phẩm vừa có thừa hai năm viết lách trên báo chí, thế mà cả hai đều không được dùng vào ngành Chiến tranh tâm lý. Hai nhà

giáo kiêm nhà văn này, kể trước người sau cách nhau một hai khóa, mà hình như đều được ngẫu nhiên đưa vào Địa-phương-quân cả. Sao thế nhỉ? Quyết định của bộ chưa áp dụng cho thế hệ văn nghệ sĩ này chăng? Quyết định ấy ra đời là để chờ đợi một thế hệ mai sau chăng?

TRÀNG-THIÊN

X-68

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Câu chuyện tình của con gấu mèo

Cuộc tình duyên của chúng thật hết sức trắc trở. Bởi lẽ chú chàng, An-An, ở bên Mạc-tư-khoa, còn cô nàng, Chi-Chi, lại ở mãi tận Luân-đôn. Cặp gấu này là cặp độc nhất còn sót lại của giống gấu mèo Ngoài chúng ra, chỉ có hai nơi là Trung-Cộng và Bắc-Hàn mới có được thêm vài con. Nhưng chánh phủ hai nước này lại nhất định không chịu bán hoặc trao đổi loài thú hiếm có trên.

Do đó mà cách đây hai năm, chàng An-An phải bay từ Mạc tư khoa sang gặp nàng ở Luân đôn. Sau cuộc gặp gỡ này, mặc cho sự mỏi mắt trông chờ của các ông Tư bà Nguyệt, nàng Chi-Chi cũng chẳng cho ra một « tí nhau » nào. Năm nay chàng lại từ Nga bay qua thăm nàng lần thứ nhì. Sau một thời gian « tìm hiểu » khá lâu, chúng đã làm cái việc mà nhân viên sở thú mong đợi.

Xong việc lớn, An-An đã được chánh phủ Mạc tư khoa rước về, nằm chờ ngày thành bố.

Nhật và cuộc chạy đua không gian

Theo những dự đoán của Ủy ban Viễn-đông của Mỹ thì vào năm 2.000' Nhật-bản là cường quốc thứ ba trên thế giới, chỉ sau Mỹ và Nga. Nhật có vẻ « chịu » lời tuyên bố ấy lắm và hiện nay đang nỗ lực tham dự vào cuộc đua không gian đầy tốn kém.

Trung tâm không gian của Nhật đặc biệt lập hẳn trên một hòn đảo nhỏ, đảo Tanegashima, chừng 600 dặm về phía tây Đông-kinh.

Công việc khởi đầu do một nhóm bác học thuộc các viện Đại học Nhật bản gánh vác. Cho tới nay Nhật đã có những hỏa tiễn có sức đẩy rất mạnh, dùng một thứ nhiên liệu đặc biệt khác với Mỹ hoặc Nga. Vào khoảng đầu năm 1960, một hỏa tiễn mạnh quá mức dự định đã bay rớt vào một đội quân Nga hay Bắc Hàn. Chánh phủ Nhật khá bối rối tìm cách xin lỗi nhưng chẳng biết lý do nào Nga đã dấn biệt vụ này.

Ngân quỹ dành cho chương trình không gian của Nhật bản rất ít: 24 triệu đô-la, so với 4,5 tỉ đô-la của Mỹ. Mặc dầu có những khó khăn về tài lực như vậy, có lẽ vào đầu năm tới các khoa học-gia Nhật bản sẽ cho phóng vệ tinh đầu tiên lên quỹ đạo, nâng quốc gia họ lên hàng cường quốc không gian thứ tư.

Ôi trẻ con

Tuổi thơ ấu chắc chắn là quãng thời gian mà mọi ảnh hưởng ngoại lai đối với đứa bé có tầm quan trọng đặc biệt cho việc phát triển nhân tính của nó sau này. Dưới con mắt của Freud, đó là thời kỳ đáng ngại nhất của con người, mà những ảnh hưởng sẽ gây ra không biết bao nhiêu hiện tượng tâm lý phức tạp về sau.

Bởi thế, việc dạy dỗ con cái mới thành ra quan trọng đặc biệt.

Bên Mỹ, cuốn sách bán chạy nhất từ trước tới nay là cuốn «*Trẻ con và cách săn sóc trẻ*» (*Baby and child care*) của B. Benjamin Spock, đã bán hết 21 triệu cuốn được dịch ra 29 thứ tiếng, trong đó có cả tiếng Trung hoa và nay mai sẽ được dịch sang tiếng Nga. Lúc đó, nếu đứa con bỗng nhiên khóc chết xanh chết xám, bà mẹ Nga hoảng hốt có thể lật vội đến trang 212 cuốn sách nói trên để nghe Spock an ủi: «*Ít khi đứa trẻ khóc dữ đến thế ngoại trừ tính nết của nó thích như vậy.*»

Nội dung cuốn sách đề cập đến mọi vấn đề liên quan đến trẻ con: từ cách cho ăn, cho bú, chơi đùa, đến chuyện nên tập cho nó đi vệ sinh một mình vào tuổi nào, làm sao đi chơi với trẻ con có thể gây cho nó vui thích.

Đối với Spock, tình thương là tất cả. Trẻ con nên dạy dỗ nó bằng tình thương, bằng bầu không khí an vui của gia đình hơn là dùng hình phạt và sự nghiêm, khắc làm cho nó sợ hãi cha mẹ.

Theo tiêu chuẩn của Spock thì đáng lẽ Nhật bản là quốc gia có nhiều trẻ con hư đốn nhất. Từ lúc mới sinh ra cho tới tuổi cắp sách tới trường, trẻ con Nhật bản là một người khách trong gia đình. Nó được dạy cho cách chào hỏi và biết bồn phận của nó trong gia đình. Nhưng bù lại, người mẹ Nhật bản điển hình ít khi đánh đập con cái, và tuyệt đối không bao giờ rầy la nó trước đám đông. Nhờ ở đức tính kiên nhẫn sẵn có của nòi giống, người mẹ tìm cơ hội thuận tiện để dạy dỗ đứa trẻ.

Bị ảnh hưởng của sách báo Tây phương, các gia đình tân tiến ở thành thị phần lớn không chịu nuôi con bằng sữa mẹ. Trong lúc đó, bên Nga, các bà mẹ lại được khuyên bảo là không gì quý bằng sữa mẹ. Đồng thời bên Mỹ, theo các cuộc thống kê mới nhất thì khuynh hướng cho con bú sữa mẹ đang phục hưng, nhất là ở các bà mẹ thuộc thành phần có học thức.

Về phần tác giả, Bác sĩ Benjamin Spock, ông được mệnh danh là một trong những người có nhiều ảnh hưởng nhất của thời đại.

Sau các cuộc rối loạn nhiều nơi trên thế giới cũng như tại Mỹ, nhiều người có vẻ thất vọng và ngán ngẫm về lớp thiếu niên bây giờ, trái lại Spock lại hy vọng rất nhiều vào thế hệ son trẻ này. Ông vốn ghét bạo lực, chém giết, nên vừa rồi đã lên tiếng chống đối chiến tranh Việt Nam và xúi thanh niên Mỹ trốn quân dịch. Do đó ông bị kêu tù và đang chờ ngày lãnh án.

Các bà mẹ chắc sẽ bối rối dữ!

Vấn chuyện chạy đua lên cung trăng

Cuộc chạy đua đã tới hồi gay cấn. Trong lúc mọi thành công cũng như thất bại của Mỹ đều được cả thế giới biết đến thì Nga lại âm thầm làm việc và chỉ loan tin vắn tắt khi thành công.

Bởi thế một sự thành công lớn lao của Nga-Xô trong tháng qua bị quên lãng trong bầu không khí háo hức chờ đợi Apollo 7. Sự thành công của phi thuyền Zond 5 lớn lao đến nỗi làm xúc động James Webb, cựu giám đốc NASA, ông cho đó là «thành công vượt bậc chưa nước nào đạt được».

Cũng như bao chuyến bay khác trước đây, Nga đã dẫu nhem Zond 5, họ chỉ chịu xác nhận hai ngày sau phát giác của thiên văn đài Jodrell (Anh quốc). Zond 5 là phi thuyền đầu tiên của nhân loại bay vòng quanh mặt trăng rồi trở về an toàn. Tuy chuyến bay không có người lái, phi thuyền rộng đủ chỗ cho một phi hành đoàn 4 người. Các chuyên viên Hoa-Kỳ dự đoán Zond 5 mở đầu cho chuyến bay có người lái tương tự vào mùa thu năm nay. Chuyến bay âm thầm ấy khởi đầu ngày 15 9 và đã đáp xuống an toàn trong Ấn-độ-dương.

Chương trình Apollo Mỹ thì bị chậm lại 1 năm sau vụ tai nạn rủi ro hồi tháng giêng năm ngoái làm thiệt mạng 3 phi-hành-gia : Virgil Grissom, Roger Chaffee và Edward White.

Sự mở đầu rủi ro như vậy làm nhiều người lo sợ cho chuyến bay kế tiếp : Apollo 7. Chưa có chuyến bay nào đòi hỏi nhiều đóng góp đến thế nó ngốn hết 22 tỷ đô la cùng với mồ hôi và tim óc của hơn 350-000 : kỹ và sự hợp tác của 20.000 công ty tư nhân.

Đúng 11 giờ 02 phút, ngày 11 tháng-10, hai phút trễ hơn chương trình dự tính, hỏa tiễn Saturn 1B cao ngót 70m, mang theo 500 tấn nhiên liệu đã phụt ra một tia lửa khổng lồ màu vàng cam, mang phi thuyền Apollo nặng nhất thế giới lên quỹ đạo. Phi thuyền cũng được phóng đi tại giàn phóng 34, nơi ba phi hành gia đầu tiên của Mỹ tử nạn. Mười phút sau, hỏa tiễn đã đặt Apollo 7 lên quỹ đạo thứ nhất 141,5 x 176 dặm, đúng y như đã dự liệu.

Chuyến bay mang theo ba phi hành gia : Schirra (45 tuổi), Cunningham (36 tuổi) và Eisele (38 tuổi). Mọi thí nghiệm cần thiết đều được thi hành

trong những ngày đầu, đề phòng trường hợp chuyến bay có thể bị rút ngắn. Mọi việc đều xảy ra dễ dàng đến nỗi Schirra đã điện về trái đất : « Mọi việc xảy ra như trong một giấc mơ ». Chuyến bay được trực tiếp truyền hình cho dân chúng Mỹ xem. Do đó hàng triệu người Mỹ đã chứng kiến cảnh Wally Schirra uống café đựng trong một túi dẻo trong tình trạng vô trọng lực khi phi thuyền bay ngang qua lãnh thổ Hoa Kỳ trong vòng bay thứ ba. Họ cũng đã chứng kiến cảnh 3 phi hành gia thiêm thiếp ngủ, và Schirra đã bị cảm trong giấc ngủ của anh tối hôm thứ sáu. Eisele và Cunningham sau đó cũng bị cảm — Mỹ tạo thêm một kỷ lục mới : Có phi hành gia bị cảm đầu tiên trong không gian.

Giải Nobel Y-học năm 1968

Giải Nobel y-học năm nay được Hàn lâm viện Thụy-điền trao tặng cho 3 nhà bác học Hoa-kỳ : Marshall Nirenberg, 41 tuổi, Har Gobind Khorana, 46 tuổi, và Robert Holley, 46 tuổi. Cả 3 nhà bác học này được thưởng nhờ các cuộc khảo cứu về sự bí mật của di truyền.

Di truyền là một đặc điểm của sinh vật giúp sinh vật bảo tồn sắc thái của nòi giống. Trước đó, các nhà di truyền học đã biết được sự bí mật của di truyền nằm trong chất DNA (*Desoxy ribonucleic Acid*) có trong các nhiễm sắc thể của mỗi tế bào. Năm 1953, nhờ công của James Watson và Francis Crick, chúng ta được biết rằng chất DNA cấu tạo bởi 2 chuỗi dài quấn tréo với nhau theo hình xoắn ốc và nối với nhau bằng những nối nằm ngang như bậc thang. Trong đó *Adénine* (A) nối với *Thymine* (T), *Guanine* (G) nối với *Cytosine* (C). Thứ tự hai cặp A-T, G-C thay đổi đặc sắc cho mỗi DNA.

DNA chỉ huy việc tổng hợp *Protein*, chất cần thiết cho sự tạo thành sinh vật, từ những *Amino acid* trong tế bào : *Amino acid* có tất cả 20 thứ trong lúc chỉ có 4 *Nucleotide* phát xuất từ *Adénine*, *Thymine*, *Guanine*, *Cytosine*. Như vậy 4 chất trên phải sắp xếp theo thứ tự như thế nào để có thể tạo được 20 tổ hợp cần thiết cho sự tiếp nhận 20 *Amino acids*. Cũng lại nhờ ở công lao của Watson và Crick tìm ra được tổ hợp ba chất tức bộ ba hay là ba chất trong bốn chất trên sẽ thành một đơn vị. Như thế sẽ có được 64 bộ ba, đối với số 20 cần thiết, và do đó một *amino acid* có thể kết hợp với nhiều bộ ba khác nhau.

Và trong những bộ ba đó, Nirenberg và Khorana tìm được vài thứ có tác dụng điều khiển tế bào bắt đầu hoặc ngưng sự tổng hợp protein.

Vào năm 1961, Nirenberg hoàn thành một thí nghiệm quan trọng : ông tổng hợp được một DNA chỉ có *Adénine* và cho nó vào một dung dịch chứa đủ 20 amino-acid. Ông nhận thấy sau đó chỉ có một loại *protein* được thành lập, và với một loại amino acid duy nhất là *Phenylalanine*. Từ đó ông tiến được bước đầu khi xác định được bộ ba A-A-A (A=Adenosine) cần thiết cho sự sử dụng *Phenylalanine*.

Trong lúc ấy Holley tìm ra được cơ cấu và nhiệm vụ của *RNA chuyển vận* (*RNA transfer*).

Sự thành công của ba nhà bác học đưa họ đến gần tạo hoá hơn. Có lẽ chẳng bao lâu nữa các nhà bác học sẽ có thể sửa đổi những tín hiệu di truyền. Từ đó sẽ đến lúc con người tạo được nên sự sống chẳng?

TỬ DIỆP

Một thảm kịch mới của gia-đình Kennedy

Trong những năm gần đây nhiều phụ nữ nổi tiếng đã làm chấn-động dư-luận thế giới. Mới năm ngoái, 1967, bà Svetlana Staline rời Nga đi chọn tự do. Năm nay, 1968, lại đến lượt bà Jacqueline Bouvier rời Hoa-kỳ « đi chọn tự do » nữa. Nếu ái nữ của nhà độc-tài đỏ Staline được mọi người ngợi khen là can đảm thì hành động của vị nguyên đệ-nhất phu-nhân Hoa-kỳ lại bị công-luận phê phán khắc nghiệt.

Năm 1960 khi John Fitzgerald Kennedy đắc cử Tổng-thống Hoa-kỳ, dân chúng toàn thế-giới đều hoan nghênh nồng nhiệt đôi trai tài gái sắc tân chủ-nhân của Tòa Bạch-ốc uy nghi. Thật vậy bên cạnh một vị Tổng-thống trẻ, đẹp, giàu có, tài năng lỗi lạc, người ta luôn luôn thấy sự hiện diện của vị phu-nhân Tổng-thống duyên dáng, hoạt động, trí thức, đầy thiện chí : Jacqueline Kennedy. Với đôi vợ chồng « Jack và Jackie » người ta hy vọng rằng Hoa-kỳ sẽ bước vào một giai-đoạn mới, sẽ được đẩy mạnh vào con đường canh tân và tiến bộ.

Gia-đình Kennedy ở Bạch-Cung trong ba năm trời (từ 1961 tới 1963) đã là biểu hiệu của sự phồn thịnh và hạnh phúc của xã hội Mỹ. Hình ảnh một vị đệ nhất phu nhân bắt thiệp, những tiếng cười đùa của Caroline và John-John Kennedy tại Tòa Bạch-Cung và những sáng kiến mạnh dạn của Tổng-thống John Kennedy đã mở đầu một kỷ nguyên mới của nền chính trị Hoa kỳ.

Bà Jacqueline Kennedy, ngoài những việc nhà, còn tiếp tay với chồng phát huy một quan niệm mới về chính quyền. Không như những vị phu nhân Tổng-thống khác, đều nhiều tuổi có cả cháu nội cháu ngoại, bà Jacqueline Kennedy đã tận dụng tuổi thanh niên của mình để mở rộng cửa Tòa Bạch Cung đón tiếp từ các nghệ sĩ, văn gia đến các yếu nhân trong chính giới. Người ta thấy dập dìu trong Bạch Cung nào nhạc sĩ Pablo Casals, nào văn hào John Steinbeck. Người ta thấy Jacqueline Kennedy huy hoàng trong những bộ dạ phục sang trọng cùng với văn hào Pháp André Malraux đón tiếp bức tranh La Joconde, từ điện Louvres bên Pháp, gửi sang trưng bày bên Mỹ. Người ta còn thấy Jacqueline Kennedy uy nghi đứng bên cạnh Tổng thống Pháp De Gaulle, dự buổi trình diễn văn nghệ tại điện Versailles hoặc đùa cợt với Thủ tướng Nga Kroutchev tại thủ đô Vienne của Áo quốc.

Khi Tổng thống Kennedy bị sát hại tại Dallas, vào tháng 11-1963, Jackie đã có những cử chỉ điềm tĩnh, can đảm, khiến dân chúng xúc động vô cùng : nào lúc

không chịu thay bộ quần áo vấy máu của chồng, lúc dự lễ tuyên thệ của Tổng thống Johnson để chính quyền được liên tục lúc tiễn đưa linh cữu chồng, lúc thắp trên một chồng ngọn lửa bất diệt, lúc tiếp đãi những nguyên thủ các quốc gia đến đưa đám.

Khi rời tòa Bạch-Cung Jackie Kennedy đã được mọi người tôn kính, coi là tiêu-biểu cho sự vinh-quang của gia đình Kennedy. Người ta nghĩ rằng một người như bà sẽ cố gắng sống một cuộc đời góa bụa, tiết hạnh, đề cao uy tín gia đình nhà chồng...

Bỗng dưng Jacqueline đột ngột quyết định tái giá. Hơn nữa, bà lại tái giá với một nhà tỷ phú Hy-lạp đã ly dị hai lần. Như vậy một người công-giáo như bà đã tự đặt mình vào một tình trạng bất hợp-pháp đối với Giáo-hội La-mã.

Người mà Jackie chọn không ai khác hơn là Aristote Onassis, một nhà kinh doanh Hy-lạp hơn bà tới 23 tuổi. Onassis béo mập, thấp hơn Jackie tới 3 phân. Trước đây Onassis đã có vợ và con gái lớn hiện đã 18 tuổi. Onassis đã ly dị lần thứ nhất để lấy danh ca Ý La Callas và sau cũng lại ly dị với La Callas lần nữa. Onassis là một người rất hiếu thắng. Chỉ vì muốn cạnh tranh với Quốc Vương Monaco mà ông ta có lần đã bỏ tiền ra mua hết cả cổ phần các xí nghiệp ở Vương quốc Monaco. Để tỏ ra mình có nhiều may mắn với đàn bà ông ta đã cưới La Callas. Và ngày nay lấy Jackie Kennedy phải chăng ông đã toại nguyện vì chinh phục được một người đàn bà nổi danh nhất thế giới? Còn Jackie Kennedy sau khi lên tới tột đỉnh bậc thang danh vọng, bà không thể trở về sống mãi một cuộc sống bình thường của một góa phụ. Hơn nữa bà đã bị cầm tù trong cái vinh quang của quá khứ. Cái vinh quang này đã reo vào đời bà nhiều tai họa như hai cái chết của John và Robert Kennedy. Có lẽ muốn thoát ly những tai họa mà định mệnh buộc gia đình Kennedy phải gánh chịu mà Jackie đã phải tái giá.

Người ta còn cho rằng bà thiếu tiền. Sản nghiệp riêng và di sản riêng của cố Tổng-Thống Kennedy để lại cũng không đủ để bảo đảm cho bà một đời sống phong lưu như ý muốn. Onassis, với một sản nghiệp chừng 1 tỷ Mỹ kim, là người chắc chắn cung cấp cho bà được một đời sống vật chất đầy đủ.

Ngoài ra bà là một người ưa thích cuộc sống vui vẻ sung túc, đặt nặng tính cách trình diễn của cuộc đời. Ngay sau khi John Kennedy bị sát hại, người ta thấy một Jackie mặc váy ngắn (minijipe) đúng thời trang, đi du lịch vòng quanh thế giới để được mọi người chiêm ngưỡng. Với Onassis bà Kennedy đã tìm lại được một hoàn cảnh phù hợp với tính tình của bà. Giờ đây bà sẽ sống tại hòn đảo riêng của Onassis, một hòn đảo rộng 200 mẫu tây, tên là Skorpio, có 200 vệ binh riêng gìn giữ an ninh. Bà sẽ đi du thuyền Christina dài trên 100 thước. Chiếc thuyền này là một chiếc tàu của Hải quân

(Xem tiếp trang 80)

Bắt trẻ đồng xanh

• VO-PHIEN

(Tiếp theo trang 8)

Và Hồ Chí Minh không phải chỉ được thứ tuyên truyền ấy xóa cho mình cái chân tướng hiếu sát phi nhân. Ông ta còn hóa thành thiên tài lỗi lạc dưới mắt nhiều người vì đã tổ chức giặc già trong một phần tư thế kỷ để giành nửa nước, trong khi tại khắp các nước Á-Phi, những lãnh tụ bất tài nhất cũng dần dần thu hồi được độc lập toàn vẹn cho quốc gia họ với những tổn thất nhẹ hơn nhiều. Ông ta còn hóa thành chính trị gia khôn ngoan, thành « cha già dân tộc » dưới mắt nhiều người, trong khi ở các xứ khác cùng lâm vào tình trạng lưỡng phân không có chính quyền nào nổi giải quyết tình trạng một cách vô hiệu mà bắt nhân đến thế, trải bao nhiêu năm cứ nhất mực khẳng khái chủ trương hết cuộc tàn sát này đến cuộc tàn sát nọ, không một mảy may sồn lòng xúc cảm trước cảnh chết chóc thê thảm làm cho cả nhân loại đều ái ngại.

Người như thế, không biết lòng dạ ra sao, tim óc ra sao. Bảo rằng cùng trong một người vừa chứa đầy những kế hoạch xua ngay đồng bào mình vào chiến tranh liên tiếp vừa có chỗ cho tình yêu thương đồng bào, thật không thể hiểu thấu.

oOo

Những lời trên đây không được nhã nhặn. Quả không nhã nhặn. Và kẻ viết ra phải lấy làm ngượng về lời lẽ mình. Nhưng khi mình là dân một nước đã trải qua bao nhiêu năm khói lửa, rồi lại trông thấy trước mặt một viễn tượng

đầy máu me, khi ấy nói về kẻ gây thảm họa thật khó giữ lòng bình thản để nói lời tao nhã.

Có thể nào không giận ? Ông ta bảo phải đeo đuổi cuộc tàn sát nọ là vì nguyện vọng dân tộc ? — Trời, dân tộc này ai cũng xưng biết rõ vanh vách nguyện vọng, ai cũng đòi hành động nhân danh nguyện vọng dân ; có điều mỗi người nêu lên một nguyện vọng khác nhau, hoàn toàn khác nhau, lắm khi mâu thuẫn nhau. Đây là nguyện vọng đích thực, đề hồi sau phân giải. Cái chắc chắn là dân tộc này không hề nể nang nặc thiết tha với cộng sản đến nỗi chịu chết năm ba thế hệ liên tiếp để rước kỳ được chế độ ấy về. Và ông ta chừng ấy tuổi tác rồi, tai nghe mắt thấy đã nhiều, từng trải việc đời đã nhiều, ông ta đâu còn ngây thơ mà quáng mắt vì những danh từ khoác lác, những hứa hẹn hảo huyền xa xôi của một chủ thuyết. Ông ta hẳn thừa rõ những gì dễ tiện xấu xa xảy ra phía sau các khẩu hiệu tuyên truyền, thừa rõ sống ở Đông Đức đâu bằng ở Thụy Điển, Hòa lan, thừa rõ con đường từ Hung gia lợi, Lô-ma-ni tiến đến dân chủ và hạnh phúc, phải xa hơn con đường từ Thụy-sĩ, Phần lan.

Mà dù cho ông ta có không nghĩ như thế, cho rằng Tiệp-khắc sung sướng và tự do hơn Thụy điển đi chăng nữa, thì sự hơn thua chút ít cũng không đến nỗi bắt phải đòi lấy ba bốn cuộc chiến tranh trong đôi ba mươi năm

liền. Đáng lẽ ông ta để cho dân tộc nhỏ bé đã chịu quá nhiều đau đày vì ngoại thuộc này được yên thân làm ăn để sống cho ra sống trong ít lâu,

Đã không vì nguyên vọng, quyền lợi: dân tộc, ông ta hành động vì lẽ đáng ông ta nhất định phải thắng các đảng khác, vì lẽ người như ông ta không chịu thất bại nửa đường? — Chừng ấy tuổi tác rồi, lẽ nào vì tranh hơn tranh thua, mà ông mạnh tay sát hại đồng bào không xót thương đến thế? Người ta có thể vì tức khí, nóng giận mà tàn nhẫn, vung tay quá đũa. Đó là chuyện nhất thời. Còn ông, hăm ba năm rồi, ông dai dẳng quá.

Vì cuồng tín chẳng? vì tự ái chẳng? Vì cái gì ông ta cũng đáng trách đáng giận quá.

Nhưng trong vấn đề này, trách móc với giận hờn đâu có ăn thua gì. Một biểu thị tình cảm: thật vu vơ, vô hiệu. Ăn thua chỉ có chiến lược thâm hiểm, hành động thích hợp. Lời nói— dù nhã hay bất nhã— rồi sẽ bay theo mây theo gió. Chỉ có hành động mới sửa đổi được tình thế. Mà hành động thì...

Thì rồi chắc chắn ở phía bên này thoát tiên ai nấy sẽ nhảy lên mừng hòa bình, rồi tiếp đó sẽ bắt đồng cái cọ nhau ôm tòi về chuyện xây dựng, sẽ tranh nhau làm ăn tới tấp. Cùng lắm, lâu lâu sẽ có người sáng suốt nhắc nhở đến chiến tranh chính trị. Thế thôi.

Trong lúc ấy. Bắc Việt lặng lẽ điều khiển cán bộ của họ ở trong này âm thầm nhen nhóm cơ sở. Rồi đôi ba năm sau, một ngày nào đó xét thấy thuận tiện, họ cho lệnh bùng nổ. Thế là chiến tranh tái diễn.

Chiến tranh tái diễn: mọi người trên thế giới đang sống an lành bỗng bị quấy rầy, bị ảnh hưởng, có một số bị lôi cuốn vào chiến cuộc, lấy làm lo ngại, bức mình, quay đầu về cái xứ lăm chuyện này nhìn bằng cái nhìn xoi mói, nghiêm khắc, trách vấn: "Rầy rà thật! Ra cái xứ ấy tệ thật, tự xử không nên thân. Loạn lạc này đích thị là do độc tài, tham nhũng, bất công, kỳ thị tôn giáo v.v... khiến dân chúng bất mãn nổi lên chống chế độ. Dung dưỡng những chính quyền, những chế độ như thế chỉ tổ tai hại v.v..."

Chiến tranh ác liệt thêm nữa: lương tâm nhân loại bị xúc phạm, các nhà triết học gọi nhau họp ở Stockholm, các luật gia rủ nhau họp ở Grenoble v.v..., trình trọng suy tư, trình trọng bàn cãi, rồi lên án, kết tội v.v... Trong khi ấy các lãnh tụ Hà nội họ chỉ cần khéo che miệng nín cười. Đó là điều quan trọng: họ không được phép cười. Họ không được phép chế giễu lương tâm và trí thông minh của loài người. Họ không được vô lễ; họ chỉ được tiếp tục đánh thật mạnh.

Cứ thế cho đến khi hoặc chúng ta chịu không nổi những đòn đánh từ bên ngoài và những dấn xóc từ bên trong, chúng ta bỏ cuộc và cộng sản tiến đến Cà Mau; hoặc bên phía chúng ta cùng đồng minh có những kẻ thật chí, cộng sản liệu không ăn nổi, thế là lại điều đình và lại xếp đặt một kế hoạch khác... Như vậy không biết đến bao giờ.

Còn ba mươi hai năm nữa, chúng ta bước sang thế kỷ XXI. Nhiều người xem như bước sang một kỷ nguyên mới, một nền văn minh mới: con người sẽ không chỉ biết có quả đất, nhiều quốc gia sẽ tiến đến nền kinh tế kỹ-nghệ-hậu.

Đó chưa hẳn là cực lạc, nhưng cũng là cái gì vượt xa tình trạng hiện tại. Thiên hạ nô nức đua nhau tiến đến mặt trăng, đến kinh tế kỹ-nghệ-hậu. Như thề cá vượt Vũ môn.

Riêng dân tộc chúng ta, ba mươi hai năm nữa e vẫn còn đánh nhau, nửa nước tím lầy nửa nước dìm nhau trong bể máu. Các dân tộc, bất cứ da đen hay da đỏ, đều có thể nô nức, hy vọng ở thế kỷ XXI. Riêng chúng ta, chúng ta chỉ còn có mỗi một điều để đón đợi: là hết chiến cuộc này đến chiến cuộc khác, nếu Hà-nội không từ bỏ quyết tâm của họ. Và cho đến bây giờ, họ chưa có dấu hiệu từ bỏ.

Hỡi các em bé của đồng bằng Nam

Việt xanh ngắt bị bắt đưa đi, từng hàng từng lớp nối nhau đi nhau ra núi rừng Việt Bắc! Riêng về phần mình, các em đã chịu côi cút ngay từ lúc này, còn đất nước thì sẽ vì những chuyển ra đi của các em mà lâm vào cảnh đau thương bất tận. Tại họa hiện xảy đến cho các em cũng là tại họa về sau cho xứ sở. Đã sáu tháng qua rồi. Dù người ta có thôi dài cổ ngóng về Ba Lê, đề nghị cách cứu các em, thì cũng đã muộn.

Nhưng đâu có ai chịu thôi ngóng chờ? Và trong không khí thấp thỏm chờ đợi hòa bình, ngày ngày báo chí chỉ những rập rình từng thoáng tin ngưng oanh tạc, tôi hướng về các em những ý nghĩ vô cùng buồn thảm, đen tối.

VÕ-PHIẾN

MỘT THẨM KỊCH MỚI... (tiếp theo trang 77)

Gia-nã-đại được Onassis mua lại và biến cải thành một du thuyền mang tên con gái ông ta. Sửa chữa chiếc du thuyền này, ông ta đã tốn mất 2 triệu rưỡi Mỹ-kim (khoảng 200 triệu VN) du thuyền có những phòng tắm bằng cẩm thạch, máy vận nước bằng vàng khối. Du thuyền có chứa những bảo vật vô giá như hai bức họa của El Greco, có một tượng Phật bằng ngọc thạch trị giá 250.000 Mỹ kim (khoảng 25 triệu đồng V.N.). Thủy thủ đoàn gồm 50 người phụ trách đưa Jackie đi tiêu sấu trên khắp thế-giới. Bốn mươi hai máy điện thoại liên lạc du thuyền Chrisina với bất cứ một địa điểm nào trên thế-giới. Du thuyền còn có một sàn khiêu vũ mà chỉ bấm một nút điện là có thể hạ thấp xuống để biến thành một hồ tắm.

Hai chiếc thủy phi cơ cũng được túc trực sẵn trên nóc. Du thuyền này đã từng đón tiếp những nhân vật danh tiếng trên thế-giới, như công chúa Margaret Anh quốc, vua và hoàng hậu Monaco, Elisabeth Taylor v.,v... Như vậy ta thấy Jackie Onassis đã từ một bà hoàng của Bạch Cung trở thành một bà hoàng của một đời sống trường giả.

Tuy nhiên việc tái giá của Jackie Onassis vẫn là một tấn thảm kịch thêm vào những thảm kịch của gia-đình Kennedy. Nhưng buộc Jackie phải hy sinh hạnh phúc riêng tư để bảo vệ danh vọng và đề cao uy tín cho một gia đình có nhiều tham vọng, có lẽ cũng lại là một bất công mà không ai nữ bắt bà phải chịu.